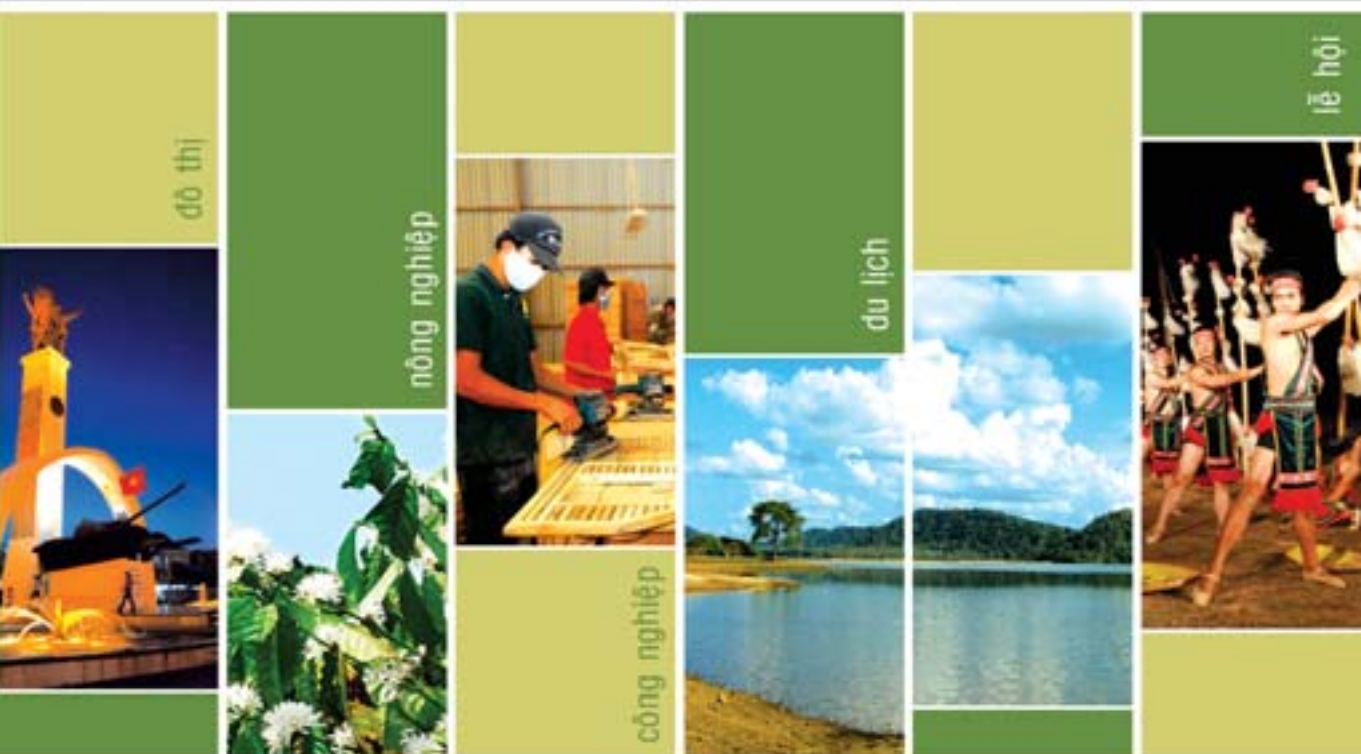


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ ĐẮK LẮK



MÔI TRƯỜNG CHÍNH SÁCH VÀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ TẠI

**ĐẮK LẮK**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

MÔI TRƯỜNG, CHÍNH SÁCH VÀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ

*tại*

**ĐẮK LẮK**

*Đắk Lắk, 2008*



# MỤC LỤC

## PHẦN A - THÔNG TIN KINH TẾ XÃ HỘI-TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN

<b>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN</b>	<b>6</b>
I. Vị trí địa lý	6
II. Điều kiện tự nhiên	7
1. Địa hình:	7
2. Khí hậu :	7
3. Thủy văn:	7
4. Tài nguyên đất	7
5. Tài nguyên rừng	9
6. Khoáng sản:	10
III. Điều kiện xã hội	10
1. Dân cư	10
2. Hành chính:	11
3. Giáo dục, đào tạo và dạy nghề:	12

4.	<i>Lực lượng lao động</i> . . . . .	13
5.	<i>Y tế</i> . . . . .	13
6.	<i>Văn hoá</i> . . . . .	14
IV.	<b>Phát triển kinh tế.</b> . . . . .	15
1.	<i>Tốc độ tăng trưởng</i> . . . . .	15
2.	<i>Cơ cấu kinh tế</i> . . . . .	16
3.	<i>Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010</i> . . . . .	16
4.	<i>Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020</i> . . . . .	24
V.	<b>Phát triển doanh nghiệp</b> . . . . .	29
1.	<i>Số lượng doanh nghiệp của tỉnh</i> . . . . .	29
2.	<i>Mục tiêu và giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2007-2010</i> . . . . .	30
3.	<i>Nhiệm vụ và Giải pháp chủ yếu</i> . . . . .	31
	 <b>CHƯƠNG 2. CƠ SỞ HẠ TẦNG</b> . . . . .	<b>40</b>
I.	<i>Giao thông vận tải</i> . . . . .	40
II.	<i>Bưu chính viễn thông.</i> . . . . .	42
III.	<i>Cấp thoát nước, điện, thủy lợi</i> . . . . .	42
1.	<i>Cấp thoát nước</i> . . . . .	42
2.	<i>Điện lực</i> . . . . .	43
3.	<i>Hệ thống thủy lợi:</i> . . . . .	43
	 <b>CHƯƠNG 3. THƯƠNG MẠI</b> . . . . .	<b>44</b>
	 <b>CHƯƠNG 4. NÔNG LÂM NGHIỆP</b> . . . . .	<b>46</b>
	 <b>CHƯƠNG 5. CÔNG NGHIỆP</b> . . . . .	<b>50</b>
I.	<i>Giới thiệu chung</i> . . . . .	50
II.	<i>Nhà máy và cơ sở công nghiệp</i> . . . . .	51
III.	<i>Khu và cụm công nghiệp</i> . . . . .	52
1.	<i>Khu công nghiệp Hoà Phú</i> . . . . .	52
2.	<i>Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp TP. Buôn Ma Thuột</i> . . . . .	53
3.	<i>Cụm công nghiệp Buôn Hồ</i> . . . . .	53
4.	<i>Cụm công nghiệp Ea Đar</i> . . . . .	54
IV.	<i>Ngành công nghiệp chủ yếu</i> . . . . .	54
V.	<i>Tài chính ngân hàng</i> . . . . .	55

<b>CHƯƠNG 6. DU LỊCH</b>	<b>56</b>
I. Giới thiệu chung	56
1. <i>Tiềm năng phát triển du lịch</i>	56
2. <i>Các sản phẩm du lịch</i>	57
3. <i>Danh lam thắng cảnh</i>	58
4. <i>Di tích văn hóa lịch sử</i>	62
5. <i>Lễ hội</i>	65
6. <i>Điểm vui chơi giải trí</i>	69
7. <i>Các công ty lữ hành</i>	70
8. <i>Hệ thống nhà hàng khách sạn</i>	73
9. <i>Nhà hàng</i>	79

## **PHẦN B - HƯỚNG DẪN VỀ QUY TRÌNH VÀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ TẠI ĐẮK LẮK**

<b>CHƯƠNG I - QUY CHẾ PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT ĐĂNG KÝ KINH DOANH, ĐĂNG KÝ THUẾ VÀ ĐĂNG KÝ DẤU</b>	<b>82</b>
---	-----------

<b>CHƯƠNG II - CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ</b>	<b>92</b>
---	-----------

<b>CHƯƠNG III - HỒ SƠ - THỦ TỤC- TRÌNH TỰ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK</b>	<b>94</b>
--	-----------

<b>CHƯƠNG IV - HƯỚNG DẪN VỀ MẪU BIỂU LIÊN QUAN TỚI THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, CHẤP CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ</b>	<b>106</b>
--	------------

<b>CHƯƠNG V - CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2008-2010</b>	<b>112</b>
--	------------

# PHẦN A

**THÔNG TIN KINH TẾ XÃ HỘI**

**TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN**



# CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN

## I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Đắk Lắk là tỉnh có vị trí địa lý ở trung tâm của vùng Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên 13.125 km<sup>2</sup>; phía bắc giáp tỉnh Gia Lai, phía đông giáp tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, phía nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía tây giáp Đắk Nông và tỉnh Mondulkiri (Campuchia) với đường biên giới có chiều dài 73 km.

Độ cao trung bình của tỉnh 500 - 800 m so với mực nước biển.

Thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của tỉnh.

Đắk Lắk có nhiều tuyến đường giao thông quan trọng nối liền với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung. Từ thành phố Buôn Ma Thuột có quốc lộ 14 chạy qua nối với thành phố Đà Nẵng qua các tỉnh Gia Lai, Kon Tum và cách thành phố Hồ Chí Minh 350 km; quốc lộ 26 nối liền với tỉnh Khánh Hoà, cách thành phố Nha Trang gần 200 km; quốc lộ 27 nối với tỉnh Lâm Đồng, cách thành phố Đà Lạt 183 km.

## II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

### 1. Địa hình:

Nằm ở phía Tây và cuối dãy Trường Sơn, là một cao nguyên rộng lớn, địa hình dốc thoải, lượn sóng, khá bằng phẳng xen kẽ với các đồng bằng thấp ven theo các sông chính. Địa hình của tỉnh có hướng thấp dần từ Đông Nam sang Tây Bắc.

### 2. Khí hậu :

Khí hậu toàn tỉnh được chia thành hai tiểu vùng khí hậu. Vùng phía Tây Bắc có khí hậu nắng nóng, khô hanh về mùa khô; Vùng phía Đông có khí hậu mát mẻ, ôn hòa. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 24°C, tháng nóng nhất và lạnh nhất chênh lệch nhau chỉ hơn 5 độ.

Nhìn chung đặc điểm khí hậu vừa bị chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa mang tính chất khí hậu cao nguyên với nhiệt độ ôn hoà gần như quanh năm, đã tạo ra các vùng sinh thái nông nghiệp thích hợp với nhiều loại cây trồng, nhất là các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như cà phê, tiêu, cao su, điều, bông vải...

### 3. Thủy văn:

Hệ thống sông, suối trên địa bàn tỉnh khá phong phú, phân bố tương đối đồng đều. Trên địa bàn tỉnh có hai hệ thống sông chính. Sông Sêrêpôk (có chiều dài sông chính là 315 km và hai nhánh chính là Krông Ana và Krông Nô) với nhiều thác nước cao có nguồn thủy năng lớn, khai thác thủy điện tốt như thác Buôn Kuốp, Dray Sáp, Dray H' Ling. Sông Ba nằm về phía Đông Bắc của tỉnh và có hai thủy lưu chính chảy trong phạm vi của tỉnh là Ea Krông Hin và Ea Krông Năng.

Bên cạnh hệ thống sông suối khá phong phú, trên địa bàn tỉnh hiện nay có rất nhiều hồ tự nhiên và hồ nhân tạo lớn như: Hồ Lắk, Ea Kao, Ea Súp thượng, Krông Buks hạ....

### 4. Tài nguyên đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 13.125 km<sup>2</sup>. Đất đai ở Đắk Lắk khá thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp (dễ khai thác, đầu tư cải tạo thấp, độ an toàn sinh thái cao).

Chất lượng của một số loại đất như nhóm đất đỏ, phần lớn nằm trên địa hình tương đối bằng phẳng rất phù hợp cho phát triển cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su v.v... cho năng suất cao và chất lượng tốt. Ngoài ra còn có nhiều loại đất



khác như đất xám, đất nâu, đất nâu thẫm, thích nghi với nhiều loại cây trồng khác nhau như cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả và một số cây lâu năm khác... Đây là điều kiện khá thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp đa dạng.

Theo kết quả kiểm kê Đất đai tỉnh Đắk Lắk năm 2005, bao gồm:

Mục đích sử dụng	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1. Đất nông nghiệp	1.084,6 nghìn ha	82,64
1.1 Đất sản xuất nông nghiệp	464,8 nghìn ha	35,41
1.2 Đất lâm nghiệp	618,2 nghìn ha	47,1
1.3 Đất nuôi trồng thủy sản	1.597 ha	
2. Đất phi nông nghiệp	91,55 nghìn ha	6,98
2.1 Đất ở đô thị	2,2 nghìn ha	
2.2 Đất ở nông thôn	10,7 nghìn ha	
2.3 Đất chuyên dùng	45,5 nghìn ha	3,46
2.4 Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	31,3 nghìn ha	

Định hướng sử dụng đất đến 2010 và 2020

- Đất nông nghiệp: chủ yếu là tăng đất lâm nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản. Năm 2010, dự kiến đất trồng cây hàng năm khoảng 204,3 nghìn ha, cây lâu năm 268 nghìn ha; đến năm 2020 đất trồng cây hàng năm 201,2 nghìn ha, cây lâu năm 265 nghìn ha.

- Đất lâm nghiệp: Đến năm 2010 diện tích đất lâm nghiệp toàn tỉnh cần đạt là 664.400 ha, năm 2020 là 704.400 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2010 là 3.250 ha, năm 2020 là 6.840 ha, tăng thêm 5.240 ha so với năm 2005.
- Đất nông nghiệp khác: Diện tích khoảng 249 ha vào năm 2010 và 511 ha vào năm 2020.
- Đất ở: Được qui hoạch trên cơ sở hiện trạng đất ở của từng địa phương và định hướng qui hoạch phát triển mạng lưới các đô thị, kế hoạch tiếp nhận dân kinh tế mới và di dân tự do. Dự báo diện tích đất ở năm 2010 là 15.875 ha (tăng thêm khoảng 2.909 ha so năm 2005. Đến năm 2020 đất ở tăng lên 18.049 ha, tăng thêm 2.174 ha so năm 2010).

Trong giai đoạn qui hoạch tới, đất chuyên dùng tăng nhanh do nhiều tuyến đường giao thông được nâng cấp, mở rộng và xây mới được xây dựng và mở rộng, xây dựng tuyến đường sắt, xây dựng các công trình hồ, đập thủy điện, thủy lợi, hành lang lưới điện, các khu - cụm công nghiệp v.v... Đất chuyên dùng có thể chuyển một phần từ đất ở nông thôn, đất vườn tạp trong vùng qui hoạch, đồng thời khai hoang đất chưa sử dụng. Chủ yếu là các loại đất:

### 5. Tài nguyên rừng

Diện tích đất lâm nghiệp của Đắk Lắk có 604.293 ha, trong đó rừng tự nhiên là 585.939 ha, rừng trồng là 18.354 ha, tỷ lệ độ che phủ 46%. Tổng trữ lượng rừng trên 50 triệu m<sup>3</sup>, trong đó trữ lượng rừng thường xanh 36,3 triệu m<sup>3</sup> (rừng giàu và trung bình 24,4 triệu m<sup>3</sup>, rừng nghèo 8,9 triệu m<sup>3</sup>, rừng non 2,9 triệu m<sup>3</sup>), trữ lượng rừng khộp 21,2 triệu m<sup>3</sup> (rừng giàu và trung bình 4,7 triệu m<sup>3</sup>, rừng nghèo 12,2 triệu m<sup>3</sup>, rừng non 4,2 triệu m<sup>3</sup>), rừng hỗn giao 1 triệu m<sup>3</sup>, rừng trồng 0,3 triệu m<sup>3</sup>. Tổng trữ lượng rừng tre nứa 335,9 triệu cây.

Thảm thực vật và đa dạng sinh học: Với các kiểu rừng: rừng kín lá rộng, rừng thường xanh quanh năm, rừng lá á kim nhiệt đới, rừng kín nửa rụng lá mùa nhiệt đới, rừng thưa, rừng hỗn giao tre nứa, trảng cây bụi, thảm cỏ tự nhiên và các nông quần hợp như cà phê, cao su, tiêu, điều, mía, bông cùng các loại cây ăn quả và cây lương thực.

Rừng Đắk Lắk có nhiều loại gỗ, cây dược liệu trong đó có một số loại gỗ quý như Cẩm Lai, Trắc, Lim, Sến, Táu, Cà te, Giáng hương, Thủy tùng ... ngoài ra còn nhiều loại lâm thổ sản khác; nhiều loại động vật quý hiếm được ghi vào sách đỏ của nước ta và sách đỏ của thế giới phân bố chủ yếu ở vườn quốc gia Yok Đôn, Chu Yang Sin, các khu bảo tồn Nam Kar, Ea Sô ... Rừng Đắk Lắk nằm ở thượng lưu các sông

suối lớn nên đóng vai trò quan trọng về phòng hộ và bảo vệ nguồn sinh thủy không những cho tỉnh và còn cho cả khu vực.

## 6. Khoáng sản:

Đắk Lắk là tỉnh có tiềm năng về tài nguyên khoáng sản, nhất là khoáng sản phục vụ cho phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng. Các khoáng sản chủ yếu là:

- Caolin được dùng trong nguyên liệu gốm sứ có trữ lượng P là 36,9 triệu tấn (mỏ ở M'Đrăk 33,9 triệu tấn, mỏ Ea Knôp của huyện Ea Kar 3 triệu tấn), phân bố chủ yếu ở M'Đrăk, Ea Kar.
- Fenspat có 2 mỏ với tổng trữ lượng 2,74 triệu tấn (mỏ Krông Hnăng ở M'Đrăk có trữ lượng 0,74 triệu tấn, mỏ Iak Bo của huyện Ea Kar có trữ lượng 2 triệu tấn. Fenspat được khai thác và cung cấp cho các cơ sở sản xuất gốm sứ.
- Cát, cuội sỏi xây dựng phân bố ở các thềm sông suối, các vùng trũng trong sông suối tại các huyện Krông Ana, Lắk, Krông Bông, Krông Pắc, EaH'leo, Buôn Ma Thuột. Riêng mỏ Bắc Chuông (Ea H'Leo) đã xác định có trữ lượng khoảng 8 triệu m<sup>3</sup> cát sỏi.
- Đá khai thác phục vụ cho xây dựng có đá granit ở Ea H'leo, Krông Bông, trữ lượng ước tính gần 1 tỷ m<sup>3</sup>; đá bazan... hiện đang được khai thác, tuy nhiên mức độ khai thác chưa hợp lý và rất lãng phí.
- Than bùn với 20 khu vực chứa than bùn, phân bố rải rác trên địa bàn tỉnh. Các mỏ than bùn điển hình như: Ea Pôk, Buôn JaWâm, Cuôr Đăng, Krông Ana, Ea Ktur, ...

Ngoài các loại khoáng sản kể trên Đắk Lắk còn có thể khai thác một số loại khoáng sản khác như quặng chì, kẽm, fluorit...

## III. ĐIỀU KIỆN XÃ HỘI

### 1. Dân cư

Đến cuối năm 2006, dân số trung bình Đắk Lắk 1.737.000 người, trong đó dân số đô thị chiếm 22,13%, còn lại chủ yếu là dân số nông thôn chiếm 77,87%. Cộng đồng dân cư Đắk Lắk gồm 44 dân tộc anh em, trong đó người Kinh chiếm 70%; các dân tộc thiểu số như Ê Đê, M'nông, Thái, Tày, Nùng,... chiếm 30% dân số toàn tỉnh.

Mật độ dân số trung bình toàn tỉnh là 131 người/km<sup>2</sup>, nhưng phân bố không đều trên địa bàn các huyện, tập trung chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột (840,5 người/km<sup>2</sup>), thị trấn huyện lỵ, ven các trục quốc lộ 14, 26, 27 chạy qua như Krông

Búk, Krông Pắc, Ea Kar, Krông Ana (khoảng 250 - 350 người/km<sup>2</sup>). Các huyện có mật độ dân số thấp chủ yếu là các huyện đặc biệt khó khăn như Ea Súp, Buôn Đôn, Lắk, Krông Bông, M'Đrắk, Ea Hleo v.v. (dưới 100 người/km<sup>2</sup>). Các dân tộc thiểu số sinh sống ở 125/170 xã trên địa bàn tỉnh, nhưng phần lớn tập trung ở các xã vùng cao, vùng xa. Ngoài các dân tộc thiểu số tại chỗ còn có số đông khác dân di cư từ các tỉnh phía Bắc và miền Trung đến Đắk Lắk sinh cơ lập nghiệp.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trung bình hàng năm giảm từ 2,44% năm 2000 xuống còn 1,5% vào năm 2006. Trong những năm gần đây, dân số của Đắk Lắk có biến động do tăng cơ học, chủ yếu là di dân tự do, điều này đã gây nên sức ép lớn cho tỉnh về giải quyết đất ở, đất sản xuất và các vấn đề đời sống xã hội, an ninh trật tự và môi trường sinh thái.

Đắk Lắk là tỉnh có nhiều dân tộc cùng chung sống, mỗi dân tộc có những nét đẹp văn hoá riêng. Đặc biệt là văn hoá truyền thống của các dân tộc Ê Đê, M'Nông, Gia Rai, v.v... với những lễ hội cồng chiêng, đâm trâu, đua voi mùa xuân; kiến trúc nhà sàn, nhà rông; các nhạc cụ lâu đời nổi tiếng như các bộ cồng chiêng, đàn đá, đàn T'rưng; các bản trường ca Tây Nguyên... là những sản phẩm văn hoá vật thể và phi vật thể quý giá, trong đó Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên đã được tổ chức UNESCO công nhận là kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Tất cả các truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc tạo nên sự đa dạng, phong phú về văn hóa của Đắk Lắk.

## 2. Hành chính:

Tỉnh Đắk Lắk bao gồm thành phố Buôn Ma Thuột (Thành phố loại II) và 13 huyện; bao gồm 180 xã, phường, thị trấn.

- Thành phố Buôn Ma Thuột: 13 phường và 8 xã
- Huyện Ea H'leo: 1 thị trấn và 11 xã
- Huyện Ea Súp: 1 thị trấn và 9 xã
- Huyện Buôn Đôn: 7 xã
- Huyện Cư M'gar: 2 thị trấn và 15 xã
- Huyện Krông Búk: 1 thị trấn và 14 xã
- Huyện Ea Kar: 2 thị trấn và 14 xã
- Huyện M'Đrắk: 1 thị trấn và 12 xã
- Huyện Krông Bông: 1 thị trấn và 13 xã
- Huyện Krông Pắc: 1 thị trấn và 15 xã
- Huyện Krông A Na: 1 thị trấn và 7 xã
- Huyện Lắk: 1 thị trấn và 10 xã
- Huyện Krông Năng: 1 thị trấn và 11 xã
- Huyện Cư Kuin: 8 xã

## Các cơ quan hành chính tại Đắk Lắk

### Ủy ban nhân dân

- Ủy ban nhân dân tỉnh: 09 Lê Duẩn - ĐT: (050) 851206 - 856128
- Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: 1 Lý Nam Đế - ĐT: (050) 953522

### Các Sở, Ban, Ngành

- Sở Kế hoạch - Đầu tư Đắk Lắk: 17 Lê Duẩn - ĐT: (050) 851462
- Sở Thương mại - Du lịch Đắk Lắk: 9 Nguyễn Tất Thành - ĐT: (050) 950993
- Sở Tài nguyên Môi trường: 46 Phan Bội Châu - ĐT: (050) 852477
- Sở Giao thông Vận tải Đắk Lắk: 7 Đinh Tiên Hoàng - ĐT: (050) 854356
- Sở Văn hóa Thông tin Đắk Lắk: 17 Phan Bội Châu - ĐT: (050) 852404
- Sở Tư pháp Đắk Lắk: đường Trường Chinh - ĐT: (050) 955726
- Sở Xây dựng: 15 Hùng Vương - ĐT: (050) 856168 - 851295
- Sở Nội vụ: 180 Nguyễn Du - ĐT: (050) 855542 - 852353
- Sở Tài chính: 07 Nguyễn Tất Thành - ĐT: (050) 852446 - 852377
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:  
47 Nguyễn Tất Thành - ĐT: (050) 956752 - 956285
- Sở Công an Đắk Lắk: 58 Nguyễn Tất Thành - ĐT: (050) 852537
- Phòng Xuất nhập cảnh, Sở Công an Đắk Lắk: - ĐT: (050) 853421

### 3. Giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

Ngành giáo dục đào tạo được quan tâm đầu tư thích đáng và đã đạt được nhiều thành tựu, góp phần nâng cao trình độ dân trí. Năm 2000 Đắk Lắk đã được Bộ Giáo dục - Đào tạo công nhận tỉnh đã hoàn thành chương trình quốc gia xoá mù chữ và phổ cập tiểu học. Năm học 2006-2007, toàn tỉnh có 624 trường phổ thông, 459.682 học sinh.

Tỉnh hiện có trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học lớn nhất của Tây Nguyên (Lực lượng cán bộ, giảng viên 390 người (giảng viên là 277 người) trong đó có 30 tiến sĩ, 91 thạc sĩ, 48 giảng viên chính. Hiện có trên 5.000 sinh viên theo học trong các khoa). Có 3 trường cao đẳng (Trường Cao đẳng Sư phạm, Cao đẳng Văn hoá nghệ thuật và Trường Cao đẳng nghề Tây nguyên), 03 trường trung học chuyên nghiệp và 02 trường đào tạo công nhân kỹ thuật, trung tâm giáo dục thường xuyên tại tất cả các huyện, thành phố và hệ thống các trung tâm đào tạo ngoại ngữ, tin học trên toàn tỉnh.

Với hệ thống các trường đào tạo hiện có, trong những năm qua đã đào tạo, bồi dưỡng và cơ bản cung cấp đủ đội ngũ cán bộ, giảng viên phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các viện, trường trung ương gồm Trường Đại học Tây Nguyên, Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên, Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên

Toàn tỉnh có 28 cơ sở đào tạo nghề : Trường Công nhân Kỹ thuật Cơ điện, Trường đào tạo nghề Tây nguyên và các cơ sở đào tạo nghề của các tổ chức đoàn thể và của tư nhân cũng đã góp phần không nhỏ trong việc đào tạo nghề cho lực lượng lao động của tỉnh.

Tình hình lao động qua đào tạo nghề : Lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật của tỉnh hiện nay là 144.000 người, chiếm 18,03% lực lượng lao động; Lao động đã qua đào tạo nghề chiếm 29,2% lực lượng lao động.

#### 4. Lực lượng lao động

Tính đến năm 2006, tỉnh Đắk Lắk có 968.843 lao động, chiếm 55,8% dân số, trong đó 28,2% đã được qua đào tạo nghề.

#### Lao động tham gia trong các ngành kinh tế quốc dân đến năm 2020

Chỉ tiêu	2005	2010	2015	2020	Nhịp độ tăng trưởng (%)		
					2006-2010	2011-2015	2016-2020
Tổng số	796,5	957,7	1.080,6	1.177,6	3,75	2,44	1,73
1- Công nghiệp - Xây dựng	58,4	96,7	156,7	223,7	10,62	10,13	7,39
% so tổng số	7,1	10,1	14,5	19,0			
2 - Nông, lâm nghiệp	630,6	709,7	702,4	647,7	2,39	-0,21	-1,61
% so tổng số	76,3	74,1	65,0	55,0			
3 - Khu vực dịch vụ	107,5	151,3	221,5	306,2	7,07	7,92	6,69
% so tổng số	13,1	15,8	20,5	26,0			

#### 5. Y tế

Tại Đắk Lắk, mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm củng cố, cán bộ y tế cơ sở được tăng cường.

Năm 2006, toàn tỉnh có 2.847 giường bệnh; 3.341 cán bộ y tế, đạt tỷ lệ 16,4 giường bệnh và 19,2 cán bộ y tế trên 1 vạn dân; từng bước đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Tuyến tỉnh có 1 bệnh viện đa khoa 500 giường, 1 bệnh viện chuyên khoa 100 giường, 1 bệnh viện đa khoa 100 giường, 1 khu điều trị phong, 30 giường cùng 7 cơ sở y tế khác (da liễu, sốt rét, tâm thần...). Tuyến huyện có 12 bệnh viện đa khoa, 12 đội vệ

sinh phòng dịch sốt rét, 12 Ủy ban Dân số Kế hoạch hóa Gia đình. Các đơn vị cơ sở có 165 trạm y tế, phòng khám đa khoa trên tổng số 180 xã, phường, thị trấn.

## 6. Văn hoá

Nói đến văn hóa truyền thống ở Đắk Lắk, trước hết phải nói đến nền văn hóa mang đậm nét đặc trưng của cư dân bản địa, từ bao đời nay đã tạo dựng nên một nền văn hóa vô cùng phong phú và đa dạng, với những di sản văn hóa vật thể cũng như phi vật thể độc đáo và đồ sộ. Nói đến các di sản văn hóa dân tộc, không quên các di sản văn hoá vật thể nổi tiếng như đàn đá, nhạc cụ, công chiêng, kiến trúc nhà dài, kiến trúc nhà mồ, công cụ lao động dệt thổ cẩm, tạc tượng... cùng các di sản văn hoá phi vật thể như luật tục, các lễ hội, các tập tục và các sinh hoạt văn hóa, sinh hoạt cộng đồng. Đặc biệt, tháng 11/2003, Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên đã được tổ chức UNESCO công nhận là kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Đồ sộ và phong phú hơn cả là kho tàng văn học dân gian với những bản sử thi (Dân tộc Ê Đê gọi là Khan, dân tộc M'Nông gọi là át Nrong), thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, lời nói vần... đậm đà bản sắc dân tộc lưu truyền qua bao thế hệ. Ngoài ra dân tộc Ê Đê còn có cả chữ viết mà sau này được phiên âm sử dụng phổ biến cho đến nay.

Điểm nổi bật của văn hoá bản địa Đắk Lắk là: văn hoá lễ hội nhà dài, văn hoá công chiêng, văn hoá mẫu hệ, văn hoá ẩm thực, văn hoá sử thi, văn hoá luật tục, văn hoá cộng đồng độc đáo, phong phú giàu bản sắc dân tộc.

Trước đây cũng như hiện nay, quan hệ xã hội cơ bản của đồng bào các dân tộc vẫn còn mang đậm tính huyết thống và tính cộng đồng bền chặt. Nói chung, đồng bào các dân tộc Ê Đê cũng như M'Nông, Gia Rai đều có một đặc điểm lớn, đó là sự tồn tại bền vững của những mối quan hệ xã hội cổ truyền tốt đẹp được hình thành qua các thời kỳ lịch sử lâu dài. Tinh thần cộng đồng, dân chủ, bình đẳng, tương thân tương ái... Bên cạnh đó, tinh thần thượng võ, nhân ái, yêu thiên nhiên, yêu chuộng hòa bình, cần cù sáng tạo cũng là những đặc trưng nổi bật của đồng bào các dân tộc. Nổi bật hơn cả là ý chí đấu tranh bất khuất chống chọi với thiên nhiên và truyền thống đấu tranh bảo vệ buôn làng, bảo vệ quê hương đất nước. Truyền thống đó đã được phát huy cao độ trong những năm nhân dân Đắk Lắk đứng lên theo Đảng làm cách mạng, chiến đấu chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược.

Điểm tô thêm nền văn hóa truyền thống của các dân tộc bản địa, Đắk Lắk còn có sự du nhập nền văn hóa của các dân tộc thiểu số phía Bắc và nền văn hóa của người Kinh với đủ sắc thái của ba miền Trung - Nam - Bắc. Tất cả đều được gìn giữ

và phát triển, hòa quyện trong quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Ngoài ra, nói đến văn hóa ở Đắk Lắk cũng không thể không nói đến các danh thắng, các di tích lịch sử văn hóa mang dấu ấn của lịch sử. Trên địa bàn Đắk Lắk đã tìm thấy một số di chỉ khảo cổ học mang dấu tích của người tiền sử. Đó là các di chỉ ở Draï Si (huyện Cư M'gar), xã Ea Tiêu, Quảng Điền (huyện Krông Ana), xã Buôn Triết, hồ Lắk (huyện Lắk), xã Trường Xuân, Dak Rung...

Thời kỳ hiện đại, chúng ta có hàng chục di tích nổi tiếng như: nhà tù Buôn Ma Thuột, đình Lạc Giao - nơi biểu hiện cho sự hiện diện của nền văn minh lúa nước của cộng đồng người Việt ở, đồn điền Ca Đa, Biệt điện Bảo Đại - dấu ấn của triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam, hang đá Đắk Tuar và rất nhiều di tích lịch sử, văn hóa khác.

## IV. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

### 1. Tốc độ tăng trưởng

Nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm thời kỳ 2001-2005 là 8,16%; năm 2006 tốc độ tăng trưởng là 9,11%. Năm 2006, GDP của tỉnh là 7.894,5 tỷ đồng (giá so sánh năm 1994).

Ngành công nghiệp - xây dựng tăng khá cao 26,4%; các ngành dịch vụ cũng vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra tăng 29,12%; riêng ngành nông lâm nghiệp giảm 0,86%.

### Tăng trưởng kinh tế theo giá so sánh năm 1994

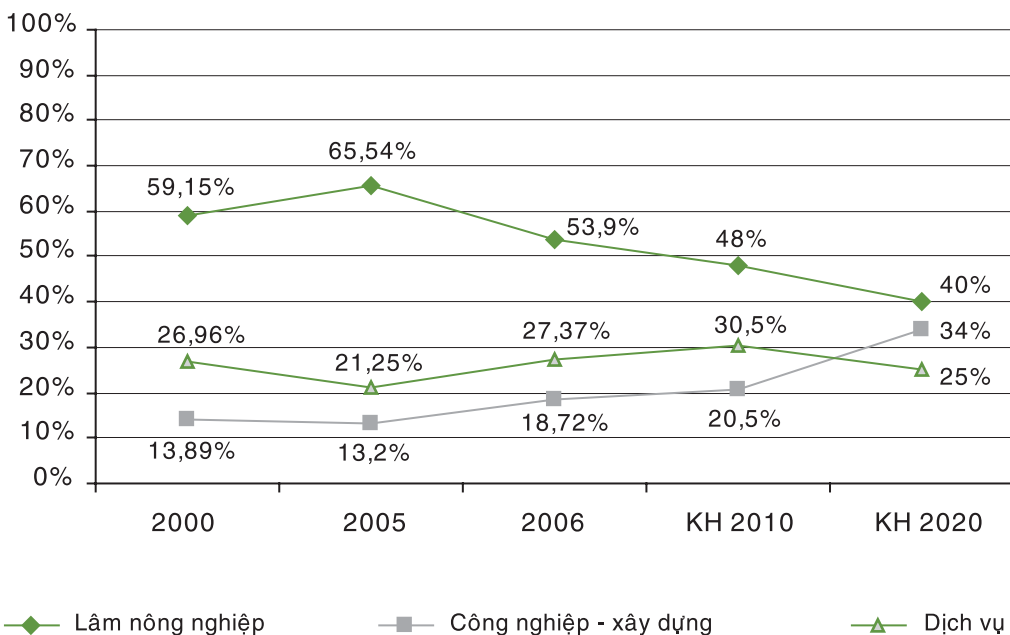
Đơn vị: Tỷ đồng

					Tăng BQ 2001 - 2005
Chỉ tiêu	2003	2004	2005	2006	Thực hiện (%)
Tổng GDP theo giá so sánh 1994	6.047,6	6.678,7	7.235,2	7.894,5	8,16
Chia theo ngành kinh tế					
- Nông, lâm, thủy sản	4.374,7	4.691	4.771,1	4.701,5	4,75
- Công nghiệp, xây dựng	557,3	682,5	938,8	1.207,4	21,5
- Khu vực dịch vụ	1.115,6	1.305,2	1.525,3	1.985,6	15,54
Theo SXVC-Dịch vụ					
- Sản xuất vật chất	4.932	5.373,5	5.697,4	5.908,9	6,6
- Dịch vụ	1.115,6	1.305,2	1.525,3	1.985,6	15,54

## 2. Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của Đắk Lắk đang chuyển dịch theo hướng tích cực. So với năm 2000, trong năm 2006 tỷ trọng các ngành (tính theo giá so sánh 1994): Nông lâm ngư nghiệp giảm từ 65,54% (2005) xuống 53,9%; Công nghiệp - xây dựng tăng từ 13,2% (2005) lên 18,72% và khu vực dịch vụ tăng từ 21,25% (2005) lên 27,37%. Thực tế cho thấy, Đắk Lắk đang hướng đầu tư sang lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Đây là xu hướng tất yếu của tỉnh hiện tại và tương lai bởi lợi thế về tài nguyên đất đai đã được khai thác đưa vào sử dụng cho nông nghiệp tương đối ổn định, bảo đảm cân bằng. Hiện nay sản xuất nông nghiệp chủ yếu sản xuất thâm canh tăng vụ.

**Cơ cấu kinh tế tỉnh Đắk Lắk (giá so sánh 1994)**



## 3. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010

### 3.1. Mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ chủ yếu

Mục tiêu tổng quát: Phát huy những thành quả đạt được, khắc phục mọi khó khăn thách thức, huy động và sử dụng tốt các nguồn lực, khai thác có hiệu quả các tiềm năng để tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh và bền vững, gắn phát triển kinh tế với thực hiện công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển nguồn nhân lực nâng cao đời sống vật chất và



tinh thần cho nhân dân. Phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh.

Nhiệm vụ chủ yếu:

- Một là, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm cao hơn giai đoạn 2001-2005. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Tăng nhanh hàm lượng công nghệ trong sản phẩm, tạo bước tiến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm, các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Nâng cao vai trò của khoa học và công nghệ, giáo dục - đào tạo đóng góp vào sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.
- Hai là, hoàn thành cơ bản việc sắp xếp, đổi mới và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tạo thuận lợi để phát triển mạnh các thành phần kinh tế.
- Ba là, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, tạo được môi trường đầu tư ổn định, thông thoáng. Tạo điều kiện thuận lợi tăng nhanh xuất khẩu, thu hút vốn, công nghệ tiên tiến cho phát triển công nghiệp và dịch vụ.
- Bốn là, tích cực huy động để tăng nhanh vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy tính chủ động của cơ sở trong thu, chi ngân sách. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế. Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, hỗ trợ đầu tư nhiều hơn cho các vùng còn nhiều khó khăn,

vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

- Năm là, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, y tế, thể dục thể thao và một số lĩnh vực xã hội khác. Tiếp tục thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo, thu hút đầu tư tạo nhiều việc làm cho lao động.
- Sáu là, tạo được bước chuyển biến toàn diện và sâu sắc trong việc cải cách hành chính, phát huy dân chủ, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiễu dân. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật. củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, giảm nhẹ tình trạng tai nạn giao thông.
- Bảy là, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, giữ vững ổn định an ninh chính trị, đảm bảo trật tự - an toàn xã hội và đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa. Xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc và xây dựng lực lượng vũ trang đảm bảo có số lượng, chất lượng toàn diện. Đảm bảo trật tự an toàn xã hội ổn định để tạo môi trường tốt cho phát triển kinh tế - xã hội.

### 3.2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2010

Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu kinh tế : Tổng GDP năm 2010 (tính theo giá so sánh 1994) gấp 2,5 lần so với năm 2000 và gấp 1,7 lần so với năm 2005. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm từ 11-12%. Trong đó nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5-6%; công nghiệp và xây dựng tăng 22-23%, dịch vụ tăng 18-19%.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh xác định là: NÔNG NGHIỆP-CÔNG NGHIỆP-DỊCH VỤ; đến năm 2010 tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp 48-49% trong GDP; công nghiệp, xây dựng 20,5-21%; thương mại, dịch vụ 30,5-31% (tính theo giá so sánh 1994).

Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt 850 USD (tính theo giá so sánh 1994), từ 9-9,5 triệu đồng (tính theo giá hiện hành).

Phát triển cơ sở hạ tầng:

- Thủy lợi: Đảm bảo tưới chủ động cho trên 70% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới.
- Giao thông: Cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hoá toàn bộ các tuyến đường tỉnh, đường đến trung tâm xã, 50% hệ thống đường huyện và 25% đường xã, liên xã.

- Điện: 95% thôn, buôn trở lên có điện, trong đó 90 - 95% số hộ được dùng điện. Mức tiêu thụ điện bình quân 350 kwh/người/năm.
- Thông tin: 100% số xã có hệ thống thông tin thông suốt, 15 máy điện thoại và 8-12 thuê bao internet/100 người dân.

Nâng độ che phủ của rừng đạt 50% diện tích tự nhiên.

Thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 11-12% GDP (theo giá hiện hành).

Tổng kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm 2006-2010 đạt 1.600-1.700 triệu USD, nhập khẩu đạt trên 100 triệu USD.

Huy động đầu tư toàn xã hội bình quân từ 33-35% GDP, tăng bình quân hàng năm 18,5%.

Quy mô dân số đến 2010 khoảng 1,91 triệu người (trong đó có 30% dân số thuộc khu vực thành thị), với gần 1 triệu lao động. Giảm tốc độ tăng dân số tự nhiên vào năm 2010 xuống còn 1,5%. Giảm tỷ suất sinh hàng năm 1‰.

Giải quyết việc làm cho 17 vạn lao động; giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị xuống khoảng 3%, nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 85% vào năm 2010; giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2,5%/ năm; đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010 đạt 36%, trong đó qua đào tạo nghề 28%.

Giáo dục: Chuẩn hoá toàn bộ đội ngũ giáo viên vào năm 2007; hoàn thành phổ cập trung học cơ sở vào năm 2008; đầu tư xây dựng từ 5 - 7 trung tâm dạy nghề trên toàn tỉnh; 100% huyện, thành phố có trường phổ thông dân tộc nội trú, có Trung tâm giáo dục thường xuyên; 80 - 85% thôn, buôn có phân hiệu trường hoặc lớp mẫu giáo; 60% trường học được kiên cố hóa; 11% trường Mầm non, 52% trường Tiểu học, 18% trường Trung học cơ sở và 23% trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Y tế: Đến năm 2010 có 85% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, 100% trạm y tế xã có bác sỹ và đủ điều kiện làm việc. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em đến năm 2010 còn dưới 25%.

Văn hóa-thông tin-thể thao: Phủ sóng phát thanh và truyền hình trên toàn tỉnh. Phần đầu đến năm 2010 có 85% hộ trở lên đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa các cấp; 30% xã, phường, thị trấn; 50% thôn, buôn, tổ dân phố; 80-85% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa; 100% buôn có nhà sinh hoạt cộng đồng vào năm 2007; 100% xã có trạm truyền thanh vào năm 2006; 100% thôn, buôn được quy hoạch đất để xây dựng hội trường, điểm sinh hoạt văn hóa-thể thao.

Nước sinh hoạt: Đến năm 2010 có 100% dân cư đô thị, 70% dân cư nông thôn được dùng nước sạch.

An ninh quốc phòng: Xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc; giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng vũ trang đảm bảo số lượng, có chất lượng toàn diện. Giải quyết dứt điểm vấn đề Fulro bên trong, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, vượt biên, xâm nhập trái phép.

### *3.3. Những Định hướng phát triển và Giải pháp trọng điểm*

Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch, đầu tư xây dựng và thực hiện tốt chính sách thu hút đầu tư để lấp đầy các khu, cụm, điểm công nghiệp, quan tâm đến các doanh nghiệp chế biến nông lâm sản. Tạo thuận lợi đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án thủy điện. Cải cách hành chính trong xúc tiến kêu gọi đầu tư, đơn giản hóa thủ tục trong đầu tư và thành lập doanh nghiệp.

Tập trung cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng cho các dự án.

Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng vùng biên giới, xây dựng cửa khẩu Đăk Ruê; thực hiện chương trình Tam giác phát triển Việt Nam-Lào-Campuchia, nhằm mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các tỉnh biên giới của nước bạn trong khu vực.

Tập trung đầu tư xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột thành trung tâm kinh tế - khoa học - văn hóa của khu vực Tây Nguyên; đồng thời xây dựng thị trấn Buôn Hồ và thị trấn Ea Kar sớm đủ điều kiện nâng cấp đô thị loại IV.



Ngân sách hàng năm ưu tiên đầu tư cho 5 huyện khó khăn: Krông Bông, Lắk, Ea Sup, Buôn Đôn, M'Drăk để từng bước xóa nghèo cho các vùng này.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ của tỉnh.

#### 3.4. Định hướng, Giải pháp Phát triển Ngành, Lĩnh vực

Phát triển nhanh các ngành kinh tế, tạo ra bước đột phá về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất trong từng ngành, từng lĩnh vực, theo hướng phát huy lợi thế, gắn sản xuất với thị trường, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các loại sản phẩm.

Phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

- Xây dựng nền nông nghiệp đa dạng, phát triển nhanh và bền vững kết hợp với phát triển đa dạng ngành nghề nông thôn để xóa đói giảm nghèo.
- Đưa sản xuất nông lâm nghiệp đạt giá trị 10.400 tỷ đồng (giá so sánh năm 1994) vào năm 2010 với tốc độ tăng trưởng bình quân 5-6%/ năm; trong đó trồng trọt tăng 4-5%; chăn nuôi 14-15%; dịch vụ nông thôn 13-14%. Đến năm 2010 cơ cấu kinh tế nội bộ ngành phải đạt được như sau: nông nghiệp chiếm 97,9%, lâm nghiệp chiếm 0,9%, thủy sản chiếm 1,1%. Trong nông nghiệp, tỷ trọng ngành trồng trọt giảm từ 85,9% xuống còn 79,9%; chăn nuôi từ 9,5% lên 14,4%.

Phát triển sản xuất công nghiệp:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân trong giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 22- 23%, nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 2010 tỷ trọng giá trị tăng thêm của ngành đạt từ 14 - 14,5% trên tổng GDP toàn tỉnh.
- Phát triển công nghiệp theo hướng phát huy lợi thế so sánh. Thay đổi cơ cấu trong ngành, tập trung phát triển công nghiệp thủy điện, chế biến nông lâm sản để khai thác lợi thế địa lý, nguyên liệu của tỉnh, đồng thời phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp nhẹ: dệt, may, da, nước giải khát..., công nghiệp hóa chất, cao su, phân bón...; công nghiệp cơ khí; công nghiệp sản xuất, cung cấp điện nước;
- Công nghiệp chế biến nông lâm sản: Tập trung vào chế biến nông sản mũi nhọn như: Cao su, cà phê, bông, điều, mía, sắn, ngô, ca cao, cây ăn quả; các sản phẩm từ chăn nuôi như thịt, da, mật ong...; Đồ gỗ tinh chế xuất khẩu, ván nhân tạo và đồ gỗ từ ván nhân tạo; Các sản phẩm từ lồ ô, tre, nứa như bột

giấy, giấy bao bì, dũa...; Các sản phẩm phục vụ nông nghiệp như thức ăn gia súc, phân bón...

Phát triển các ngành dịch vụ:

- Phát triển các ngành thương mại, dịch vụ với mức tăng trưởng từ 18 - 19% mỗi năm. Đến năm 2010 tỷ trọng giá trị tăng thêm của ngành chiếm từ 29 - 30% trên tổng GDP toàn tỉnh. Tiếp tục tập trung vào phát triển một số ngành dịch vụ có tiềm năng để phát huy ưu thế và khả năng cạnh tranh như du lịch, vận tải, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông, xuất khẩu lao động.
- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng mức luân chuyển hàng hóa bán lẻ đạt bình quân 19% /năm. Không ngừng nâng cao kim ngạch xuất khẩu, phấn đấu đạt tốc độ tăng bình quân 4,8%. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là cà phê, cao su, mật ong, điều, tiêu và đồ gỗ tinh chế. Nhập khẩu của tỉnh tập trung cho nhập nguyên nhiên vật liệu, hàng tiêu dùng cao cấp phục vụ phát triển ngành du lịch. Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân khoảng 5,3%/năm.

Tiếp tục xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng, tạo khả năng thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Giao thông: Thường xuyên duy tu bảo dưỡng mạng lưới giao thông đảm bảo giao thông thông suốt trong cả hai mùa. Duy trì mật độ mạng lưới đường ở mức 0,58 - 0,6 km/km<sup>2</sup> (hiện nay là 0,58). Đến năm 2010 đảm bảo hầu hết các tuyến tỉnh lộ được trải mặt nhựa, hoặc bê tông xi măng; xây dựng các hệ thống cầu cống kiên cố trên các tuyến huyết mạch và mở rộng các tuyến đường có nhu cầu vận tải lớn.

Thủy lợi: Đảm bảo năng lực tưới tăng thêm 31.500 ha để đưa diện tích cây trồng được tưới lên 70%; xây dựng một số công trình thủy lợi lớn: Ea H'leo, Krông Pắc Thượng, Krông Buk Hạ, Hồ Ea Bông, Hồ Ea Rót, các cụm công trình thủy lợi Krông Bông, M'Đrăk..., đồng thời xây dựng thêm các công trình thủy lợi nhỏ và vừa ưu tiên cho vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu vùng xa.

Cấp điện: Phấn đấu năng lực tăng thêm 312 trạm biến áp, tổng dung lượng 20.430 KVA và 1.365 km đường dây trung hạ áp để đến năm 2010 đạt 95% số thôn, buôn có điện và 95% số hộ được dùng điện với mức tiêu thụ bình quân 337 kwh/người. Lưới điện 220 KV: Nhu cầu công suất toàn tỉnh là 150 - 160 MW, nâng cấp trạm 220 KV Krông Buk để đảm nhận cấp điện cho các phụ tải còn lại là 110 MW. Đầu tư từ 3 - 5 trạm 110 KV và củng cố các trạm, lưới hiện có.

Cấp nước sinh hoạt: Đến năm 2010 đạt 90 - 100 lít/người/ngày với tỷ lệ 100% dân số thành thị được cấp nước sạch. Phát triển hệ thống thoát nước, vệ sinh môi trường

ở đô thị cấp huyện, giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước và xử lý chất thải ở các đô thị. Cấp nước nông thôn năm 2010 đảm bảo đạt 60 lít/người/ngày, phấn đấu 70% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch bằng nhiều hình thức cung cấp nước.

**Giáo dục-đào tạo:** Để đảm bảo chỉ tiêu chuẩn hóa cơ sở vật chất trường học vào năm 2010 và 60% phòng học được kiên cố hóa, cần phải đầu tư kiên cố hóa 7.714 phòng học, bình quân mỗi năm đầu tư 1.500 phòng. Đầu tư xây dựng 5-7 Trung tâm dạy nghề cấp huyện. Nguồn vốn đầu tư gồm vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu, vốn ngân sách địa phương và huy động các thành phần kinh tế, nhân dân tham gia.

**Y tế:** Để hoàn thành chỉ tiêu 85% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia, giai đoạn này cần phải đầu tư xây dựng mới và cải tạo nâng cấp 130 trạm, bình quân mỗi năm đầu tư xây dựng 26 trạm. Đầu tư xây dựng 13 Trung tâm y tế dự phòng cấp huyện. Từng bước hoàn chỉnh cơ sở vật chất và trang thiết bị các bệnh viện huyện, khu vực, các trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh, huyện. Triển khai các bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện đa khoa khu vực Tây nguyên.

Xây dựng môi trường đầu tư ổn định và thuận lợi, đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế, đồng thời thu hút tốt các nguồn vốn đầu tư.

Tập trung xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh các quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn. Nâng cao chất lượng xây dựng quy hoạch, gắn kết quy hoạch tổng thể với quy hoạch ngành, quy hoạch chung với quy hoạch chi tiết, quy hoạch với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, coi đó là những công cụ quan trọng để thúc đẩy phát triển đầu tư xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tăng cường tiềm lực và nâng cao hiệu quả của khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội

Quản lý, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường theo hướng bền vững.

Phát triển giáo dục, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe nhân dân, văn hóa thông tin và giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung quản lý trật tự xã hội nhằm giải quyết có hiệu quả, kịp thời những vấn đề bức xúc và biến động bất ổn về kinh tế-xã hội.

Củng cố, giữ vững an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

## 4. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020

### 4.1. Các mục tiêu kinh tế chủ yếu

Phần đầu tăng tổng GDP (theo giá so sánh 1994) đến năm 2010 gấp 1,7 lần so với năm 2005, năm 2020 gấp 3,03 lần so với năm 2010. GDP/người (giá hiện hành năm 2005) năm 2010 đạt khoảng 9,5 - 10 triệu đồng, năm 2020 khoảng 42 - 43,3 triệu đồng; thu hẹp khoảng cách thu nhập bình quân đầu người (GDP/người) so với cả nước đạt 55% năm 2010, lên 61% năm 2015 và đến năm 2020 đạt 75%; tương ứng với các mốc thời gian trên, so với vùng Tây Nguyên đạt: 84%, 95% và 103%.

Về tốc độ tăng trưởng kinh tế theo GDP (giá so sánh 1994):

- Thời kỳ 2006 - 2010: Phần đầu tăng GDP bình quân mỗi năm 11 - 12%, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 22 - 23%; nông - lâm nghiệp tăng 4,8 - 5%, dịch vụ tăng 20 - 21%.
- Thời kỳ 2011 - 2015: GDP tăng bình quân năm 12 - 12,5%/năm, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 19,5 - 20%, nông, lâm nghiệp tăng 4,5 - 5%, dịch vụ tăng 16,3 - 17%.
- Thời kỳ 2016 - 2020: GDP tăng bình quân năm 12,5 - 13%, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 19 - 20%, nông, lâm nghiệp 4,4 - 4,5%, dịch vụ tăng 13 - 14%.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh sẽ chuyển dịch dần từ nông, lâm nghiệp - công nghiệp - xây dựng - dịch vụ (thời kỳ 2006 - 2010 với tỷ trọng của 3 khu vực trên trong GDP của tỉnh vào năm 2010, tính theo giá so sánh là 48 - 49%, 20,5 - 21%, 30,5 - 31%; tính theo giá hiện hành là 35 - 36%, 27 - 28%, 36 - 37%) sang dịch vụ - công nghiệp - xây dựng - nông lâm nghiệp vào thời kỳ sau (đến năm 2020, tỉ trọng của 3 khu vực trên trong GDP là 40 - 41%, 34 - 35 %, 25 - 26%).

Giá trị xuất khẩu đến năm 2010 đạt 380 triệu USD, năm 2015 đạt 600 triệu USD và 2020 đạt 1.000 triệu USD.

Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách khoảng 12 - 13% vào năm 2010, 14 - 15% vào năm 2015 và 16 - 18% vào năm 2020.

Tổng nhu cầu đầu tư toàn xã hội (theo giá thực tế) thời kỳ 2006 - 2010 khoảng 23 nghìn tỷ đồng, thời kỳ 2011 - 2015 khoảng 62 - 63 nghìn tỷ đồng và 148 - 149 nghìn tỷ đồng thời kỳ 2016 - 2020. Tốc độ tăng vốn đầu tư bình quân năm đạt khoảng 19,6% thời kỳ 2006 - 2010, 22% thời kỳ 2011 - 2015 và 18,9 - 19% thời kỳ 2016 - 2020.

#### 4.2. Các mục tiêu xã hội chủ yếu

Phần đầu giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên vào năm 2010 còn 1,5%, năm 2015 còn 1,3% và năm 2020 là 1,1%. Tỉ lệ dân số thành thị chiếm 30% năm 2010, 35% năm 2015 và 45,6% năm 2020. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong lao động xã hội đạt 73 - 74% vào năm 2010 và giảm xuống còn 50 - 55% vào năm 2020.

Giải quyết tốt các vấn đề xã hội cơ bản, giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo tiêu chuẩn mới) xuống còn 15% vào năm 2010, đến năm 2020 về cơ bản không còn hộ nghèo.

Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 36% năm 2010 và tăng lên 46% vào năm 2020 (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo là đồng bào các dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 30% và 40% trong các năm tương ứng). Giảm tỉ lệ lao động thất nghiệp ở khu vực thành thị xuống còn 3% vào năm 2010 và giảm tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở khu vực nông thôn xuống còn 5%.

Phần đầu đến năm 2008 hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trong độ tuổi. Năm 2020 có 75% phổ cập trung học phổ thông trong độ tuổi.

Phần đầu đến năm 2010 có 85% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế và đạt 100% vào năm 2015, 100% trạm y tế xã có bác sĩ và 4,3 bác sĩ/vạn dân, đến năm 2020 có 8 - 10 bác sĩ/vạn dân. Giảm tỉ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng xuống dưới 25% năm 2010 và xuống còn 15% vào năm 2020 (tỷ lệ tương ứng này đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải đạt từ 35% và 20%).

Tăng tỉ lệ số hộ được sử dụng điện đạt 95% vào năm 2010 và đạt 100% vào năm 2015.



Năm 2010, mật độ điện thoại bình quân đạt 32 - 35 máy/100 dân; mật độ Internet đạt 8 - 12 thuê bao/100 dân. Năm 2020, mật độ điện thoại bình quân đạt 50 máy/100 dân.

Đảm bảo nước sạch cho dân cư, đưa tỉ lệ số hộ được dùng nước sạch, nước qua xử lý lên 100% dân số đô thị và 70% dân số nông thôn vào năm 2010 và cơ bản giải quyết nước sạch cho dân cư nông thôn vào năm 2020.

#### *4.3. Các mục tiêu môi trường*

Phủ xanh đất trống đồi núi trọc, đưa tỉ lệ che phủ rừng lên 50% vào năm 2010 và 54% vào năm 2020, tăng diện tích cây xanh ở thành phố và các đô thị khác của tỉnh.

Từng bước ứng dụng công nghệ sạch vào các ngành kinh tế của tỉnh. Đến năm 2015 các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm.

Cơ bản hoàn thành việc cải tạo và nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước mưa và nước thải ở thành phố Buôn Ma Thuột, các thị xã mới nâng cấp, các khu cụm công nghiệp; Đến năm 2010 có 100% các thành phố và thị xã, khu cụm công nghiệp được thu gom và xử lý rác thải, xử lý được 100% chất thải bệnh viện và 60% chất thải nguy hại. Xử lý cơ bản sự cố môi trường trên các dòng sông chảy qua tỉnh.



#### 4.4. Dự kiến phát triển các lĩnh vực đột phá

Trọng điểm 1: Phát triển công nghiệp theo hướng tập trung đầu tư khai thác có hiệu quả tiềm năng về thủy điện; khai thác lợi thế về nguồn nguyên liệu để đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản như công nghiệp chế biến cao su, điều, cà phê, bông vải và các loại nông sản khác, chế biến sản phẩm chăn nuôi, hàng mốt cao cấp xuất khẩu, vật liệu xây dựng, các ngành hàng tiểu thủ công nghiệp truyền thống...

Trọng điểm 2: Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đây là yếu tố nền tảng, tạo tiền đề cho quá trình phát triển, là trọng điểm xuyên suốt trong quy hoạch phát triển 10 - 15 năm tới. Ưu tiên đầu tư hoàn thiện mạng lưới giao thông và hệ thống thủy lợi. Tiếp tục xây dựng các mạng lưới điện, cấp nước, bưu chính viễn thông. Đầu tư cơ sở hạ tầng vùng biên giới; mở cửa khẩu Đắk Ruê. Phát triển và mở rộng hệ thống đô thị, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị hạt nhân và là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật, y tế, dịch vụ, du lịch, thể dục thể thao của tỉnh Đắk Lắk và vùng Tây Nguyên. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương trong việc tham gia tích cực vào quá trình phát triển cùng với các địa phương, lãnh thổ trong Tam giác Việt Nam - Lào - Campuchia.

Trọng điểm 3: Tạo bước chuyển biến vượt bậc trong du lịch, dịch vụ với mức tăng trưởng cao. Tập trung đầu tư các cụm du lịch trọng điểm Buôn Ma Thuột, Buôn Đôn, hồ Lắk, v. v... Nâng cao năng lực và chất lượng, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Tăng cường liên doanh liên kết với các vùng lân cận và cả nước, đặc biệt là với TP. Hồ Chí Minh, vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Duyên Hải miền Trung trong phát triển du lịch, dịch vụ, xuất khẩu, trao đổi hàng hóa.

Phát triển nông, lâm nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại hoá, công nghiệp hoá, đầu tư chiều sâu, tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Hình thành các vùng trọng điểm, sản xuất tập trung cây trồng, vật nuôi chủ lực, mũi nhọn của tỉnh. Đẩy mạnh việc giao đất giao rừng, tổ chức khuyến nông, khuyến lâm và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ổn định sản xuất, nâng cao đời sống.

Trọng điểm 4: Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đào tạo tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý, các doanh nhân, công nhân lành nghề; xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ và tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống.

## Dự báo kết quả đạt được của Đắk Lắk đến năm 2010 và 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	2005	2010	2015	2020
1. Diện tích tự nhiên	km <sup>2</sup>	13125,4	13125,4	13125,4	13125,4
2. Dân số trung bình	người	1715	1910	2110	2300
. Tỷ lệ tăng dân số trung bình	%	2,26	2,21	2,0	1,8
. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,64	1,5	1,3	1,1
. Tỷ lệ tăng dân số cơ học	%	0,21	0,31	0,3	0,3
- Dân số thành thị	103 ng.	383	573	738	1050
. Tỷ lệ so dân số chung	%	22,3	30,0	35,0	45,6
3. Tổng GDP (giá CĐ 1994)	tỉ đồng	7235,2	12385	21827	39333
- Công nghiệp-Xây dựng	„	938,8	2558	6234	14877
- Nông, lâm, thủy sản	„	4771,1	6031,5	7516	9322
- Dịch vụ	„	1525,3	3795,5	8077	15134
4. Nhịp độ tăng GDP(1)	%	8,20	11,35	12,00	12,50
- Công nghiệp-Xây dựng	„	21,5	22,2	19,50	19,00
- Nông, lâm, thủy sản	„	4,7	4,8	4,50	4,40
- Dịch vụ	„	15,5	20	16,30	13,4
5. Tổng GDP (giá HH)	%	8293,2	17737	42562	90465
- Công nghiệp-Xây dựng	„	2104,3	4913	12769	30758
- Nông nghiệp, thủy sản	„	4234,8	6403	13194	23521
- Dịch vụ	„	1954,1	6421	16599	36186
6. Cơ cấu GDP (giá HH)	%	100,0	100,0	100,0	100,0
- Công nghiệp-Xây dựng	„	25,4	27,7	30,0	34,0
- Nông nghiệp, thủy sản	„	51,1	36,1	31,0	26,0
- Dịch vụ	„	23,6	36,2	39,0	40
7- GDP b/q đầu người					
- Đồng VN (giá HH)	Triệu đ	4,83	9,28	20,17	39,33
- % so cả nước	%	47,5	51	59	68
- % so với vùng Tây Nguyên	%	92,3	77,4	91,7	93,7
8. Năng suất lao động chung	Triệu đ	9,0	12,9	20,1	33,4
- Công nghiệp-Xây dựng	„	16	26,4	39,8	66,5
- Nông nghiệp, thủy sản	„	7,6	8,5	10,7	14,4
- Dịch vụ	„	14,2	25	36,4	49,4
9- Kim ngạch xuất khẩu	tr.USD	290,8	380	800	1.000
10.Vốn đầu tư 5 năm(2) (giá HH)	Ngh.Tỉ đ	-	23	62,4	148
11- Một số chỉ tiêu xã hội					
. Tỷ lệ hộ nghèo (tiêu chí mới)	%	27,5	15	10	2-3
. Tỷ lệ LĐ thất nghiệp KVTT	%	3,5	3	3	3
. Tỷ lệ hộ sử dụng điện	„	82	95	100	100
. Tỷ lệ hộ xem truyền hình QG		90	95	100	100
. Tỷ lệ nghe đài TNVN		85	100	100	100
. Tỷ lệ hộ dùng nước sạch (%)	„	55	80	90	100
. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	%		< 25	20	15
. Số bác sĩ/1 vạn dân	bác sĩ	4,3	5	8	10
. Số giường bệnh/1 vạn dân	giường	9,7	22	25	30
. Số máy điện thoại/100 dân	Máy	11	32	45	50
. Tỷ lệ người luyện tập TX TDTT	%	18,2	21	25	30

(1) Tính bình quân cho thời kỳ 2001 - 2005, 2006 - 2010, 2011 - 2015, 2016 - 2020

(2) Tính cho cả thời kỳ 2006 - 2010, 2011 - 2015, 2016 - 2020

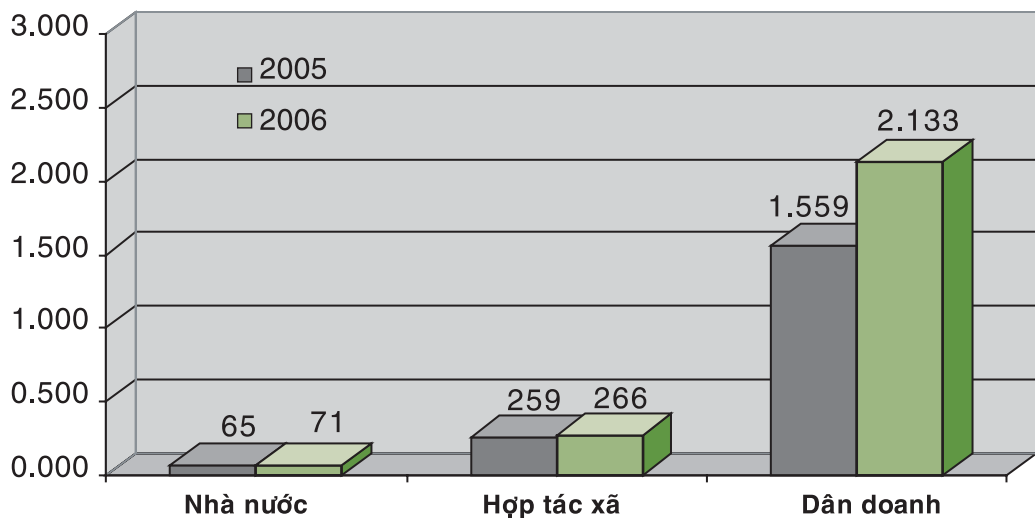


## V. PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

### 1. Số lượng doanh nghiệp của tỉnh

Đến cuối năm 2006, toàn tỉnh hiện có 71 doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động, 266 hợp tác xã, 2133 doanh nghiệp dân doanh và gần 22.230 hộ kinh doanh cá thể. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có những đóng góp đáng kể trong việc tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết việc làm cho người lao động. Hàng năm các doanh nghiệp đóng góp từ 17 - 27% trong tổng thu ngân sách địa phương và giải quyết việc làm cho hơn 62.000 lao động, góp phần làm ổn định tình hình xã hội, giảm tỷ lệ hộ đói nghèo.

**Số lượng các doanh nghiệp 2005-2006**



## Định hướng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chỉ tiêu	2006	Ước 2007	Kế hoạch 2008-2010		
			2008	2009	2010
Doanh nghiệp Nhà nước	71				
Số lượng doanh nghiệp	285	63	63	63	63
Vốn đăng ký (Tỷ đồng)		250	250	250	250
Hợp tác xã	266				
Số lượng	106	285	320	360	420
Vốn đăng ký (Tỷ đồng)		114	128	144	168
Doanh nghiệp dân doanh	2.133				
Số lượng	3.783	2.495	2.916	3.412	4.017
Vốn đăng ký (Tỷ đồng)		4.426	5.179	6.059	7.089
Công ty cổ phần	93				
Số lượng	804	108	126	148	174
Vốn đăng ký (Tỷ đồng)		940	1.100	1.287	1.506
Công ty TNHH	1.008				
Số lượng	2.172	1.178	1.378	1.612	1.886
Vốn đăng ký (Tỷ đồng)		2.543	2.976	3.481	4.073
Doanh nghiệp Tư nhân	1.032				
Số lượng	807	1.207	1.412	1.652	1.957
Vốn đăng ký (Tỷ đồng)		943	1.103	1.291	1.530
<b>TỔNG SỐ</b>	2.470				
Số doanh nghiệp	4.175	2.843	3.299	3.835	4.500
Vốn đăng ký (Tỷ đồng)		4.790	5.557	6.453	7.507

## 2. Mục tiêu và giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2007-2010

### 2.1. Mục tiêu tổng quát.

Đẩy nhanh tốc độ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; tạo môi trường thuận lợi về cơ chế chính sách và môi trường cạnh tranh lành mạnh để doanh nghiệp nhỏ và vừa có nhiều cơ hội phát triển; Tạo điều kiện để doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng kinh tế và ngân sách của tỉnh; doanh nghiệp nhỏ và vừa tạo nhiều việc làm, góp phần tích cực vào chương trình giảm nghèo của tỉnh; doanh nghiệp nhỏ và vừa góp phần ngày càng quan trọng vào quá trình

thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ 14, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội 5 năm giai đoạn 2006 – 2010.

## *2.2. Mục tiêu cụ thể.*

Số doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới trong 4 năm (2007- 2010) khoảng 2320 doanh nghiệp; Đến năm 2010 trên địa bàn tỉnh có khoảng 4.790 doanh nghiệp nhỏ và vừa; Tốc độ tăng bình quân 18% mỗi năm. Trong đó:

- Tỷ lệ tăng doanh nghiệp ở khu vực các huyện đạt 16 %,
- Tỷ lệ tăng doanh nghiệp ở khu vực thành phố Buôn Ma Thuột đạt 19,5%,

Đến năm 2010, phấn đấu đưa tỷ lệ các doanh nghiệp tham gia trực tiếp xuất khẩu đạt khoảng 2,5 % trong tổng số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bình quân hàng năm tạo thêm 7.800 việc làm mới, trong 4 năm tạo thêm 35.970 việc làm mới trong khu vực doanh nghiệp; đưa tổng số lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp lên 125.970 người.

Đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Bình quân hàng năm đào tạo khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp cho 920 lượt học viên, trong 4 năm từ 2007 – 2010 có 3.700 lượt học viên khối doanh nghiệp được đào tạo, trong đó:

- Đào tạo khởi sự cho 538 học viên/năm, 4 năm đào tạo 2.150 học viên;
- Đào tạo quản trị cho 381 học viên/năm, 4 năm đào tạo 1.525 học viên;

Trong 4 năm từ 2007 – 2010 có 1.546 lượt cán bộ 3 chức danh của Hợp tác xã được đào tạo, bồi dưỡng. Tỷ lệ lao động trong khu vực doanh nghiệp được đào tạo đạt 60%, trong đó đào tạo nghề đạt 45%;

## **3. Nhiệm vụ và Giải pháp chủ yếu**

### *3.1. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật.*

Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, nhất là các luật, quy định liên quan đến phát triển, hoạt động của doanh nghiệp như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật Hợp tác xã, Luật Đấu thầu, Luật Thuế, Luật Đất đai...

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 236/ 2006/ QĐ - TTg ngày 23/ 10/ 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ



và vừa 5 năm 2006 - 2010, nhằm tạo nên phong trào, ý thức phát triển doanh nghiệp trong đông đảo các tầng lớp nhân dân; Tiếp tục tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về phát triển kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân. Thực hiện Nghị quyết số 34 / 2006/ NQ – HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã giai đoạn (2006-2010) của tỉnh bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và từng huyện, thành phố.

Triển khai tuyên truyền, giáo dục phổ biến kinh nghiệm, ý thức kinh doanh và làm giàu hợp pháp của doanh nghiệp tới mọi đối tượng, phát triển văn hoá doanh nghiệp, tạo sự ủng hộ trong toàn xã hội đối với doanh nghiệp.

Liên minh Hợp tác xã và Doanh nghiệp ngoài quốc doanh chủ trì và phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức tuyên truyền, động viên, khuyến khích sự phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã. Thường xuyên theo dõi số lượng, chất lượng và tình hình hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hợp tác xã.

Có kế hoạch xây dựng những điển hình tiên tiến trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức giới thiệu, nhân rộng mô hình; hỗ trợ tổ chức tham quan, học tập và trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh, nhằm làm chuyển biến tích cực về nhận thức đối với việc xây dựng, củng cố và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

### *3.2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính:*

Tiếp tục hoàn thiện cải cách thủ tục hành chính và các chính sách, tạo môi trường thông thoáng, bình đẳng, minh bạch cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển. Thực hiện Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để công khai và đơn giản hóa thủ tục trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của doanh

ngiệp; tạo điều kiện tốt nhất để doanh nghiệp gia nhập thị trường trong bối cảnh nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Triển khai thực hiện “Cơ chế một cửa liên thông” giữa 3 cơ quan : Sở Kế hoạch và Đầu tư - Công an tỉnh (PC 13) - Cục Thuế tỉnh, theo đó doanh nghiệp chỉ phải đến một nơi (Sở KH-ĐT) để nộp hồ sơ và nhận kết quả cho 03 thủ tục nói trên. Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục thành lập doanh nghiệp theo loại hình công ty xuống còn 13 ngày (quy định là 15 ngày), loại hình doanh nghiệp tư nhân và chi nhánh, văn phòng đại diện 11 ngày.

Sở Kế hoạch và Đầu tư khai trương “Hệ thống thông tin doanh nghiệp” để phục vụ tốt hơn cho các cơ quan quản lý nhà nước cũng như cho doanh nghiệp nắm được thông tin liên quan đến phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và dịch vụ, tư vấn tốt hơn cho doanh nghiệp. Xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn về hồ sơ, trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án đầu tư.

Sở Tài nguyên và Môi trường chú trọng cải tiến thủ tục và trình tự giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các doanh nghiệp có nhu cầu thuê đất hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh. Tích cực hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện đánh giá tác động môi trường cho dự án đầu tư và thực hiện đảm bảo môi trường trong sản xuất kinh doanh.

Sở Xây dựng và các sở có quản lý xây dựng chuyên ngành tiếp tục thực hiện cải tiến thủ tục hành chính liên quan đến quá trình triển khai, xây dựng công trình, dự án; thẩm định thiết kế cơ sở, phê duyệt, cấp chứng chỉ quy hoạch, cấp phép xây dựng...

Cục thuế tỉnh chủ trì xây dựng Chính sách miễn, giảm thuế; hoàn thuế trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật về thuế; Tiếp tục cải tiến, công khai minh bạch; đơn giản hoá các thủ tục về kê khai thuế, hoàn thuế, mua hoá đơn, thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế... theo hướng nhanh chóng, thuận lợi cho doanh nghiệp.

### *3.3. Công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp:*

Các ngành, các cấp tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh, đặc biệt đối với lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ để đảm bảo cho công tác quản lý đạt hiệu quả cao; nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân có các hành vi sách nhiễu, gây phiền hà, cản trở các hoạt động kinh doanh đúng pháp luật của doanh nghiệp. Các ngành, các cấp khẩn trương tiến hành các quy hoạch phát triển ngành, rà

soát quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, huyện, thành phố. Các quy hoạch sau khi được phê duyệt phải tổ chức giới thiệu, công khai với nhân dân, với doanh nghiệp.

Các cá nhân, tổ chức, sáng lập viên có nhu cầu thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã được hướng dẫn miễn phí các thông tin về thành lập doanh nghiệp, tư vấn kiến thức về hợp tác xã.

Tăng cường đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp: Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức gặp mặt doanh nghiệp 2 lần (ngày 20 tháng 6 và ngày 20 tháng 12); buổi sáng thứ 5 hàng tuần UBND tỉnh bố trí lãnh đạo trực tiếp tiếp doanh nghiệp tại Văn phòng UBND tỉnh. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các sở, ngành có chức năng quản lý nhà nước liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp như: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên – Môi trường, Xây dựng, Công nghiệp, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông – Vận tải, Thương mại và Du lịch, Lao động – Thương binh và Xã hội; Cục Thuế tỉnh, Liên minh Hợp tác xã, Liên đoàn Lao động tỉnh... hàng tuần phải tổ chức một buổi và cử đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị tiếp doanh nghiệp, để qua đó 2 bên trao đổi, cùng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình hoạt động của cộng đồng doanh nghiệp (phải thông báo lịch tiếp doanh nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng và tại văn phòng cơ quan nơi tiếp công dân).

Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, cơ chế làm việc của cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, huyện theo tinh thần Chỉ thị số 22/2007/CT-TTG của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, tham mưu củng cố tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ cấp tỉnh, huyện về quản lý hợp tác xã.

#### *3.4. Tạo điều kiện tốt nhất để doanh nghiệp dễ dàng có mặt bằng sản xuất, kinh doanh:*

Chính quyền các cấp tạo điều kiện tốt nhất để DN có nhu cầu được giao đất hoặc thuê đất của nhà nước để phục vụ cho phát triển sản xuất kinh doanh theo quy định của Luật đất đai và chính sách của tỉnh. Các ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Riêng hợp tác xã nông nghiệp có nhu cầu sử dụng đất để xây dựng trụ sở, nhà kho, sân phơi, cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất, chưa được giao đất thì được xem xét, quyết định giao đất theo quy định hiện hành và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hợp tác xã. Tích cực triển khai công tác đền bù, giải phóng mặt bằng khi doanh nghiệp, nhà đầu tư đã được giao đất, thuê đất để tạo điều kiện cho dự án đầu tư sớm được khởi công xây dựng.

### 3.5. Khẩn trương xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp:

Khu Công nghiệp Hòa Phú (181 ha) và các Cụm công nghiệp ở huyện, thành phố (Cụm công nghiệp 1 và Cụm công nghiệp 2 - TP. Buôn Ma Thuột; Cụm công nghiệp Buôn Hồ - Krông Buk; Cụm công nghiệp EaĐar - EaKar; Cụm công nghiệp Trường Thành – EaHleo; Cụm công nghiệp huyện Krông Ana; Cụm công nghiệp huyện Krông Bông; Cụm công nghiệp Bia Sài Gòn... phải được đẩy nhanh tốc độ xây dựng cơ sở hạ tầng.

Sẽ xác định ngay giá đất, phí sử dụng hạ tầng trong khu, cụm công nghiệp và giá đất ở những vùng quy hoạch kêu gọi đầu tư để doanh nghiệp có điều kiện tính toán, lựa chọn. Theo định hướng, mỗi huyện phải có 01 cụm công nghiệp để đáp ứng nhu cầu về đất cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với những huyện chưa có quy hoạch cụm công nghiệp thì khẩn trương quy hoạch điểm công nghiệp để đáp ứng cho các nhà đầu tư. Vận động các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp vào khu, cụm công nghiệp; nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường vừa tạo điều kiện tốt về hạ tầng cho các doanh nghiệp hoạt động.

Đối với các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh trong nội thành phố, thị trấn, có gây ô nhiễm môi trường thì vận động di dời vào khu quy hoạch tập trung; cơ sở di dời vào khu quy hoạch sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật.



### 3.6. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho DN nhỏ và vừa

Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch, báo cáo xin các nguồn vốn từ ngân sách trung ương và tỉnh cân đối ngân sách địa phương để thực hiện đào tạo nguồn nhân lực (khởi sự doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp) cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phối hợp tổ chức thực hiện mở các khoá đào tạo; sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng nguồn vốn trung ương và ngân sách tỉnh cho công tác đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng các chức danh: Ban Quản trị, Ban Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, cán bộ nghiệp vụ của các Hợp tác xã trên địa bàn để Nhà nước có kế hoạch hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác này.

Liên minh Hợp tác xã và Doanh nghiệp ngoài quốc doanh phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện tốt công tác đào tạo khởi sự, quản trị cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; thực hiện nhiệm vụ đào tạo cho cán bộ hợp tác xã; hỗ trợ, tư vấn hướng dẫn trình tự, thủ tục, xây dựng điều lệ cho hợp tác xã mới thành lập.

Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác khuyến công, khuyến nông cho khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các cơ sở đào tạo, dạy nghề để góp phần đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ doanh nghiệp.



Tích cực đổi mới tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý; hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực quản trị của doanh nghiệp để thích nghi với cơ chế thị trường và điều kiện nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại quốc tế (WTO), mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế.

### *3.7. Tiếp tục thực hiện tốt công tác đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước:*

Hỗ trợ 15 Công ty Lâm nghiệp củng cố tổ chức, ổn định bộ máy; xây dựng phương hướng sản xuất kinh doanh; thực hiện xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới đối với diện tích các công ty lâm nghiệp quản lý theo kết quả xã định 3 loại rừng.

Tích cực thực hiện chuyển Công ty Cao su Đắc Lắc hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; Thực hiện đúng tiến độ việc sắp xếp lại các doanh nghiệp theo nội dung Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1465/QĐ-TTg, ngày 02/11/2007; thực hiện thí điểm cổ phần hoá 1 - 2 công ty cà phê thuộc tỉnh quản lý.

Tăng cường công tác quản lý vốn trong các doanh nghiệp nhà nước, trong các công ty cổ phần đối với những doanh nghiệp chưa chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Đề nghị Bộ Tài chính giải quyết dứt điểm, đầy đủ, chính sách, chế độ đối với lao động dôi dư theo Nghị định 41/2002/NĐ-CP, Nghị định 06/2006/NĐ-CP và hiện nay theo Nghị định 110/2007/NĐ-CP.

Rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý đối với doanh nghiệp khi chuyển đổi, theo hướng đảm bảo tiêu chuẩn quy định tại Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Doanh nghiệp và Nghị định 95/2006/NĐ-CP, ngày 08.09.2006 của Chính phủ.

### *3.8. Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp*

Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp xây dựng, thành lập các Hội doanh nghiệp, hội nghề nghiệp với mục đích là nơi sinh hoạt, phổ biến trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất, trong quản trị doanh nghiệp; là nơi để các doanh nghiệp tương trợ, hỗ trợ nhau trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp; cùng nhau liên kết để sản xuất ra sản phẩm có chất lượng, có sức cạnh tranh cao.

### *3.9. Về khoa học và công nghệ*

Quan tâm thực hiện các chương trình hỗ trợ, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, nâng cao năng lực quản lý; khuyến khích việc hợp tác và chia sẻ công nghệ giữa các doanh nghiệp có quy mô khác nhau, thống nhất quản lý chất lượng và chứng nhận chất lượng cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, nhất là công nghệ sinh học, giống, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản, công nghệ thông tin... được vay vốn trung và dài hạn từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ hỗ trợ phát triển để đầu tư. Các doanh nghiệp được hưởng các chính sách về khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của Chính phủ.

Khuyến khích các Trường đại học, Viện khoa học của Trung ương đóng trên địa bàn Đắk Lắk liên kết với doanh nghiệp chuyển giao thành tựu khoa học công nghệ cho doanh nghiệp để phát triển sản xuất.

### *3.10. Về vốn - Thị trường*

Khuyến khích phát triển mạnh thị trường tài chính, phát triển các ngân hàng, đặc biệt là Ngân hàng Phát triển và các tổ chức tài chính, mạng lưới tín dụng để các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận được với thị trường vốn, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Ngân sách tỉnh hỗ trợ vốn để cùng với các nguồn vốn huy động khác cho Quỹ hỗ trợ Phát triển Hợp tác xã tỉnh cho các hợp tác xã vay đầu tư phát triển;

Tỉnh bố trí ngân sách để Sở Thương mại và Du lịch/ Trung tâm xúc tiến Thương mại – Đầu tư hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa các hoạt động xúc tiến thương mại như: Cung cấp thông tin thương mại, tuyên truyền xuất khẩu, tư vấn xuất khẩu, tổ chức hội chợ, triển lãm, quảng bá thương hiệu...đào tạo nâng cao năng lực và kỹ năng kinh doanh xuất khẩu cho doanh nghiệp.

Sở Thương mại và Du lịch chủ trì xây dựng Chương trình hành động của tỉnh Đắk Lắk thực hiện Chương trình của Chính phủ sau khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới. Triển khai các hoạt động và phối hợp hỗ trợ các doanh nghiệp xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để doanh nghiệp tiếp cận tốt hơn với thị trường.

### *3.11. Xây dựng các chính sách khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp*

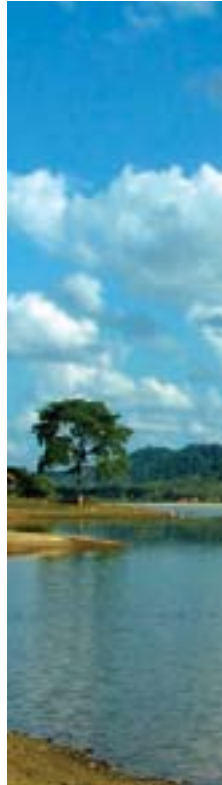
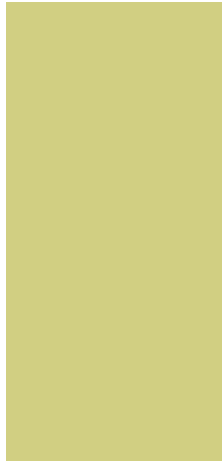
Tiếp tục xây dựng và đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác. Xây dựng và ban hành chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư cho doanh nghiệp các nhà đầu tư có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở các quy định của Luật Đầu tư. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về thuế thu nhập, xuất nhập khẩu, về đất đai, lao động, tín



dụng; xây dựng cơ sở hạ tầng, các biện pháp đảm bảo đầu tư ... nhằm hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp, nhà đầu tư được nhiều hơn;

Rà soát và điều chỉnh Chính sách phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, theo Quyết định số 213/ QĐ-UB, ngày 02/ 02/ 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh để triển khai thực hiện có hiệu quả.

Bố trí đủ ngân sách để thực hiện các chính sách đã ban hành.



## CHƯƠNG 2 CƠ SỞ HẠ TẦNG

### I. GIAO THÔNG VẬN TẢI

Đắk Lắk nằm ở vị trí trung tâm của vùng Tây Nguyên (Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng và Đắk Nông). Phía bắc giáp tỉnh Gia Lai qua quốc lộ 14 sẽ đến trung tâm kinh tế Đà Nẵng và khu công nghiệp Dung Quất, khu kinh tế mở Chu Lai (Quảng Nam, Quảng Ngãi). Phía đông giáp tỉnh Khánh Hoà qua quốc lộ 26, đây là trung tâm du lịch lớn của cả nước, đồng thời có cảng biển giao thương hàng hoá với nước ngoài. Phía nam là các tỉnh Đắk Nông, Bình Phước, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh qua quốc lộ 14. Đây là trung tâm kinh tế trọng điểm của phía Nam. Phía tây là vương quốc Campuchia thông qua cửa khẩu kinh tế Đắk Ruê.

Đắk Lắk nói riêng và Tây Nguyên nói chung sẽ hình thành mạch giao thông rất thuận lợi để phát triển thương mại - dịch vụ. Cùng với việc Chính phủ đầu tư tuyến đường Hồ Chí Minh, hàng loạt các công trình đầu tư nhằm khai thác lợi thế của tuyến giao thông này. Điển hình là việc đầu tư xây dựng cửa khẩu quốc tế Bờ Y (Kon Tum) và các trục giao thông sẽ hình thành nhánh của con đường xuyên Á

bắt đầu từ Côn Minh (Trung Quốc) - Myanmar - Lào - Thái Lan qua cửa khẩu Bờ Y tạo mối quan hệ thương mại quốc tế giữa các tỉnh Đông Bắc Thái Lan, Nam Lào với các tỉnh Tây Nguyên, duyên hải miền Trung và Đông Nam Bộ. Đây cũng là điều kiện khá lý tưởng để thu hút khách du lịch các nước theo tuyến đường bộ này vào Tây Nguyên - Đắk Lắk cũng như khuyến khích du khách Đắk Lắk đi du lịch nước ngoài.

Với một vị trí thuận lợi như vậy, Đắk Lắk sẽ là trung tâm giao lưu hàng hoá giữa các vùng và tạo điều kiện cho phát triển du lịch, dịch vụ trong những năm tới đây.

Về đường bộ: toàn tỉnh hiện có 397,5km đường quốc lộ, trong đó:

- Quốc lộ 14: 126 km, từ ranh giới tỉnh Gia Lai đến ranh giới tỉnh Đắk Nông
- Quốc lộ 26: 119 km, từ ranh giới tỉnh Khánh Hòa đến TP Buôn Ma Thuột
- Quốc lộ 27: 84 km, từ TP Buôn Ma Thuột đến ranh giới tỉnh Lâm Đồng
- Quốc lộ 14C: 68,5 km, từ ranh giới tỉnh Gia Lai đến ranh giới tỉnh Đắk Nông.

Đường hàng không

Hàng ngày có các chuyến bay từ Buôn Ma Thuột đi Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và ngược lại bằng máy bay cỡ trung A320.

Cụm cảng Hàng không Buôn Ma Thuột đang tiếp tục được đầu tư xây dựng hệ thống sân bãi và cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông trong tương lai.

Xe buýt: Hiện nay có tuyến xe buýt đến tất cả các điểm thuộc thành phố Buôn Ma Thuột và từ thành phố Buôn Ma Thuột đi đến trung tâm các huyện trong tỉnh góp phần đáng kể vào việc đáp ứng nhu cầu đi lại và hạn chế tai nạn giao thông.

### Quy hoạch Phát triển Giao thông đến 2010 và 2020

#### Giao thông đường bộ

Phấn đấu đến năm 2020 nhựa hóa hoặc bê tông hóa toàn bộ tuyến tỉnh lộ, huyện lộ, đường đô thị; 50% số km đường xã được cứng hóa.

Đến năm 2020, quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ tỉnh Đắk Lắk được dự kiến:

- Nâng cấp 4 tuyến quốc lộ, các tuyến tỉnh lộ hiện có.
- Quy hoạch thêm tuyến quốc lộ mới (Đắk Lắk-Phú Yên), đường Trường Sơn Đông và nâng cấp từ các tuyến huyện lộ lên tỉnh lộ.
- Cải tạo nâng cấp hệ thống huyện lộ, đường đô thị, đường xã, hệ thống đường thôn, buôn và các đường chuyên dùng nông, lâm nghiệp.

- Tạo thành mạng lưới giao thông tương đối hoàn chỉnh nối với mạng lưới đường quốc gia và nối với các tuyến đường trong Tam giác phát triển 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

#### **Giao thông hàng không.**

Cảng hàng không Buôn Ma Thuật hiện tại là cấp 4E cho loại máy bay A 321 lên xuống, trong khi đó công suất nhà ga 150.000 hành khách/năm. Đến năm 2010 phục vụ 300.000 hành khách/năm (năm 2020 là 800.000) và 3.000 tấn hàng hóa/năm.

#### **Giao thông đường sắt.**

Qui hoạch tuyến đường sắt Tuy Hòa - Buôn Ma Thuật có tổng chiều dài 160 km, trong đó đoạn nằm trên địa phận tỉnh Đắk Lắk dài khoảng 85 km; tổng số ga trên toàn tuyến là 8 ga, trong đó trên địa phận Đắk Lắk có 5 ga.

## **II. BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

Toàn bộ hệ thống viễn thông đã được số hóa, nhiều thiết bị hiện đại đã được đưa vào sử dụng. Hệ thống điện thoại cố định đến trung tâm tất cả các xã trong tỉnh, tỷ lệ điện thoại cố định đạt 5,2 máy / 100 dân.

Hiện tại tất cả các huyện trong tỉnh đã có sóng di động, với các nhà cung cấp dịch vụ: Mobifone, Vinaphone, Viettel, S-Fone, EVN Telecom, HT Mobile.

Dịch vụ internet ADSL hiện tại đã có ở hầu hết tất cả các huyện trong tỉnh, với 2 nhà cung cấp dịch vụ VDC và Viettel.

## **III. CẤP THOÁT NƯỚC, ĐIỆN, THỦY LỢI**

### **1. Cấp thoát nước**

Có hệ thống xử lý và cấp nước tập trung, đủ cho sinh hoạt của người dân tại thành phố Buôn Ma Thuật và các thị trấn Buôn Hồ (huyện Krông Buk), Buôn Trấp (huyện Krông Ana), Quảng Phú (huyện Cư M'gar)... Ngoài ra còn có các hệ thống cấp nước khác phục vụ cho các khu, cụm công nghiệp.

Năm 2006, tỷ lệ số hộ được sử dụng nước sạch đạt 60%, trong đó ở khu vực thành thị đạt 72%, khu vực nông thôn 46%.

Đến năm 2010, đảm bảo cho 100% dân số thành thị được dùng nước sạch với định mức bình quân 120 lít/ngày và trên 70% dân số nông thôn với bình quân 80 - 90 lít/ngày. Đến năm 2020 có 100% dân số được sử dụng nước sạch.

## 2. Điện lực

Điện của tỉnh Đắk Lắk đảm bảo đầy đủ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất. Hiện nay, toàn bộ các xã đã có điện lưới với tỷ lệ số hộ được sử dụng điện lưới lên tới 84%.

Đắk Lắk là tỉnh có tiềm năng lớn để phát triển thủy điện. Trên địa bàn của tỉnh có các đầm hồ lớn như hồ Lắk (huyện Lắk), sông Sêrêpôk có trữ lượng thủy điện khoảng 2.636 triệu KW. Hiện tại có 23 công trình thủy điện nhỏ đã được đầu tư xây dựng với tổng công suất lắp máy 14.280KW đang hoạt động. Các công trình thủy điện lớn là Buôn Kuốp 280 MW và Buôn Tua Srah 86 MW đã được khởi công xây dựng, công trình Sêrêpôk III 220 MW và Sêrêpôk IV 70 MW đang chuẩn bị khởi công.

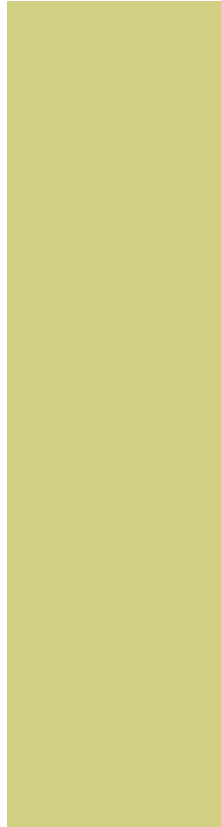
Phấn đấu đến năm 2010, có 95% số hộ có điện và đến năm 2015 là 100% số hộ dân trong toàn tỉnh có điện. Tích cực xây dựng các nhà máy thủy điện có công suất vừa và nhỏ để bổ sung một phần nguồn điện cho hệ thống điện của tỉnh, đồng thời tăng thêm nguồn thu cho ngân sách địa phương.

## 3. Hệ thống thủy lợi:

Đến nay trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 533 công trình thủy lợi các loại, trong đó có khoảng 441 hồ chứa, còn lại là các đập dâng và một số trạm bơm lưới. Tổng dung tích trữ nước từ các công trình thủy lợi khoảng gần 421 triệu m<sup>3</sup> (chưa kể hồ Easúp). Hàng năm đảm bảo cung cấp nước tưới cho 18.000 ha lúa và 40.600 ha cà phê.

Kế hoạch đầu tư công trình thủy lợi đến năm 2010: Đầu tư xây dựng 625 công trình, trong đó: Xây dựng mới: 175 công trình; sửa chữa nâng cấp: 152 công trình; Kiên cố hóa kênh mương: 298 công trình để tưới cho 88.522 ha cây trồng với tổng mức vốn đầu tư dự kiến 4.850 tỷ đồng. + Đến năm 2010 đảm bảo đủ nước tưới cho 70% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới và đến năm 2020 đạt 90%.

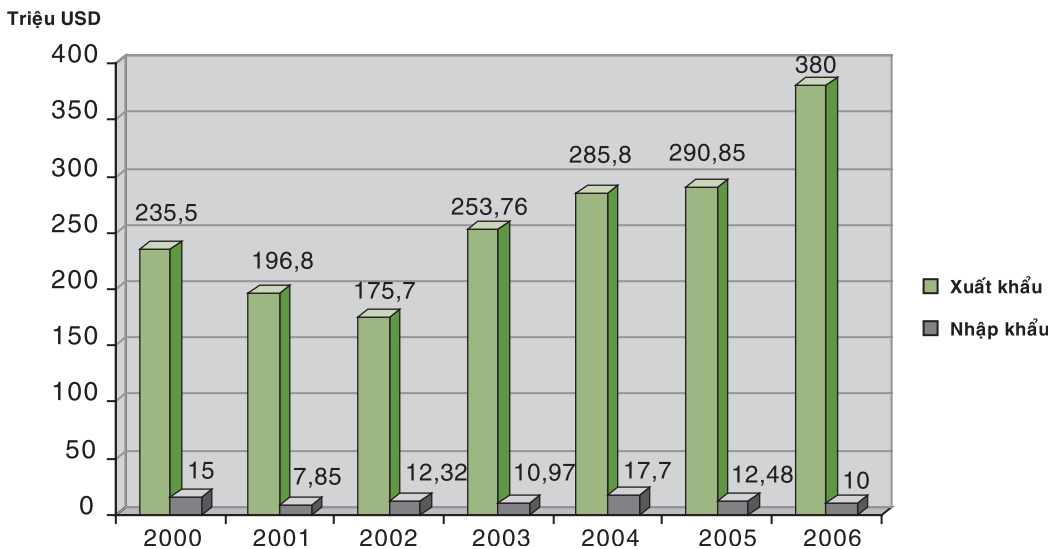




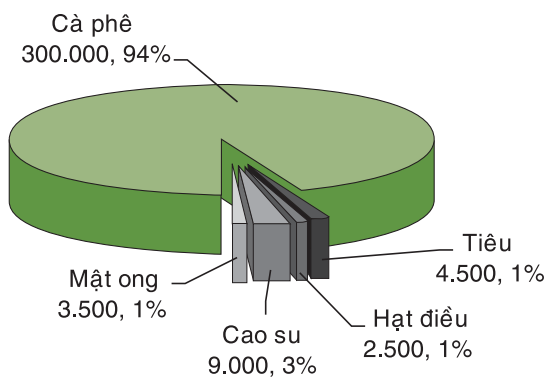
## CHƯƠNG 3 THƯƠNG MẠI

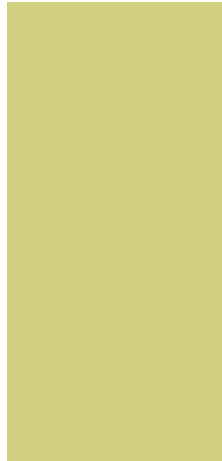
Xuất khẩu là lĩnh vực đạt nhiều thành tựu quan trọng của tỉnh trong thời gian qua. Hàng hoá của tỉnh đã được xuất khẩu sang 59 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới với số lượng và chủng loại các mặt hàng phong phú. Năm 2006 tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh đạt 380 triệu USD, tăng 30,7% so với năm 2005. Các mặt hàng xuất khẩu chính là cà phê, cao su, tiêu, điều, tinh bột sắn, mật ong... Với lợi thế về “rừng vàng”, ngành xuất khẩu Đắk Lắk đang hy vọng có thể sớm mở rộng hơn kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ, song mây, tre nứa,...

### Kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2000-2006



### Biểu đồ các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu năm 2006



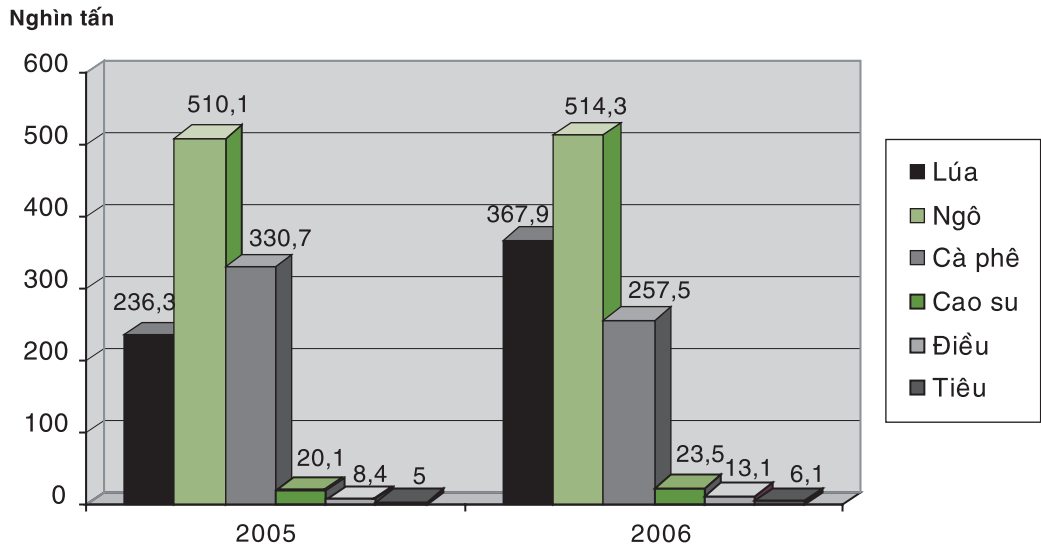


## CHƯƠNG 4 NÔNG LÂM NGHIỆP

Năm 2006, giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp đạt 7.508,6 tỷ đồng, giảm 2,82% so với năm 2005, trong đó nông nghiệp giảm 3,1%; lâm nghiệp tăng 4,8%; thủy sản tăng 15,3%. Nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng lớn (97,9%) trong cơ cấu kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp.

Trong nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi tiếp tục được chuyển đổi, các sản phẩm trồng trọt chủ yếu vẫn duy trì mức tăng khá: cao su 22,7 nghìn ha, sản lượng 23,5 nghìn tấn; cây điều diện tích tăng nhanh đạt 38,9 nghìn ha, sản lượng 13,1 nghìn tấn; sản lượng lương thực có hạt 882,2 nghìn tấn...

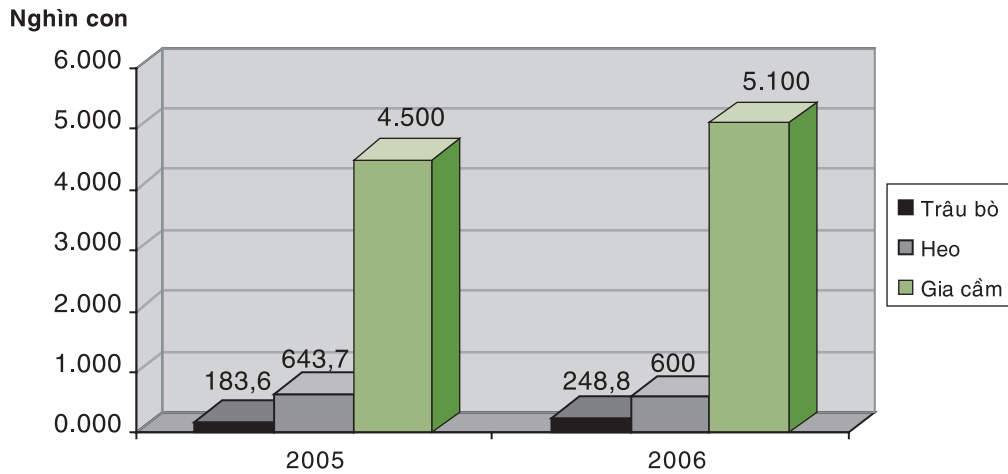
## Sản lượng một số cây trồng chủ yếu



Về lâm nghiệp, Đắk Lắk có diện tích rừng và trữ lượng gỗ lớn, tài nguyên sinh vật rừng phong phú đa dạng và nhiều loại thực vật có giá trị kinh tế cao, nhiều động vật rừng quý hiếm và được xếp loại “sách đỏ” trên thế giới. Rừng phủ một màu xanh ngút ngàn lên khắp tỉnh Đắk Lắk. Rừng như một tấm áo giáp bao bọc, chở che cho người dân nơi đây. Những lâm trường của Đắk Lắk hôm nay như trẻ ra vì sắc xanh của rừng. Trong năm 2006 trồng được 4.000 ha rừng tập trung, khoanh nuôi tái sinh được 2.940 ha. Khai thác gỗ giảm mạnh từ 116.894 m<sup>3</sup> gỗ năm 2000 xuống còn 56.300 m<sup>3</sup> năm 2006.

Trong thời gian tới, nhiệm vụ hàng đầu của tỉnh Đắk Lắk là đẩy mạnh công tác chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn theo hướng đa dạng hoá cây trồng, ưu tiên phát triển hàng nông lâm sản xuất khẩu gắn với công nghiệp chế biến trên cơ sở xác định rõ cơ cấu kinh tế của từng vùng, từng huyện cùng với việc đổi mới quan hệ sản xuất ở nông thôn. Tiếp tục chuyển đổi cà phê ở những vùng không phù hợp, thiếu nguồn nước sang các loại cây trồng như ca cao, trồng rừng, ổn định đất trồng lúa khoảng 56 - 58 nghìn ha vào năm 2010, 2020. Chuyển đổi những vùng trồng lúa không ổn định nước tưới và lúa cạn sang trồng cây công nghiệp ngắn ngày như bông vải, ngô, mía, đậu tương. Đảm bảo quy hoạch ổn định vùng nguyên liệu cho nhà máy mía đường, nhà máy chế biến bông, nhà máy chế biến tinh bột sắn và nhà máy chế biến dứa.

## Sản lượng gia súc, gia cầm trong năm 2005-2006



Trong thời gian qua, Đắk Lắk đã áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào công tác chăn nuôi và phát triển giống. Vì vậy mà quy mô chăn nuôi của tỉnh không ngừng phát triển: trong năm 2006 tổng đàn trâu, bò là 248,8 nghìn con, tăng 35,5% so với năm 2005; tổng đàn heo có 600 nghìn con, gia cầm các loại là 5,1 triệu con.

### Hướng phát triển đàn gia súc và sản phẩm thịt

Gia súc	Đơn vị	2010	2020
Trâu	1000 con	22,4	28 - 30
Bò	1000 con	200	320 - 350
Heo	1000 con	850	1200 - 1500
Gia cầm	1000 con	6800	12000 - 15000
Thịt hơi các loại	1000 tấn	100	160 - 180





# CHƯƠNG 5 CÔNG NGHIỆP

## I. GIỚI THIỆU CHUNG

Nhờ phát huy được sức mạnh nội lực cùng với sự nhanh nhạy chớp thời cơ nên trong thời gian qua, ngành công nghiệp Đắk Lắk có nhiều biến chuyển sâu sắc. Đó là sự trưởng thành bằng chính nỗ lực vượt bậc để mở mang tầm vóc, làm thay đổi căn bản diện mạo kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và của ngành công nghiệp nói riêng. Năm 2006, giá trị sản xuất công nghiệp là 2.519 tỷ đồng (giá hiện hành), tăng 31,4% so với năm 2005.

Đến nay công nghiệp đã hình thành được một hệ thống khá đồng bộ gồm các ngành sản xuất và phân phối điện nước, khai thác mỏ, và đặc biệt là công nghiệp chế biến. Nhiều cơ sở công nghiệp có quy mô vừa và tương đối hiện đại được xây dựng và đưa vào sản xuất như chế biến cà phê, đường mía, tinh chế gỗ, cán bông, sản xuất vật liệu xây dựng...

**Giá trị sản xuất công nghiệp theo ngành (giá hiện hành)**

Đơn vị: Triệu đồng

Ngành công nghiệp	2004	2005	2006
Chế biến	1.193.507	1.572.882	2.068.168
Khai thác	89.801	98.824	166.462
Sản xuất và phân phối điện, nước, khí đốt	208.268	246.445	285.147
Tổng số	1.491.576	1.918.151	2.519.777

Giá trị sản xuất công nghiệp đã tăng đáng kể, đặc biệt là khu vực công nghiệp chế biến ngoài quốc doanh. Công nghiệp quốc doanh Trung ương tăng cao do sản phẩm của các doanh nghiệp quốc doanh Trung ương tăng như sản xuất đường mật các loại, chế biến cà phê nhân, gỗ, điện thương phẩm, gạch các loại và có thêm một số sản phẩm mới như cà phê bột, cà phê hoà tan, điều. Khu vực công nghiệp quốc doanh địa phương, một số công ty đã tiến hành cổ phần hoá nên tổng giá trị sản xuất giảm do đã chuyển phần giá trị sản xuất của các công ty này sang thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

Thời kỳ 2006-2010, Đắk Lắk phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp khoảng 17,5-18%. Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, đạt khoảng 85% năm 2010. Công nghiệp chế biến nông, lâm sản hướng vào các sản phẩm: cao su, cà phê, bông, điều, sắn, ngô, ca cao, cây ăn quả; các sản phẩm chăn nuôi như thịt, da; đồ gỗ tinh chế xuất khẩu, ván nhân tạo và đồ gỗ từ ván nhân tạo; các sản phẩm từ tre như giấy bao bì, dũa.

Hình thành các cụm, khu công nghiệp như khu công nghiệp tập trung Hòa Phú, cụm tiểu thủ công nghiệp thành phố Buôn Ma Thuột, cụm công nghiệp Ea Đar (Ea Kar), cụm công nghiệp Buôn Hồ (Krông Buk).

Phục hồi và phát triển một số mặt hàng thủ công mỹ nghệ: mây tre, mộc mỹ nghệ, thổ cẩm, chế tác đồ trang sức, hàng lưu niệm... phục vụ cho du lịch và xuất khẩu.

**II. NHÀ MÁY VÀ CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP**

Trong những năm qua do có sự nỗ lực kêu gọi cũng như tạo mọi điều kiện khuyến khích, thu hút đầu tư nên các nhà đầu tư trong cũng như ngoài tỉnh đã đầu tư khá nhiều dự án sản xuất công nghiệp vào Đắk Lắk. Đến năm 2006 toàn tỉnh đã có 6.723 cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, tăng thêm 1.641 cơ sở

so với năm 2000. Nhiều nhà máy đang xây dựng sẽ đưa tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp tăng nhanh vào những năm tới như: nhà máy chế biến cao su, xưởng may giày da, các công trình thuỷ điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Krông Hing, Krông Kmar, Sêrêpok 3, chế biến cà phê bột. Công nghiệp năng lượng đang được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, phát triển trở thành ngành công nghiệp chủ lực trong thời gian tới.

### III. KHU VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP

#### 1. Khu công nghiệp Hoà Phú

Khu công nghiệp Hoà Phú diện tích 181 ha, cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột 15 km theo quốc lộ 14 về phía nam. Tỉnh đã hoàn thành quy hoạch chi tiết và có chủ trương của Chính phủ cho bổ sung vào Quy hoạch tổng thể các Khu công nghiệp do Chính phủ quản lý. Năm 2006, khu công nghiệp Hòa Phú có 17 dự án đăng ký đầu tư với diện tích 30,8 ha, chiếm 28% diện tích quy hoạch

Quy mô: 181 ha, với các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

- Đất xây dựng nhà máy chiếm 66,7%;
- Đất giao thông chiếm 15,58%;
- Đất cây xanh chiếm 11,2%;
- Đất trung tâm điều hành và công trình dịch vụ chiếm 3%;
- Đất công trình đầu mối và bến bãi chiếm 3,55%.

Vốn xây dựng cơ sở hạ tầng: 221,992 tỷ đồng, trong đó:

- Kinh phí xây dựng nhà điều hành, tường rào, cây xanh: 20,315 tỷ;
- Kinh phí xây dựng hạ tầng chuẩn bị kỹ thuật: 56,408 tỷ;
- Kinh phí xây dựng hạ tầng giao thông: 55,206 tỷ;
- Kinh phí xây dựng hệ thống cấp điện : 4,673 tỷ;
- Kinh phí xây dựng hệ thống cấp nước : 23,427 tỷ;
- Kinh phí xây dựng hệ thống thoát nước bản và VSMT: 29,100 tỷ;
- Kinh phí đền bù giải toả: 22,293 tỷ;
- Kinh phí dự phòng: 10,571 tỷ.

Suất đầu tư trung bình là 1,22 tỷ đồng/ha. Suất đầu tư trung bình trường hợp không tính điện và nước là 1,07 tỷ đồng/ha (Điện, nước đã thống nhất do ngành điện và ngành nước tự đầu tư kinh doanh đến từng nhà máy trong khu công nghiệp). Suất đầu tư trung bình hạ tầng kỹ thuật gồm cả điện, nước là 0,929 tỷ đồng/ha (không

tính chi phí xây dựng nhà điều hành, cổng tường rào, hệ thống cây xanh, chi phí đền bù).

### **2. Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp TP. Buôn Ma Thuột**

Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thành phố Buôn Ma Thuột với diện tích 49 ha. Năm 2006, có 30 dự án đăng ký đầu tư, tỷ lệ lấp đầy đạt 96%, trong đó có 14 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, 6 dự án đang triển khai xây dựng, số còn lại đang chuẩn bị đầu tư.

Vị trí: Km 8, Tỉnh lộ 8, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột.

Quy mô: 49 ha, trong đó:

- Đất xây dựng nhà máy chiếm 61, 7%;
- Đất giao thông chiếm 25%;
- Đất trung tâm điều hành và dịch vụ chiếm 4,1 %;
- Đất cây xanh chiếm 4,2%;
- Đất công trình đầu mối chiếm 5%.

### **3. Cụm công nghiệp Buôn Hồ**

Cụm công nghiệp Buôn Hồ Ở Xã Pong Đ'Rang, huyện Krông Buk; diện tích 69 ha, cách thành phố Buôn Ma Thuột 46 km. Năm 2006, có 22 dự án đăng ký, chiếm 64,5% diện tích quy hoạch, trong đó có 12 dự án đã được thỏa thuận giao đất



Tổng diện tích cụm công nghiệp là 69 ha, trong đó:

- Đất công nghiệp chiếm 69,32%
- Đất giao thông chiếm 15,09%;
- Đất cây xanh + bến bãi chiếm 6,81%;
- Đất công trình công cộng, dịch vụ chiếm 3,01%;
- Đất công trình phụ trợ chiếm 5,77%.

#### 4. Cụm công nghiệp Ea Đar

Cụm công nghiệp Ea Đar, huyện Ea Kar, diện tích 52 ha, cách thành phố Buôn Ma Thuột 59 km, đã được UBND tỉnh công bố quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết và hợp báo kêu gọi đầu tư ngày 31/12/2004. Năm 2006, cụm công nghiệp Ea Đar có 4 dự án đăng ký, chiếm 16% diện tích quy hoạch, trong đó có 2 dự án đầu tư đã đi vào sản xuất

Quy mô: 52 ha trong đó:

- Đất công nghiệp chiếm 77,5%;
- Đất giao thông chiếm 14,4 %;
- Đất cây xanh chiếm 2,9%;
- Đất trung tâm điều hành, công trình dịch vụ chiếm 2,3%;
- Đất công trình đầu mối chiếm 2,9%.

Ngoài ra, đang tiếp tục quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Tân An 2, cụm công nghiệp Ea H'leo, Krông Bông, M Drak và ở các huyện khác, mỗi cụm công nghiệp có quy mô khoảng 50 ha.

## IV. NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm: Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại của các ngành công nghiệp chế biến cà phê, cao su, điều, ca cao, bông, gỗ, thực phẩm... nhằm giảm dần các sản phẩm sơ chế, tăng chất lượng, khối lượng và giá trị hàng hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh, ổn định và mở rộng thị trường xuất khẩu, đem lại hiệu quả cao.

Công nghiệp năng lượng: Đắc Lắc có trữ năng thủy điện lớn. Hệ thống sông Sêrêpôk có trữ năng kinh tế được đánh giá khoảng 2,6 tỉ KWh. Ngoài ra còn có nhiều sông suối để xây dựng khoảng 100 nhà máy thủy điện vừa và nhỏ với tổng công suất lắp đặt 182 MW, sản lượng điện hàng năm khoảng 800 triệu KWh.

Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và khai khoáng: Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng gồm sản xuất gạch, vật liệu lợp, sản xuất bê tông. Các sản phẩm khai khoáng chủ yếu là đá xây dựng, cát, cuội, sỏi, fenspat, chì, kẽm v.v.

Công nghiệp hóa chất: Nguồn than bùn là nguyên liệu sản xuất phân vi sinh rất lớn. Đây là ngành công nghiệp triển vọng của tỉnh, không những làm tăng giá trị sản xuất công nghiệp mà còn đáp ứng tốt cho nhu cầu phân bón rất lớn trong sản xuất nông nghiệp. Các sản phẩm hóa chất khác bao gồm các ống nhựa, bao bì PP, PE, dược liệu, thuốc chữa bệnh v.v...

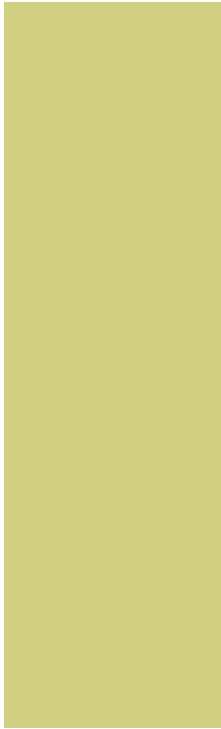
Công nghiệp cơ khí, thiết bị điện, điện tử : Phát triển theo hướng phục vụ cơ giới hóa nông, lâm nghiệp, chuyên sản xuất và sửa chữa các loại máy móc, thiết bị bảo quản, chế biến nông, lâm sản, nhất là các nông, lâm sản đặc trưng của nông nghiệp Tây Nguyên như: cà phê, cao su, điều, nông sản thực phẩm, dầu thực vật; sản xuất và sửa chữa máy công tác phục vụ khâu làm đất, canh tác, làm thủy lợi, cơ khí giao thông, xây dựng, cơ khí tiêu dùng v.v... phục vụ trong tỉnh và các tỉnh lân cận trong vùng. Điện tử, điện dân dụng: Phát triển lắp ráp và sửa chữa điện tử, điện lạnh, điện dân dụng ở các thị xã, thị trấn, các điểm dân cư tập trung.

Các ngành công nghiệp nhẹ: Phát triển rộng nghề may ở các đô thị lớn như thành phố Buôn Ma Thuột, các thị xã, thị trấn huyện nhằm đáp ứng nhu cầu may mặc, thị hiếu của các địa phương và tạo thêm việc làm cho người lao động.

## V. TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Ngày càng có nhiều ngân hàng thương mại đăng ký hoạt động tại tỉnh Đắk Lắk, đảm bảo cung ứng vốn đầy đủ cho sự phát triển ngày càng tăng. Đến nay, các ngân hàng và tổ chức tín dụng sau đã có hoạt động tại tỉnh:

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển
- Ngân hàng Phát triển
- Ngân hàng Ngoại thương
- Ngân hàng Công thương
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.
- Ngân hàng chính sách xã hội
- Quỹ tín dụng Nhân dân



# CHƯƠNG 6 DU LỊCH

## I. GIỚI THIỆU CHUNG

### 1. *Tiềm năng phát triển du lịch*

Đắk Lắk là tỉnh nằm giữa cao nguyên Nam Trung Bộ, phía đông giáp tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, phía tây giáp nước bạn Cam Pu Chia, phía nam giáp tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông, phía bắc giáp tỉnh Gia Lai. Nằm trong vùng đất đai rộng lớn với địa hình và khí hậu đa dạng đã tạo ra những vùng sinh thái nông nghiệp thích hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt có quỹ đất bazan phù hợp với cà phê, cao su, rừng có trữ lượng gỗ lớn nhất cả nước.

Đắk Lắk có hệ thống giao thông đường bộ, đường hàng không tương đối hoàn chỉnh, tạo cho tỉnh một vị trí thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và thực sự có tiềm năng phát triển du lịch.

Cảnh quan của Đắc Lắc có vẻ đẹp tự nhiên, đa dạng, phong phú, thơ mộng và hùng vĩ với cấu tạo địa hình thể hiện sự hòa hợp của những dòng sông xen lẫn núi đồi ao hồ, ghenh thác và những khu vực rừng nguyên sinh tạo nên những thác nước đẹp nổi tiếng, quanh năm mịt mờ sương khói như thác Thủy Tiên, Bảy Nhánh,... nhiều hồ lớn với diện tích hàng trăm héc ta như hồ Lắc, Ea Đồn,... phù hợp cho việc tổ chức các hoạt động du lịch, đặc biệt là hồ Ea Súp thượng với diện tích 1440 ha.

Đắc Lắc còn nổi tiếng với nhiều khu vườn nguyên sinh, khu bảo tồn thiên nhiên đã được quy hoạch như Vườn Quốc gia YokDon, Vườn Quốc gia Chư Yang Sin, khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô,... với nhiều loài động, thực vật quý hiếm, đặc biệt là voi.

Đắc Lắc có nhiều di tích lịch sử văn hóa và cách mạng được du khách quan tâm, tìm hiểu như tháp Chăm Yang Prong, Biệt điện Bảo Đại, đình Lạc Giao, chùa sắc tứ Khải Đoan, nhà đày Buôn Ma Thuột, hang đá Ba Tầng, hang đá Đắc Tuôn,...

Thu hút và gây ấn tượng mạnh mẽ cho khách du lịch đến Đắc Lắc không chỉ là những cảnh quan thiên nhiên kỳ thú mà còn bởi Đắc Lắc có một nền văn hóa truyền thống đặc sắc, phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, với những bản trường ca Đam San, Xinh Nhã,... những sản phẩm làng nghề truyền thống: dệt thổ cẩm, đan lát điêu khắc, những lễ hội và phong tục độc đáo, âm thanh vang vọng của các loại công chiêng, đàn đá, các nhạc cụ làm từ chất liệu của núi rừng, những lời ca, điệu múa của cộng đồng 44 dân tộc anh em, thể hiện tâm hồn cao nguyên đầy trữ tình và cháy bỏng khát vọng yêu cuộc sống.

## 2. Các sản phẩm du lịch

### 2.1. Du lịch sinh thái dã ngoại:

Du lịch tham quan làng văn hóa, sinh thái quanh các hồ bằng thuyền độc mộc hoặc các phương tiện khác, du lịch vượt sông Sêrêpôk bằng hệ thống cầu treo bắt qua rừng si, tham quan thắng cảnh, các thác nước đẹp nhất Tây Nguyên.

Du lịch mạo hiểm trên hồ, du lịch leo núi.

Du lịch tham quan nghiên cứu rừng và động vật rừng quý hiếm phục vụ bảo tồn tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và động vật bán hoang dã phục vụ săn bắn du lịch.

Du lịch cà phê: tham quan vườn cà phê, tìm hiểu quá trình chăm sóc, thu hoạch, chế biến... và uống cà phê Buôn Ma Thuột ngay tại vườn cà phê, bên những góc cà phê trĩu quả...

Du lịch sinh thái cuối tuần tại các khu du lịch.

## *2.2. Du lịch văn hóa:*

Các công trình văn hóa, di tích lịch sử, di tích cách mạng đã và đang có kế hoạch sửa chữa, tôn tạo, tu bổ như: Sa bàn chiến thắng Buôn Ma Thuột, nhà đày Buôn Ma Thuột, các bảo tàng lịch sử, Bảo tàng cách mạng sẽ thu hút sự quan tâm của khách du lịch.

Tham quan tìm hiểu tập quán đời sống văn hóa cộng đồng, khám phá nghề truyền thống, săn bắt và thuần dưỡng voi rừng, du lịch trên lưng voi, đám cưới sử dụng voi, thăm bảo tàng voi và trung tâm biểu diễn voi tại Buôn Đôn.

Du lịch lễ hội, tìm hiểu truyền thống lịch sử văn hóa các dân tộc, các làng nghề truyền thống, trò chơi dân gian trong các dịp lễ hội như: lễ hội đua voi tháng 11 hàng năm tại Buôn Đôn...

Văn hóa ẩm thực: Thưởng thức rượu cần, cơm lam, gà nướng, cà đắng và các món ăn đặc sản của đồng bào dân tộc như: Núc nác xào, dọt mây hầm chân giò, canh lá bép...

## *2.3. Du lịch vui chơi giải trí:*

Khu tổ hợp vui chơi giải trí tại khu du lịch Buôn Đôn, Lắk, Ea Kao, Công viên nước DakLak...

Du lịch vui chơi giải trí câu cá thư giãn trên hồ Ea Kao, Ea Chư Cáp, xem văn nghệ, biểu diễn xiếc thú.

## **3. Danh lam thắng cảnh**

### *3.1. VƯỜN QUỐC GIA YOKDON*

Nằm cách thành phố Buôn Ma Thuột 40km về phía tây, vườn Quốc gia YokDon là một địa danh nổi tiếng, một trong những khu bảo tồn thiên nhiên lớn nhất của Việt Nam, có diện tích 115.545ha, chưa kể 133.890ha vùng đệm bao quanh vườn.



Điều làm hấp dẫn du khách là cảnh quan hoang sơ của núi rừng. Những cánh rừng đại ngàn của vườn Quốc gia YokDon thuộc hệ sinh thái rừng khộp của Tây Nguyên, mang đặc tính của rừng nhiệt đới Đông Nam Á. Vườn Quốc gia YokDon là nơi cư trú của 62 loài động vật, 196 loài chim, 46 loài bò sát, 13 loài lưỡng cư và 464 loài thực vật, phần lớn là Ngọc Lan. Trong số 56 loài động vật quý hiếm của Đông Dương, YokDon có tới 38 loài, 17 loài có tên trong sách đỏ thế giới.

Du khách tới đây sẽ có dịp khám phá nhiều điều kỳ thú, được cưỡi voi dạo chơi dưới tán rừng xanh mát, thưởng thức hương thơm của các loài lan rừng, quây quần bên chén rượu cần nghe già làng kể về những truyền thuyết của vùng đất này.

### *3.2. VƯỜN QUỐC GIA CHƯ YANG SIN*

Chư Yang Sin là dãy núi có nhiều đỉnh núi, trong đó có đỉnh Chư Yang Sin cao nhất Đăk Lăk (2.442m), nằm cách thành phố Buôn Ma Thuột 60km về phía đông nam, diện tích 59.667ha với địa hình chia làm nhiều sườn dốc, khí hậu nhiệt đới núi cao tạo thành nhiều loại rừng khác nhau với nhiều loài động thực vật, trong đó có 44 loài động, thực vật quý hiếm đã được ghi vào sách đỏ Việt Nam như: Quạ, Khách Đuôi Cờ, Hồng Hoàng, Bói Cá lớn,...

Chư Yang Sin đặc biệt hấp dẫn những du khách ưa thích mạo hiểm và những nhà nghiên cứu khoa học bởi những điều kỳ thú và sự phong phú của tài nguyên thiên nhiên.

### 3.3. HỒ LẮK VÀ BUÔN JUN

Hồ Lắc cách thành phố Buôn Ma Thuột 56km về phía nam, theo Quốc lộ 27 đi Đà Lạt. Xung quanh hồ được bao bọc bởi những dải núi và rừng nguyên sinh, tạo nên cảnh quan rất ngoạn mục. Nước hồ xanh thẳm, mặt hồ được phủ kín bởi sen. Trên đỉnh đồi cao, con đường xoắn ốc men theo sườn đồi dẫn lên Biệt điện Bảo Đại rợp bóng cổ thụ. Du thuyền độc mộc trên hồ, thưởng thức đặc sản cá thác lác, du khách sẽ khó có thể quên kỷ niệm và cảm xúc về nơi này.

Nằm tựa mình bên hồ Lắc trong xanh thơ mộng, buôn Jun mang một vẻ đẹp nguyên sơ hiền hòa của buôn làng Tây Nguyên. Buôn Jun được ví như một thiếu nữ miền sơn cước, luôn giữ cho mình những bản sắc truyền thống đã được bảo tồn qua bao thế hệ.

Đến buôn Jun, nhìn những ngôi nhà sàn theo kiểu kiến trúc cổ truyền của đồng bào Tây Nguyên nép mình dưới bóng cây xanh, ngắm các thiếu nữ buôn làng chăm chỉ cần mẫn bên khung dệt thổ cẩm... du khách sẽ ngỡ như mình đang ngược dòng thời gian trở về với khung cảnh thanh bình, nên thơ đằm chất huyền thoại đã từng in dấu ấn vào những bản trường ca của thuở xa xưa. nếp sống và sinh hoạt của đồng bào dân tộc buôn Jun mang một nét đặc trưng riêng vốn đã được định hình từ hàng trăm năm trước.

### 3.4. THÁC KRÔNG KMAR

Nằm cách trung tâm huyện Krông Bông khoảng 3km, thác Krông Kmar bắt nguồn từ đỉnh cao nhất của dãy Chư Yang Sin hùng vĩ. Cạnh những cột nước của thác có những tảng đá bằng phẳng, có thể dùng chân ngắm cảnh hay tổ chức liên hoan nhẹ ngay giữa lòng suối. Thật bất ngờ và thú vị, nơi bắt đầu của dòng Krông Kmar có một hồ nước rộng trong xanh và sâu hàng chục mét nằm giữa một rừng thông quanh năm tấu nhạc cùng tiếng hót thánh thót của chim rừng. Thú vị hơn nữa, du khách còn được cuội voi chinh phục đỉnh Chư Yang Sin, thưởng thức hương vị thơm nồng của rượu cần Tây Nguyên.

### 3.5. THÁC THỦY TIÊN

Thác Thủy Tiên là một thắng cảnh nên thơ nằm cách xã Tam Giang, huyện Krông Năng 7km về hướng đông bắc. Vẻ đẹp thơ mộng tựa nàng tiên nữ ẩn mình giữa núi rừng của thắng cảnh này đã làm đắm say biết bao du khách.

Thác gồm có 3 tầng, tầng thứ nhất có độ dốc thấp với những bậc lên xuống dễ dàng, lòng thác nhỏ, nước chảy êm đềm giữa những vòm cây xanh mát, hai bên lòng thác có nhiều rễ cây buông rũ xuống như những chiếc võng đu đưa trong gió ngàn. Tầng thứ hai của thác trải rộng với nhiều bậc đá, có chỗ nước tuôn trào trắng

xóa, tạo nên những hồ nông, du khách có thể tắm mình thích thú với làn nước xanh mát, có nơi dòng thác đổ từ trên cao xuống những tảng đá, bọt nước tung trắng xóa tựa những đoá hoa thủy tiên kiêu hãnh khoe sắc hương dưới ánh mặt trời lung linh, rực rỡ. Ở tầng thứ ba, nước đổ thẳng dốc từ trên xuống tạo thành hồ khá sâu để cuối cùng hóa thành dòng nước chảy hiền hòa, trong vắt.

### 3.6. THÁC BẢY NHÁNH

Từ thành phố Buôn Ma Thuột dọc theo tỉnh lộ 1 về hướng tây bắc 35km, du khách đến buôn N'Drêch, xã Ea Hua, huyện Buôn Đôn, từ đây rẽ trái đi tiếp khoảng 1km nữa là đến thác Bảy Nhánh, một điểm du lịch sinh thái tuyệt vời của Đắk Lắk. Dòng Sêrêpôk chảy qua đây chia làm bảy dòng sông nhỏ chảy qua các tảng đá lớn tạo thành 6 hòn đảo nhỏ giữa các nhánh sông. Đứng trên cao quan sát, thác giống như bàn tay xòe ra giữa ghềnh thác trắng xóa. Nơi đây có bãi tắm đẹp và cũng là nơi lý tưởng để đưa thuyền độc mộc. Nơi rộng nhất của thác khoảng 2km. Nhánh thứ nhất được che bởi rặng si già, nhánh thứ hai, thứ ba, thứ tư là ghềnh đá lớn, nhánh thứ năm có bãi sạn, đá cuội được nước bào mòn vô cùng xinh xắn, nhánh thứ sáu có bãi cát rộng, phẳng đẹp, sang nhánh thứ bảy là đến khu rừng nguyên sinh thuộc vườn Quốc gia YokDon.

Đến với thác Bảy Nhánh, du khách không những được tận hưởng cảnh quan thiên nhiên của vùng sinh thái nơi đây mà còn có thể tiếp tục tham quan vườn Quốc gia YokDon, nghe kể về truyền thống săn bắt, thuần dưỡng voi rừng, du thuyền hay cưỡi voi vượt dòng Sêrêpôk, giao lưu văn hóa công chiêng với đồng bào M'Nông, thưởng thức những món ẩm thực khác lạ như cơm dùm lá chuối, gà nướng lá bưởi, kiến vàng bóp cải xanh, sở hữu những món đồ mỹ nghệ truyền thống như: túi dệt thổ cẩm, các loại gùi,...

### 3.7. TRUNG TÂM DU LỊCH BUÔN ĐÔN

Cách thành phố Buôn Ma Thuột 42km, theo tỉnh lộ 1 về phía tây bắc, là địa danh nổi tiếng với nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng có một không hai ở vùng Đông Nam Á. Đây còn là nơi chung sống của cộng đồng đa sắc tộc với các phong tục, tập quán mang đậm dấu ấn văn hóa Gia Rai, Kơ Me, Lào, Ê Đê, M'Nông,...

Đến với Buôn Đôn, du khách có dịp cưỡi voi dạo chơi, dùng thuyền độc mộc xuôi dòng Sêrêpôk chiêm ngưỡng nét hùng vĩ của núi rừng, tham dự hội voi, thưởng thức tài nghệ của những chú voi tranh tài trong các cuộc thi: voi đá bóng, voi kéo gỗ, voi kéo co, voi chạy thi,... Ngoài ra, du khách còn được khám phá nét độc đáo của ngôi nhà cổ có tuổi thọ trên 100 năm làm hoàn toàn bằng gỗ, được sống trong ngôi nhà ẩm cúng dựng trên những cành của cây si già, ăn món cá nướng thơm lừng, ngọt bùi, tham dự trò chơi bắn nỏ đầy thú vị.

### 3.8. KHU DU LỊCH HỒ EA KAO

Nằm cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột 12km đường ô tô về hướng đông, khu du lịch hồ Ea Kao với quy mô 120ha, được đầu tư xây dựng trên khu vực có địa hình tương đối đa dạng, có nhiều triền đồi, khe,... độ cao chênh lệch không nhiều.

Với những điều kiện thuận lợi về đất đai, cảnh quan thiên nhiên, vị trí địa lý, thảm thực vật, cây xanh, nguồn nước,... khu du lịch hồ Ea Kao là nơi lý tưởng để khách du lịch gần xa nghỉ ngơi, tận hưởng sự trong lành của thiên nhiên.

### 3.9 CÁC ĐIỂM KHÁC

Khu du lịch hồ Ea Nhai - Thắng Lợi: Từ thành phố Buôn Ma Thuột, theo Quốc lộ 26 đi khoảng 18km rồi rẽ trái khoảng 2km. Đây là hồ sinh thái đẹp được đầu tư xây dựng khá hoàn chỉnh, có các dịch vụ bơi thuyền, ca nô, câu cá, dã ngoại.

Khu du lịch sinh thái Ban Mê: Được xây dựng tại khu đồi thông Cư D'luê - phường Khánh Xuân, cách thành phố Buôn Ma Thuột 4km theo đường Quốc lộ 14 đi Bình Phước.

Buôn Ako D'hong: Nằm về phía bắc, cách thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 2km, buôn Ako D'hong là buôn văn hóa đẹp và nổi tiếng của thành phố, nơi cư trú của đồng bào dân tộc Ê Đê. Đây là buôn dân tộc thu hút nhiều lượt khách du lịch đến tham quan bởi nét văn hóa riêng và lòng mến khách của đồng bào.

## 4. Di tích văn hóa lịch sử

### 4.1 CHÙA SẮC TỨ KHẢI ĐOAN

Chùa Khải Đoan được xây dựng vào năm 1951 - 1953 trong một khuôn viên thoáng rộng nằm ngay trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột, tên chùa được ghép bởi tên vua Khải Định và Đoan Huy hoàng hậu, là ngôi chùa sắc tứ cuối cùng của nhà Nguyễn.

Chùa có kiến trúc chữ tam, trước cổng là tam quan gồm 2 tầng với vòm cửa cao, chính điện rộng 320m<sup>2</sup>, sau nhà là hậu tổ. Chính điện thờ Phật Thích Ca có hai phần, nửa trước mang dáng dấp nhà dài Tây Nguyên nhưng kiến trúc cột kèo kiểu nhà rường Huế, nửa sau theo lối hiện đại. Gian bên phải đặt chiếc chuông đồng nặng 380kg được đúc năm 1954. Điện Quan Âm xây tách biệt có hình lục giác với sáu cột trang trí rồng mây.

#### 4.2. THÁP CHĂM YANG PRONG

Là tháp Chăm duy nhất ở Tây Nguyên, thuộc địa bàn huyện Ea Súp, cách thành phố Buôn Ma Thuột 100km, được xây dựng cuối thế kỷ 13 thờ thần Siva.

Tháp là một khối kiến trúc bằng gạch nung đỏ trên nền cao bằng đá xanh. Tháp cao 9m, có đáy vuông, 3 mặt tường là 3 cửa giả, một cửa duy nhất quay về hướng đông, nơi ngự trị của các vị thần linh. Phía trên tháp mở rộng và thon vút hình tháp bút, khác biệt với kiến trúc của các tháp Chăm khác ở Trung bộ. Đây là nơi thu hút nhiều nhà nghiên cứu và khách du lịch khi đến với Đắk Lắk.



#### 4.3. BIỆT ĐIỆN BẢO ĐẠI

Tọa lạc ngay trung tâm Buôn Ma Thuột, trong khuôn viên thoáng rộng rợp bóng cổ thụ. Đây từng là nhà ở của công sứ Pháp, sau là nhà ở và làm việc của vua Bảo Đại. Năm 1940, ngôi nhà được xây dựng lại theo lối kiến trúc Tây Nguyên kết hợp hiện đại, mái ngói, sàn gỗ, phía dưới là tầng hầm bê tông.

Khung cảnh tĩnh lặng dưới những tán cây cổ thụ, Biệt Điện ngày nay trở thành di tích lịch sử, bảo tàng trưng bày hiện vật lịch sử văn hóa các dân tộc Đắk Lắk.

#### 4.4. BẢO TÀNG DÂN TỘC

Bảo tàng dân tộc Đắk Lắk gồm hai tầng, trưng bày các hình ảnh và hiện vật lịch sử, văn hóa đời sống của người dân tỉnh Đắk Lắk.

*Tầng 1:* Trưng bày những hiện vật, hình ảnh giới thiệu về đặc điểm tự nhiên của Đắk Lắk, về văn hóa hai dân tộc thiểu số: Ê Đê và M'Nông. Các mô hình nhà sàn, trang phục, dụng cụ sản xuất, tượng nhà mồ, các bộ sưu tập ché rượu, gùi, trái bầu...

*Tầng 2:* Trưng bày những hình ảnh, hiện vật về công cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của đồng bào Đắk Lắk.

Ngoài ra cũng trưng bày những hình ảnh về công cuộc sản xuất kinh tế sau ngày giải phóng: sản xuất nông, công nghiệp, trồng cao su, cà phê, chế biến mủ cao su, làm thủy điện, các hoạt động y tế, du lịch...

#### 4.5. ĐÌNH LẠC GIAO

Cây đa, bến nước, sân đình đã từ lâu thân thiết, gắn bó đối với mỗi người con đất Việt. Những người Việt đầu tiên đến lập nghiệp tại miền đất đỏ cao nguyên này đã dựng lên ngôi đình Lạc Giao vào năm 1928 để thờ cúng tổ tiên, thờ người lập làng, lập ấp, người có công đã hy sinh trên mảnh đất mới. Năm 1932, vua Bảo Đại ban sắc tứ phong Khai quốc công thần Đào Duy Từ là Thành hoàng của đình Lạc Giao. Ngày nay, đình còn thờ những người chiến sĩ cách mạng đã dâng hiến cuộc đời để giành và giữ nền độc lập cho Tổ quốc.

Ngôi đình mang kiến trúc của đình làng miền Trung, nhà thờ tổ kiểu chữ môn. Đình Lạc Giao còn là lời giao ước an cư lập nghiệp, giữa đồng bào các dân tộc trong công cuộc xây dựng miền đất mới, ý nghĩa tốt đẹp đó được tồn tại đến hôm nay.

#### 4.6. BIA LẠC GIAO

Cách Ngã Sáu trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột chưa đầy 1km, dưới những tán cây râm mát, bia Lạc Giao tưởng nhớ trên 100 chiến sĩ Nam tiến đã anh dũng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Bốn cây đại nằm bốn bên che chắn tấm bia như tấm lòng biết ơn của người dân nơi đây với người đã khuất.



#### 4.7. HANG ĐÁ ĐẮK TUỜ

Cách trung tâm xã Cư Pui huyện Krông Bông khoảng 6km, một di tích cách mạng thu hút nhiều sự quan tâm của du khách, hang đá Đăk Tuờ kỳ bí với hệ thống hang đá liên hoàn gồm nhiều lớp ăn sâu vào lòng núi, đủ chỗ ở cho hàng ngàn người. Trong suốt những năm kháng chiến chống Mỹ, hang đá Đăk Tuờ là nơi đóng quân của Tỉnh ủy Đăk Lăk và các đơn vị bộ đội chủ lực của tỉnh. Vùng căn cứ cách mạng này từng diễn ra nhiều sự kiện lịch sử, có ý nghĩa mở màn cho đại thắng mùa xuân năm 1975, thống nhất đất nước.

Trong các ngày lễ lớn, thanh niên các dân tộc trong tỉnh thường tổ chức những chuyến hành hương về nguồn, cùng nhau ôn lại những ngày tháng hào hùng của dân tộc.

#### 4.8. NHÀ ĐÀY BUỒN MA THUỘT

Đến với Đăk Lăk, du khách không thể không đến thăm Nhà đày Buồn Ma Thuột khu di tích lịch sử cách mạng đã được Nhà nước xếp hạng. Nhà đày Buồn Ma Thuột không những là chứng tích chiến tranh mà còn là nơi đào tạo và rèn luyện nên những chiến sĩ cách mạng kiên cường. Những chiến sĩ Cộng sản bị địch giam cầm ở đây đã trở thành những người gieo mầm giống cách mạng lên mảnh đất cao nguyên.

#### 4.9. CA ĐA - ĐỊA CHỈ ĐỎ

Từ trung tâm Thành phố Buồn Ma Thuột theo quốc lộ 26 về hướng đông khoảng 28km là đến Công ty cà phê Phước An, một đơn vị làm kinh tế đứng chân trên mảnh đất mà cách đây gần 60 năm là nơi thành lập chính quyền cách mạng đầu tiên ở cấp cơ sở của Đăk Lăk.

Cùng với Nhà đày Buồn Ma Thuột, Đình Lạc Giao, Hang đá Đăk Tuar, Đồn điền Ca Đa là di tích lịch sử cách mạng, là địa chỉ đỏ của tỉnh Đăk Lăk, đón hàng ngàn du khách đến thăm và tìm hiểu hàng năm. Công nhân viên chức - lao động Công ty cà phê Phước An hôm nay vẫn phát huy truyền thống Cách mạng tháng 8 năm 1945, lao động giỏi, lao động sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế, xây dựng Đăk Lăk trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

### 5. Lễ hội

#### 5.1. Hội đua voi Buồn Đôn

Voi là biểu tượng của thiên nhiên, văn hóa của vùng bazan đất đỏ, là thể mạnh về du lịch, sinh thái, nhân văn của tỉnh miền núi cao nguyên Đăk Lăk. Nếu trước kia, theo lối cổ truyền, đồng bào chỉ dùng voi để phục vụ đi săn, chuyên chở, đi lại... thì

ngày nay, con voi được huy động vào nhiều việc, mang lại những hiệu quả về nhiều mặt như du lịch, lễ hội, làm thay đổi ít nhiều cuộc sống ở một số buôn làng Tây Nguyên. Con voi từ một động vật hoang dã, được con người thuần dưỡng tinh khôn, sớm "gắn bó" với cuộc sống buôn làng.

Còn tại Buôn Đôn, Ea Súp - quê hương của các Gru săn voi nổi tiếng, những ngày Hội voi hàng năm là những ngày sôi động nhất. Vào tháng ba đầy nắng gió, trời biếc xanh, những chú voi thợ khôn ngoan nhất, "thiện chiến" nhất từ các buôn làng về tập trung tại xã Krông Na (Buôn Đôn) để cùng các nài voi tài giỏi tham gia ngày Hội voi truyền thống. Trên sân vận động nằm lọt giữa cánh rừng khộp, du khách được xem những chú voi biểu diễn nhiều động tác, trò chơi rất độc đáo. Trước khi vào những trò diễn chính ta được xem những chú voi diễu hành, tiến qua lễ đài và quỳ chào khán giả một cách rất "lễ phép". Môn thể thao hùng dũng nhất là đua voi, tiếp đến là voi kéo vật nặng, voi ném gỗ. Trò chơi thể thao ngộ nghĩnh nhất, làm cho người xem khoái chí như voi kéo co với người, voi đá bóng, voi nhảy múa theo điệu kèn đing năm... Cũng không gì hứng thú bằng khi không phải vào rừng sâu vất vả để mục sở thị cảnh săn bắt voi rừng mà ngay trong những ngày lễ hội, ta được quan sát từng động tác săn voi, những dụng cụ bắt voi, những cuộc rượt đuổi... để hình dung ra cuộc xung trận hoành tráng của những Gru trong bao lần đi săn voi rừng. Đó là tiết mục biểu diễn và cũng là một bảo tàng sống về nghề săn voi khi cùng một lúc ta được trông thấy những con voi thợ dũng mãnh, những Gru đầy kinh nghiệm, những dụng cụ săn bắt voi có nhiều công năng khác nhau như tù và, dây quăng tròn, búa tốc độ... để có thể hình dung được một phần văn hóa mưu sinh của đồng bào các dân tộc. Tại bến nước Buôn Trí, trên dòng Sêrêpôk, du khách được thưởng thức một môn thể thao đầy ngoạn mục là thi voi bơi. Khi có hiệu lệnh, những chú voi chạy ào xuống nước, gắng sức bơi vượt sông trong tiếng cổ vũ, la hét hào hùng của cổ động viên. Những chú voi khác đón du khách lên bành và bằm bỏ lợi suối, vừa xem thi đấu thể thao dưới nước của voi, vừa ngoạn cảnh ven sông tận hưởng vẻ đẹp của bên Vườn Quốc gia YokDon.

Hội voi và liên hoan cồng chiêng là những cuộc trình diễn, giới thiệu văn hóa truyền thống ấn tượng nhất của cư dân Tây Nguyên, là sinh hoạt lễ hội không thể thiếu hàng năm. Những chú voi hiền lành, ngoan ngoãn, luôn gắn bó với con người, buôn làng, sẽ đưa ta về với quá khứ để cảm nhận đâu đây tiếng chiêng vang, tiếng voi gầm, tiếng thét oai hùng của các chàng trai dũng sĩ trong sử thi Đam San, Xing Nhã; cho ta được trở về cội nguồn văn hóa hoang sơ, hồn nhiên, đầy ắp tính nhân văn của con người và mảnh đất nơi đây.

Nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng: Không ai biết nghề này ở Buôn Đôn bắt đầu từ lúc nào, cũng không ai tính được đã có bao nhiêu con voi rừng bị người Buôn Đôn bắt và thuần dưỡng. Ba ngàn, năm ngàn hay 1 vạn, 2 vạn? Người ta chỉ biết nghề

săn voi đã vinh danh cho biết bao nhiêu già làng, đó là: Cụ Y Pui (mất năm 1985) là một Gru (vua săn bắt voi) trong bản, đã quăng tròng kéo về 450 con voi. Cụ Y Păng Eban, trong cuộc đời 80 năm của mình đã bắt được 300 con. Cụ Ykun Niê bắt được 240 con. Nay Phao bắt được 32 con. Còn những người khác chỉ bắt được từ bốn đến năm con. Voi đối với người dân Buôn Đôn thân thuộc đến nỗi trở thành đơn vị đo lường trao đổi trong đời sống thường ngày. Chẳng thế mà ngôi nhà gỗ của người Lào được tính bằng số tiền của 12 con voi có cặp ngà dài (trị giá một con chưa tính cặp ngà giá trao đổi từ 60 -70 triệu đồng).

Có một điều lạ là nghề săn bắt thuần dưỡng voi rừng nguy hiểm là thế nhưng ở Buôn Đôn chưa có người nào làm nghề này lại bị voi rừng quật chết, chỉ có một số voi rừng đã được thuần dưỡng, sau một thời gian dài sống chung với người, bỗng quay ra làm phản, hại chủ.

Do môi trường bị xâm hại, voi rừng ngày càng ít dần, vì thế nghề săn bắt voi ở Buôn Đôn không còn thịnh hành như trước.

### 5.2. Lễ bỏ mả

Một số tộc người sống ở Tây Nguyên không có tục thờ cúng tổ tiên và những người đã chết, vì vậy mà họ có lễ bỏ mả - lễ vĩnh biệt người qua đời lần cuối cùng để tiễn hồn ma người chết về "buôn của người chết" và không bao giờ nhắc tới nữa.

Sau khi chôn người quá cố sớm nhất là 1 năm, muộn nhất là 7 năm thì người ta tiến hành lễ bỏ mả. Khi đã lo đủ rượu, gạo, thịt dâng cúng từ 2 - 3 ngày thì gia đình của người chết đứng ra thực hiện lễ bỏ mả và được cộng đồng cùng tham gia. Lễ bỏ mả thường được diễn ra hàng năm khi ruộng rẫy đã thu hoạch xong, vụ mùa gieo tủa chưa tới, là một trong những lễ quan trọng dành cho người quá cố.

Người đứng ra thực hiện lễ bỏ mả có khi là một gia đình, một dòng họ, có khi cả buôn. Nhà giàu, dòng họ lớn thì giết nhiều trâu bò, chuẩn bị nhiều ché rượu. Nhà nghèo thì cũng phải có đủ rượu, thịt để cung cấp cho ăn uống và chia phần cho người dự lễ.

Đối với lễ bỏ mả tập thể người ta không dùng chiêng vì chiêng là riêng của một gia đình, một dòng họ. Nếu đem dùng chung thì linh hồn sẽ theo chiêng về với người có chiêng, không có lợi.

### 5.3. Lễ cơm mới của người M'Nông

Ngày xưa, người M'Nông sống dựa vào nương rẫy, chăn nuôi và săn bắt thú rừng, chim cá, trong đó nguồn sống vẫn chủ yếu dựa vào cây lúa rẫy. Tháng sáu và

tháng bảy là những tháng giáp hạt, thiếu đói, đồng bào dựa vào thức ăn hái lượm, săn bắt. Sau hai tháng chỉ ăn củ mài, trái dẻ thì đến đầu tháng tám lúa rẫy bắt đầu chín, dù chưa ăn bụng đã thấy no. Đó là lúc bà con tuốt lúa về ăn cơm mới. Phong tục này đã có từ lâu, đã được nhắc nhở bằng câu ca dao: "Saba m'he ran tuih ran sung" (ăn cơm mới phải cúng ơn dao, rìu).

Họ tuốt lúa khi vừa chín vàng, hay còn một chút màu xanh, luộc chín rồi phơi khô. Loại lúa này khi giã hạt gạo hơi nát nhưng hương vị thơm ngon. Bữa ăn cơm mới đầu tiên không nấu canh rau bầu bí, phải ăn những thức ăn "đặc sản" như chim, cá, gà, lợn và mời đông đủ bà con xóm làng tới dự. Đặc biệt, phải có ché rượu ủ gạo thật ngon để cúng thần lúa. Rượu thịt đầy đủ, tươm tất để bù đắp thời gian thiếu ăn phải lặn lội vào rừng tìm trái dẻ, đào củ mài.

Lễ ăn gạo mới thường tổ chức vào bữa ăn tối. Chủ nhà lo nấu một nồi cơm thật to, cứ tính mỗi hộ được mời phải được ăn một chén bầu (khoảng hai bô gạo). Trong làng có bao nhiêu hộ thì chủ nhà phải mời cho hết, vì khi làm rẫy, làm nương nhờ bà con giúp đỡ mới có kết quả. Mời bà con ăn bữa cơm gạo mới để tỏ lòng biết ơn đã giúp gia đình khi trúa lúa, dọn cỏ, tuốt lúa.

Khi bà con đã đến đông đủ, chủ nhà bung một ché rượu đổ nước sắn, hút ra một ít rượu đầu để cúng cơm, sau đó giết một con gà to lấy huyết bỏ vào chén bầu, hòa với rượu cần rồi đặt lên một cái nia ở trên sạp giường - nơi dọn cơm đãi khách. Người ta dùng lá chuối tươi lót trên nia, đổ cơm, thịt gà vào đấy và lấy một tô gạo có cắm đèn sáp ong, để cúng. Tất cả dụng cụ sản xuất có trong nhà như dao, rựa, rìu, cào cỏ... đều mang ra bỏ trên cái nia. Chủ nhà đặt trên luõ những dụng cụ đó một ít cơm, huyết lợn, huyết gà, rượu cần tỏ ý thiết đãi để đền ơn dụng cụ trước khi con người được ăn cơm mới. Có dụng cụ mới có nương rẫy xanh tươi, mang lại cuộc sống ấm no, do đó, dụng cụ lao động "ăn" trước, người ăn sau. Lúc đó thì chủ nhà và bà con tham dự khẩn vái: nay ta cho rựa, dao, cào, rìu ăn cơm mới, hãy ăn cho thật no cứng. Khi ta sử dụng, chặt đá không mẻ, chặt cây không méo, sang năm mới thu hoạch lúa nhiều hơn.

Khẩn vái xong, chủ nhà dọn cơm và thức ăn trên lá chuối tươi rồi mời bà con cùng ăn. Mỗi hộ thường chỉ một người thay mặt đến "dự bữa". Những người không đi, chủ nhà lấy cho mỗi hộ một bầu cơm to và một ít thịt, cá gửi mang về làm quà để ai cũng được hưởng kết quả lao động. Ăn xong, chủ nhà mời bà con uống rượu cần. Trước khi uống rượu, chủ nhà lấy chút rượu cần và huyết gà phết vào kho lúa, bàn thờ, đá bếp để tạ ơn thần linh đã phù hộ cho gia đình trong năm qua.



## 6. Điểm vui chơi giải trí

Hoa viên Buôn Ma Thuật: được xây dựng khang trang, sạch đẹp tại trung tâm thành phố Buôn Ma Thuật, đặc biệt rất gần với các khách sạn, nhà nghỉ trong thành phố. Bạn có thể tản bộ tham quan phố xá, thư thả đến Hoa viên, với công trình được thiết kế xây dựng theo kiểu hiện đại kết hợp với nét đặc trưng của vùng Tây Nguyên, có nhiều dịch vụ vui chơi giải trí: vườn hoa, vườn chim thu nhỏ, động nhân tạo, quán cà phê giải khát,... rất phù hợp cho thư giãn sau khi thực hiện chuyến đi du lịch xa hay những buổi tối thời tiết nóng nực du khách sẽ thấy thoải mái và dễ chịu.

Đồi thông Buôn Ma Thuật: Nằm trên Quốc lộ 27 đi Đà Lạt, cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuật 5 km về hướng đông. Đây là điểm du lịch lý tưởng rộng rãi, thoáng mát, trữ tình với khu rừng thông lâu năm thuận tiện cho việc tổ chức dã ngoại, cắm trại, vui chơi cho mọi lứa tuổi. Đến đây vào những dịp lễ, tết du khách sẽ được tận hưởng những ngày nghỉ lý thú, bổ ích với những dịch vụ tận tình chu đáo, an ninh trật tự tốt.

Công viên nước DakLak: Cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuật 4 km về hướng đông bắc, công viên nước DakLak là nơi có nhiều trò chơi nhất hiện nay tại khu vực miền Trung Tây Nguyên. Với hệ thống thác trượt nước, nhiều trò chơi cảm giác mạnh, dòng sông lười bao quanh khuôn viên dài 487 m, khu vui chơi thiếu nhi, hồ tạo sóng... Công viên nước DakLak là một địa điểm vui chơi bổ ích, lành mạnh, ấn tượng và an toàn với chi phí hợp lý.

Thưởng thức cà phê: Đến Đắk Lắk, nếu có thời gian rảnh rỗi du khách có thể thư giãn với những quán cà phê. Nơi có những quán cà phê thật sang dành cho khách ngoại quốc và những người muốn có một không gian yên tĩnh như: Khách sạn

Thắng Lợi, Cao Nguyên, Dam San, Bạch Mã, Thiên Mã, Hai Bà Trưng, Tây Nguyên... hoặc đến với phố cà phê nằm trên đường Lê Thánh Tôn để thưởng thức hương vị đậm đà của cà phê Buôn Ma Thuột đã nổi tiếng từ lâu. Đối với những đôi bạn trẻ muốn tìm không gian riêng để tâm sự xin mời bạn hãy hòa mình trong những cảnh trí trữ tình với suối vang tiếng nhạc của các quán cà phê như: Hàn Thuyên, Rainny, Valentin...

## **7. Các công ty lữ hành**

### **7.1. CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK:**

Công ty cổ phần Du lịch Dak Lak là một công ty lữ hành quốc tế, đến với công ty quý khách sẽ hài lòng với các dịch vụ đặc trưng của Tây Nguyên:

- Cưỡi voi thăm buôn làng, đi thuyền độc mộc trên hồ Lắk.
- Sinh hoạt văn nghệ công chiêng và uống rượu cần giao lưu với đồng bào dân tộc M'Nông, Ê Đê.
- Thăm các thác nước hùng vĩ như Gia Long, Krông Kmar.
- Tham gia chương trình dã ngoại trong rừng.
- Tham quan du lịch tỉnh bạn: Nha Trang, Đà Lạt, Phan Thiết và các tỉnh Đông, Tây Nam bộ.
- Tham quan du lịch nước ngoài: Thái Lan, Trung Quốc, Singapore...

Tại đây Quý khách có thể lưu trú tại nhà sàn, bugalow trong làng, trong thác hoặc hệ thống các khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế như: Khách sạn Thắng Lợi, Khách sạn Cao Nguyên, khách sạn Thành Công...

Với đội ngũ hướng dẫn viên và nhân viên có nghiệp vụ, kinh nghiệm, nhiệt tình, chu đáo, chắc chắn sẽ làm hài lòng quý khách.

### **7.2. CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK**

53 Lý Thường Kiệt - thành phố Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk

Tel: (84-50) 852108 - 852322 Fax: (84-50) 852865

Email: daklaktourist@daklaktourist.com.vn

Website: www.daklaktourist.com.vn

### **7.3. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN BIỆT ĐIỆN**

Làm đại lý lữ hành quốc tế.

Tổ chức các chương trình du lịch trọn gói trong nước.

Tổ chức du lịch chuyên đề:

Du lịch sinh thái: cưỡi voi, đi thuyền độc mộc, leo núi, thám hiểm rừng nguyên sinh Nam Ka, Ea Rbin, Chư Minh...

Du lịch văn hóa: Tìm hiểu và giao lưu văn hóa các dân tộc Tây Nguyên, nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng ở Buôn Đôn.

Du lịch lễ hội: đua voi, đâm trâu, cồng chiêng...

Đặt phòng khách sạn, đăng ký vé máy bay.

Dịch vụ hướng dẫn và các dịch vụ du lịch khác.

Ngoài ra Công ty còn nhận tổ chức các chương trình du lịch theo yêu cầu của quý khách, quý cơ quan. Đặc biệt giảm giá cho các đoàn sinh viên, học sinh.

#### VĂN PHÒNG CHÍNH

12 Lê Duẩn - thành phố Buôn Ma Thuột

Tel: (84-50) 850587 - 860156 Fax: (84-50) 812029

TRUNG TÂM ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BUÔN ĐÔN

Xã Krông Na - Huyện Buôn Đôn - TP. Buôn Ma Thuột

Tel: (84-50) 783019 - 783082

#### 7.4. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH ĐAM SAN (DAMSANTOURS)

Là một công ty lữ hành nội địa, chuyên tổ chức các chương trình du lịch theo chủ đề : Du lịch sinh thái, Du lịch nghiên cứu lịch sử - văn hóa, du lịch cuối tuần, du lịch khảo sát thị trường, du lịch theo chương trình của du khách.



Damsantours thực hiện các dịch vụ :

- Nhà hàng, khách sạn.
- Cho thuê xe du lịch các loại.
- Đặt chỗ vé máy bay trong nước và quốc tế.
- Chuyển tiền nhanh trong và ngoài nước.

**NHÀ HÀNG - KHÁCH SẠN ĐAM SAN**

212 - 214 Nguyễn Công Trứ - thành phố Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk

Tel: (84-50) 851234 - 852505

**PHÒNG ĐIỀU HÀNH HƯỚNG DẪN DU LỊCH ĐAM SAN**

212 - 214 Nguyễn Công Trứ - thành phố Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk

Tel: (84-50) 850123

**7.5. CÔNG TY DU LỊCH SINH THÁI BẢN ĐƠN:**

Công ty Du lịch sinh thái Bản Đơn là đơn vị đầu tư và khai thác du lịch tại Khu du lịch Làng Đảo - Bản Đơn "thác Bảy nhánh".

Đến với công ty, Quý khách sẽ được phục vụ các dịch vụ sau:  
Cưỡi voi, du thuyền trên sông Sêrêpôk.



Ẩm thực: Các món ăn đặc sản của núi rừng Tây Nguyên và dòng sông Sêrêpôk.  
Lưu trú trong các nhà sàn của các dân tộc Tây Nguyên.

Với đội ngũ nhân viên, hướng dẫn viên trẻ, năng động, nhiệt tình. Chắc chắn sẽ làm hài lòng quý khách.

#### VĂN PHÒNG CÔNG TY

45 Phan Bội Châu - thành phố Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

Tel: (84-50) 854903 - 811856

KHU DU LỊCH LÀNG ĐẢO - BẢN ĐÔN

Xã Ea Huar - Huyện Buôn Đôn

Tel: (05 0) 789179

#### 7.6. CÔNG TY TNHH LỮ HÀNH CAO NGUYỄN VIỆT NAM

24 Lý Thường Kiệt - Thành phố Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

Tel: (84-50) 855009 - Fax: (84-50) 854525

Email: [highlandco@dng.vnn.vn](mailto:highlandco@dng.vnn.vn)

Website: [www.hitravel.com.vn](http://www.hitravel.com.vn)

### 8. Hệ thống Khách sạn, Nhà hàng

Với hệ thống cơ sở lưu trú phát triển mạnh như hiện nay, Đắk Lắk có đủ khả năng đón tiếp và phục vụ trên 3.000 lượt khách trên cùng một thời điểm tổ chức các sự kiện lớn của tỉnh.

#### Khách sạn Bạch Mã ★★★

Địa chỉ: 9 Nguyễn Đức Cảnh - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 815215

Số phòng: 66

#### Khách sạn Đam San ★★★

Địa chỉ: 212 Nguyễn Công Trứ - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 851234

Số phòng: 54

#### Khách sạn Thành Công ★★

Địa chỉ: 51 Lý Thường Kiệt - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 858243

Số phòng: 31

**Khách sạn Thiên Mã ★★**

Địa chỉ: 52 Hai Bà Trưng - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 853963

Số phòng: 22

**Khách sạn Hoàng Long ★★**

Địa chỉ: 168 Hùng Vương - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 841841

Số phòng: 30

**Khách sạn Ban Mê ★**

Địa chỉ: 9 Nguyễn Chí Thanh - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 951001

Số phòng: 67

**Khách sạn Sơn Hoà ★**

Địa chỉ: 114 - 116 Phan Bội Châu - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 814550

Số phòng : 12

**Khách Sạn Vân Ngọc Trang ★**

Địa chỉ: 269 Lê Hồng Phong - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 853945

Số phòng: 34

**Khách sạn Hoa Pơ Lang ★**

Địa chỉ: Km9, QL 14, xã Ea Tu - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 863444

Số phòng: 23

**Khách sạn Hàng Không ★**

Địa chỉ: 67 Nguyễn Tất Thành - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 952266

Số phòng: 15

**Khách sạn Tây Nguyên ★**

Địa chỉ: 110 Lý Thường Kiệt - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 851010

Số phòng: 34

**Khách sạn Đồng Khánh ★**

Địa chỉ : Km4, QL 14 - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 953555

Số phòng: 58

**Khách sạn Ấn Độ ★**

Địa chỉ: 203/2 Đinh Tiên Hoàng - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 811772

Số phòng: 18

**Khách sạn Phương Nguyên ★**

Địa chỉ: 38 Lý Thái Tổ - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 815313

Số phòng: 20

**Khách sạn Hoàng Uyên ★**

Địa chỉ: 2A Trương Công Định - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 851640

Số phòng: 21

**Khách sạn Mỹ Linh ★**

Địa chỉ: 27-29 Lê Đại Hành - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 815353

Số phòng: 20



**Khách sạn Hai Bà Trưng ★**

Địa chỉ: 08 Hai Bà Trưng - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 852407

Số phòng: 31

**Khách sạn Nam Nguyên ★**

Địa chỉ: 30 Trần Quang Khải - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 955255

Số phòng: 33

**Khách sạn Duy Hoàng**

Địa chỉ: 30 Lý Thường Kiệt - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 858020

Số phòng: 17

**Khách sạn Ngọc Hân**

Địa chỉ: 152 Nguyễn Văn Cừ - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 865865

Số phòng: 29

**Khách sạn Thành Phát**

Địa chỉ: 41 Lý Thường Kiệt - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 854857

Số phòng: 17

**Khách sạn Mai Anh**

Địa chỉ: 11 Lý Tự trọng - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 953636

Số phòng: 49

**Khách sạn Thanh Bình**

Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT : (84-50) 853812

Số phòng: 16

**Khách sạn Thăng Lợi**

Địa chỉ: 01 Phan Chu Trinh - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 857615

Số phòng: 40

**Khách sạn Vân Nam**

Địa chỉ: 174 Y Jút - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 857009

Số phòng: 25

**Khách sạn Cao Nguyên**

Địa chỉ: 65 Phan Chu Trinh - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 855957

Số phòng: 34

**Khách sạn Biệt Điện**

Địa chỉ: 1 Ngô Quyền - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 954299

Số phòng : 50

**Khách sạn Cát Phú**

Địa chỉ: 113 Hai Bà Trưng - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 854972

Số phòng: 17

**Khách sạn Sông Trà**

Địa chỉ: 42 Lý Thường Kiệt - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 817887

Số phòng: 20

**Khách sạn Ala Va**

Địa chỉ: 95A Ma Khê - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 857280

Số phòng: 18

**Khách sạn Cà phê Tuấn Vũ**

Địa chỉ: 135/1 Ngô Quyền - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 956519

Số phòng: 36

**Khách sạn Minh Tâm**

Địa chỉ: 118/120 Hai Bà Trưng - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 810120

Số phòng: 18

**Khách sạn Hoàng Lộc**

Địa chỉ: 7 - 9 Ybi Alêo - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 956703

Số phòng: 64

**Khách sạn EDen**

Địa chỉ: 228 Nguyễn Công Trứ - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 840055

Số phòng: 20

**Khách sạn Thành Ngọc**

Địa chỉ: 117 Nguyễn Văn Cừ - Tp. Buôn Ma Thuột

ĐT: (84-50) 875035

Số phòng: 19

## 9. Nhà hàng

Hệ thống nhà hàng phát triển khá nhanh, chưa kể các nhà hàng thuộc các khách sạn, đến nay toàn tỉnh có hàng chục nhà hàng với quy mô 100 chỗ đến 400 chỗ ngồi; một số nhà hàng có quy mô 500 chỗ đến 2000 chỗ ngồi, đáp ứng mọi nhu cầu của khách.

- Nhà hàng Thanh Lịch: 270 Trần Phú, Buôn Ma Thuột.
- Nhà hàng Bốn Triệu: 333 A, Quang Trung, Buôn Ma Thuột.
- Nhà hàng Quán Ngon: 72-74 Bà Triệu, Buôn Ma Thuột.
- Nhà hàng Trúc Đào: 132 Nguyễn Lương Bằng, Buôn Ma Thuột.

### 9.1. Mục tiêu và định hướng phát triển du lịch.

Phấn đấu đưa ngành du lịch Đắk Lắk trở thành một trong những trọng điểm phát triển du lịch quốc gia và quốc tế. Đẩy mạnh tốc độ tăng doanh thu của ngành đạt 20% thời kỳ 2006 - 2010 và đạt 15 - 16% thời kỳ 2011 - 2020.

Đẩy mạnh khai thác tiềm năng du lịch sinh thái và nhân văn để xây dựng ngành du lịch thành một ngành kinh tế có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Phát triển đa dạng các loại hình du lịch: du lịch sinh thái, cảnh quan; du lịch văn hóa, lịch sử; du lịch lễ hội, thể thao, nghỉ dưỡng...

Phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk trong sự hòa nhập và gắn kết chặt chẽ với du lịch các tỉnh Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh, tạo các tour du lịch liên hoàn, thống nhất, với địa bàn du lịch hấp dẫn có sức thu hút du khách trong và ngoài nước.

Phát triển du lịch phải gắn với việc đảm bảo an ninh chính trị, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

### 9.2. Phát triển các cụm du lịch

Đến năm 2010 - 2020, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phát triển 4 cụm du lịch và xây dựng các dự án du lịch trọng điểm sau:

- Cụm du lịch thành phố Buôn Ma Thuột - Krông Ana: bao gồm các điểm du lịch như: thắng cảnh thác Dray Nur, thác Gia Long, Dray H'Linh, khu lâm viên Ea Kao, khu sinh thái Ban Mê, công trình thủy điện Buôn Kuốp; các điểm du lịch văn hóa, lịch sử như: nhà đày Buôn Ma Thuột, nhà bảo tàng dân tộc Đắk Lắk, sa bàn chiến thắng Buôn Ma Thuột, đình Lạc Giao, chùa Sắc Tứ Khải

Đoạn; du lịch các làng nghề dệt thổ cẩm truyền thống, tham quan bến nước người Ê Đê ở phường Tân Lập, xã Ea Tu; du lịch vườn cà phê ở các vùng lân cận gần thành phố v.v....

- Cụm du lịch Buôn Đôn - Ea Súp - Cư M'gar: ở đây có vườn quốc gia Yook Đôn, các cánh rừng nguyên sinh, có thể khai thác các loại hình du lịch dã ngoại, nghiên cứu động, thực vật; tham quan các làng văn hóa, bến nước, tham gia lễ hội đua voi, lễ hội văn hóa của các dân tộc Ê Đê, M'Nông, Lào, Gia Rai...
- Cụm du lịch hồ Lắk - Krông Bông và vùng phụ cận: Bao gồm các điểm du lịch hồ Lắk, nhà Cụu hoàng Bảo Đại, hồ thủy điện buôn Tua Srah và các thắng cảnh thác nước Krông Kmar, hang đá Đăk Tuor, khu căn cứ cách mạng...
- Cụm du lịch Krông Păk - Ea Kar - Krông Năng - M'Đrăk. Phát triển các điểm du lịch như hồ Ea Nhái (Krông Păk), khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô, (Ea Kar), thác đá Dray Nao và trang trại nông nghiệp sinh thái M'Đrăk .

### *9.3. Các giải pháp chủ yếu phát triển du lịch*

Huy động mọi nguồn vốn cho đầu tư phát triển hạ tầng du lịch. Khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, cá nhân trong tỉnh Đắk Lắk, các tỉnh, thành trong cả nước có tiềm lực kinh doanh du lịch lớn tham gia phát triển du lịch theo qui hoạch.

Tăng cường quan hệ hợp tác, liên kết với các công ty nước ngoài.

Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước đối với hoạt động du lịch.

Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, điện, nước, các cơ sở dịch vụ; xây dựng mới các tuyến đường đến các điểm du lịch và đường trong nội khu, tạo thuận lợi cho việc đi lại, tham quan.

Đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên có chuyên môn, nghiệp vụ, có trình độ hiểu biết văn hoá, lịch sử, có ngoại ngữ, biết giao tiếp văn minh lịch sự để quản lý tốt, hướng dẫn, thuyết minh, hấp dẫn du khách.

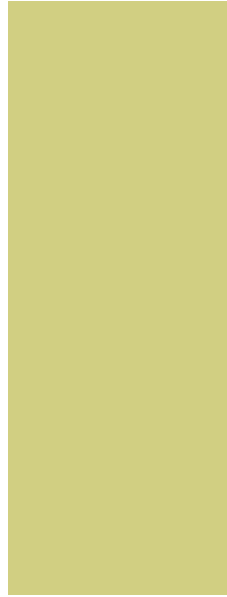
Tăng cường hoạt động tiếp thị, tuyên truyền quảng bá về du lịch Đắk Lắk thông qua các hội chợ, triển lãm du lịch trong nước và quốc tế, phát hành các tập gấp, ấn phẩm, băng đĩa hình, thông tin trên mạng internet.

Khuyến khích các công ty mở thêm những chi nhánh du lịch Đắk Lắk ở Hà Nội, Đà Nẵng, Khánh Hoà, TP. Hồ Chí Minh v.v... nhằm tạo điều kiện cho du khách có thể dễ dàng liên hệ tìm được tour du lịch yêu thích.

# PHẦN B

**HƯỚNG DẪN VỀ QUY TRÌNH**

**VÀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ TẠI ĐẮK LẮK**



# CHƯƠNG 1

QUY CHẾ PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT ĐĂNG KÝ KINH DOANH, ĐĂNG KÝ THUẾ VÀ ĐĂNG KÝ DẤU

# QUY CHẾ PHỐI HỢP

## GIẢI QUYẾT ĐĂNG KÝ KINH DOANH, ĐĂNG KÝ THUẾ VÀ ĐĂNG KÝ DẤU ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP, HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10/2008/QĐ-UBND,  
Ngày 19 tháng 3 năm 2008 của UBND tỉnh)*

### PHẦN I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### ***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh***

Quy chế này quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các thủ tục hành chính về:

1. Đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, đăng ký dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
2. Trình tự giải quyết đăng ký kinh doanh thành lập mới doanh nghiệp;
3. Đăng ký hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện;
4. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh dẫn tới thay đổi nội dung đăng ký thuế hoặc thay đổi mẫu dấu của doanh nghiệp, Chi nhánh và Văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

##### ***Điều 2. Đối tượng áp dụng***

1. Các tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và khắc dấu khi thành lập doanh nghiệp mới, thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện hoặc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký thuế, thay đổi mẫu dấu;
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Công an tỉnh.

##### ***Điều 3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả các kết quả giải quyết thủ tục hành chính.***

###### **1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:**

Tổ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (gọi tắt là Tổ một cửa) đặt tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (Địa chỉ: Số 17 - Lê Duẩn, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk) là nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện,

đăng ký thuế hoặc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký thuế, thay đổi mẫu dấu (gồm thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế). Tổ chức, cá nhân có thể nhận các mẫu giấy đề nghị đăng ký kinh doanh, mẫu tờ khai đăng ký thuế, tại Tổ một cửa (địa điểm tiếp nhận hồ sơ).

## **2. Cơ quan trả kết quả thực hiện các thủ tục hành chính:**

- a. Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Công an tỉnh là nơi trả Giấy chứng nhận mẫu dấu và con dấu.
- b. Tổ một cửa là nơi trả các kết quả:
  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho Chi nhánh, Văn phòng đại diện,
  - Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

## **PHẦN II**

### **HỒ SƠ, LỆ PHÍ, TRẢ KẾT QUẢ CHO DOANH NGHIỆP**

### **THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

#### ***Điều 4. Hồ sơ đăng ký.***

#### **1. Trường hợp đăng ký kinh doanh thành lập mới doanh nghiệp, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, bộ hồ sơ chung bao gồm các giấy tờ sau:**

- a. Các giấy tờ đăng ký kinh doanh thành lập doanh nghiệp, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2006/TT-BKH).
- b. Các giấy tờ đăng ký thuế cho doanh nghiệp thành lập mới (trừ bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) theo hướng dẫn tại Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế về đăng ký thuế (sau đây gọi là Thông tư số 85/2007/TT-BTC).

#### **2. Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh dẫn tới thay đổi nội dung đăng ký thuế, thay đổi mẫu dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, bộ hồ sơ chung bao gồm các giấy tờ sau:**

- a. Các giấy tờ thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH.

- b. Các giấy tờ thay đổi đăng ký thuế của doanh nghiệp (trừ bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) theo hướng dẫn tại Thông tư số 85/2007/TT-BTC.

#### **Điều 5. Tiếp nhận hồ sơ và thu lệ phí.**

1. Khi hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cán bộ Tổ một cửa tiếp nhận hồ sơ, viết và trao Giấy biên nhận hồ sơ (theo mẫu) cho người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trong giấy biên nhận hồ sơ phải thể hiện nội dung đăng ký, số lượng các loại giấy tờ, hạn ngày trả kết quả và địa điểm trả kết quả; đồng thời thực hiện thu lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định;
2. Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Công an tỉnh thu lệ phí đăng ký mẫu dấu, khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến nhận con dấu.

#### **Điều 6. Trả kết quả cho doanh nghiệp**

##### **1. Thời hạn trả kết quả đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế**

###### *a. Đối với trường hợp thành lập mới doanh nghiệp*

Trong thời hạn tối đa 06 (sáu) ngày làm việc đối với các loại hình công ty, và 04 (bốn) ngày làm việc đối với doanh nghiệp tư nhân, kể từ ngày nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến Tổ một cửa để nhận bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để đi làm thủ tục khắc dấu tại cơ sở khắc dấu.

Sau khi đã nhận được con dấu, theo thời hạn ghi trên Giấy biên nhận hồ sơ (sau 05 ngày làm việc, kể từ thời hạn trả bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp mang con dấu đến Tổ một cửa để hoàn tất thủ tục đăng ký thuế và nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

###### *b. Đối với trường hợp đăng ký thành lập Chi nhánh:*

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, người đứng đầu chi nhánh đến Tổ một cửa để nhận bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh để đi làm thủ tục khắc dấu tại cơ sở khắc dấu.

Sau khi đã nhận được con dấu của Chi nhánh, theo thời hạn ghi trên Giấy biên nhận hồ sơ (sau 05 ngày làm việc, kể từ thời hạn trả bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động), người đứng đầu Chi nhánh mang con dấu đến Tổ một cửa để hoàn tất thủ tục đăng ký thuế và nhận Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh.

*c. Đối với trường hợp đăng ký thành lập Văn phòng đại diện:*

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, người đứng đầu văn phòng đại diện đến Tổ một cửa để nhận Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện để đi làm thủ tục khắc dấu tại cơ sở khắc dấu.

*d. Đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện dẫn đến làm thay đổi nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế, thay đổi mẫu dấu:*

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu Chi nhánh, Văn phòng đại diện đến Tổ một cửa để nhận bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp) hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (đối với Chi nhánh) hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (đối với Văn phòng đại diện) để đi làm thủ tục khắc dấu tại cơ sở khắc dấu.

Sau khi đã nhận được con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, theo thời hạn ghi trên Giấy biên nhận hồ sơ (sau 05 ngày làm việc, kể từ thời hạn trả bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động), người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đứng đầu Chi nhánh mang con dấu đến Tổ một cửa để hoàn tất thủ tục đăng ký thuế và nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp), Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (đối với chi nhánh) và Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

*đ. Đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh mà không làm thay đổi nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế, thay đổi mẫu dấu:*

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, người đại diện theo pháp luật (đối với doanh nghiệp), người đứng đầu Chi nhánh, Văn phòng đại diện của doanh nghiệp đến Tổ một cửa để nhận các kết quả.

*e. Các trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ:*

Trường hợp hồ sơ còn thiếu một số thủ tục mà doanh nghiệp vẫn đề nghị tiếp nhận, thì hồ sơ vẫn có thể được xem xét nhận. Trường hợp này phiếu nhận hồ sơ ghi ngày hẹn bổ sung hồ sơ. Thời gian trả kết quả được tính từ ngày hồ sơ được bổ sung đầy đủ.

## **2. Khắc dấu, đăng ký lưu chiểu và trả con dấu:**

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu Chi nhánh, Văn phòng đại diện được quyền chủ động đến cơ sở khắc dấu có đủ điều kiện để khắc con dấu cho doanh nghiệp, Chi nhánh, Văn phòng đại diện.

Người đến liên hệ khắc dấu phải nộp cho cơ sở khắc dấu 01 (một) bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp khắc dấu cho doanh nghiệp) hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (trường hợp khắc dấu cho Chi nhánh, Văn phòng đại diện) và phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu.

Cơ sở khắc dấu phải có Giấy hẹn trả dấu cho doanh nghiệp, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm và cơ quan Công an đăng ký và trả dấu. Sau khi khắc xong con dấu, cơ sở khắc dấu chuyển con dấu kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã nhận của người liên hệ khắc dấu đến Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Công an tỉnh chậm nhất là trước 01 (một) ngày làm việc so với thời hạn trả dấu ghi trên Giấy hẹn trả dấu để kiểm tra, đăng ký lưu chiếu và trả cho doanh nghiệp.

Theo thời gian ghi trên Giấy hẹn trả dấu, người đi khắc dấu mang theo Giấy hẹn trả dấu tới Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội để nhận dấu. Khi nhận dấu, người nhận dấu phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu và nộp lệ phí đăng ký dấu.

### **3. Cơ quan giải quyết các thủ tục hành chính và trả kết quả cho doanh nghiệp:**

- a. Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội là cơ quan đăng ký lưu chiếu và trả con dấu cùng với Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu.
- b. Tổ một cửa là cơ quan trả Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế (sau khi doanh nghiệp đã nhận con dấu tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội).
  - Cán bộ Tổ một cửa trả kết quả cho người đại diện theo pháp luật (đối với doanh nghiệp), người đứng đầu (đối với Chi nhánh, Văn phòng đại diện của doanh nghiệp), hồ sơ gồm:
    - + Đối với doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh ký và đóng dấu; Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
    - + Đối với Chi nhánh: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh ký và đóng dấu; Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
    - + Đối với Văn phòng đại diện: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh ký và đóng dấu.
  - Người đại diện theo pháp luật (đối với doanh nghiệp) hoặc người đứng đầu (đối với chi nhánh của doanh nghiệp) kiểm tra thông tin trên bản gốc Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký thuế; ký vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy

chứng nhận đăng ký hoạt động, đóng dấu vào Tờ khai đăng ký thuế (đối với trường hợp là doanh nghiệp hoặc chi nhánh) và ký nhận vào Phiếu trả kết quả (theo mẫu).

### PHẦN III

## PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GIỮA CÁC CƠ QUAN

### *Điều 7. Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan*

#### **1. Đối với trường hợp thành lập mới doanh nghiệp**

##### *a. Sở Kế hoạch và Đầu tư:*

- Trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc (đối với loại hình công ty), 04 (bốn) ngày làm việc đối với doanh nghiệp tư nhân, Phòng Đăng ký kinh doanh hoàn thành việc xử lý hồ sơ và in, ký tên, đóng dấu vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, và chuyển đến Tổ một cửa.

- Cán bộ Tổ một cửa luân chuyển hồ sơ:

Gửi tới Cục Thuế: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ của doanh nghiệp liên quan đến việc đăng ký thuế;

Trao bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp để đi làm thủ tục khắc dấu tại cơ sở khắc dấu.

##### *b. Cục Thuế tỉnh:*

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thuế của doanh nghiệp từ Tổ một cửa gửi đến, Cục Thuế giải quyết việc đăng ký thuế và bàn giao Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho cán bộ Tổ một cửa để sẵn sàng giao cho doanh nghiệp.

##### *c. Công an tỉnh:*

Sau khi nhận con dấu và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp do cơ sở khắc dấu chuyển đến, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội có trách nhiệm kiểm tra nội dung con dấu, làm thủ tục đăng ký lưu

chiều, trả con dấu, cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho doanh nghiệp theo đúng ngày hẹn trả con dấu được ghi trong giấy hẹn của cơ sở khắc dấu.

## **2. Trường hợp đăng ký kinh doanh thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh dẫn tới thay đổi nội dung đăng ký thuế, thay đổi mẫu dấu của doanh nghiệp, Chi nhánh, Văn phòng đại diện.**

### *a. Sở Kế hoạch và Đầu tư:*

- Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh hoàn thành việc xử lý hồ sơ và in, ký tên, đóng dấu vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp đăng ký thay đổi), Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp), và chuyển các giấy tờ trên đến Tổ một cửa.

- Cán bộ Tổ một cửa thực hiện luân chuyển hồ sơ:

Gửi tới Cục Thuế: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (đối với Chi nhánh) và các giấy tờ của doanh nghiệp liên quan đến việc đăng ký thuế;

Trao bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp), bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho người đứng đầu Chi nhánh, Văn phòng đại diện (đối với Chi nhánh, Văn phòng đại diện) để đi làm thủ tục khắc dấu tại cơ sở khắc dấu.

### *b. Cục Thuế tỉnh:*

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thuế của doanh nghiệp từ Tổ một cửa gửi đến, Cục Thuế giải quyết việc đăng ký thuế và bàn giao Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho cán bộ Tổ một cửa để sẵn sàng giao cho doanh nghiệp.

### *c. Công an tỉnh:*

Sau khi nhận con dấu và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội kiểm tra con dấu, làm thủ tục đăng ký lưu chiều, trả con dấu, cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho doanh nghiệp theo đúng ngày hẹn trả con dấu được ghi trong giấy hẹn của cơ sở khắc dấu.

### **3. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh dẫn tới phải thay đổi đăng ký thuế nhưng không làm thay đổi mẫu dấu của doanh nghiệp, Chi nhánh, Văn phòng đại diện.**

#### *a. Sở Kế hoạch và Đầu tư:*

- Trong thời hạn tối đa 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp, Chi nhánh, Văn phòng đại diện;
- Tổ một cửa gửi tới Cục Thuế: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp), Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (đối với Chi nhánh) và các giấy tờ của doanh nghiệp liên quan đến việc đăng ký thuế.

#### *b. Cục Thuế:*

Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký thuế của doanh nghiệp từ cán bộ Tổ một cửa, Cục Thuế giải quyết việc đăng ký thuế và bàn giao Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho cán bộ Tổ một cửa để sẵn sàng giao cho doanh nghiệp.

## **Điều 8. Luân chuyển hồ sơ**

### **1. Cơ quan chuyển hồ sơ**

Cán bộ Tổ một cửa thực hiện việc luân chuyển hồ sơ giữa Sở Kế hoạch - Đầu tư và Cục thuế;

### **2. Thời gian chuyển hồ sơ:**

Trong khoảng thời gian từ 15h30' đến 17h00' của các ngày làm việc trong tuần;

### **3. Nội dung giao, nhận hồ sơ:**

- Chuyển hồ sơ về đăng ký thuế tới Cục Thuế;
- Nhận kết quả việc đăng ký thuế của doanh nghiệp từ Cục Thuế (đối với những hồ sơ đã chuyển từ trước, đến ngày hẹn) để trả cho doanh nghiệp.

### **4. Chi phí**

Chi phí văn phòng phẩm, chi phí chuyển, phát hồ sơ do Sở Kế hoạch và Đầu tư thanh toán trên cơ sở cân đối nguồn thu lệ phí đăng ký kinh doanh được phép giữ lại và kinh phí hoạt động hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

## **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Chủ động đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông, biên chế cán bộ làm việc ở Tổ một cửa, đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 6 năm 2007, của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;
- Chịu trách nhiệm in ấn các mẫu biểu, quy trình liên quan đến các thủ tục thành lập doanh nghiệp, đăng ký thuế, khắc dấu để cung cấp miễn phí cho người thành lập doanh nghiệp và doanh nghiệp; Công khai, niêm yết các khoản phí, lệ phí về đăng ký kinh doanh, khắc dấu và đăng ký dấu tại Tổ một cửa để doanh nghiệp biết.
- Đưa vào hoạt động “Cổng thông tin doanh nghiệp” để phục vụ nhanh chóng, tiện lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, các cơ quan quản lý nhà nước các thông tin về kinh tế xã hội và các thông tin về doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp;
- Chịu trách nhiệm tổng hợp, đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế này khi có sự thay đổi của các văn bản pháp luật có liên quan đến trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký dấu.

### **2. Công an tỉnh:**

- Cung cấp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư danh sách và địa chỉ các cơ sở khắc dấu đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện an ninh trật tự để thông báo cho doanh nghiệp tự liên hệ khắc dấu;
- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các điều kiện về an ninh trật tự của cơ sở khắc dấu; kiểm tra, đăng ký, quản lý con dấu và các nội dung liên quan theo quy định của pháp luật.

### **3. Cục thuế:**

- Xây dựng bộ hồ sơ mẫu liên quan đến thủ tục đăng ký thuế để niêm yết tại Tổ một cửa, và để cung cấp cho doanh nghiệp;
- Thông báo kịp thời những nội dung thay đổi trong các văn bản pháp luật về thủ tục, hồ sơ đăng ký thuế cho Tổ một cửa biết để thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



# CHƯƠNG 2

## CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

### I. CHÍNH SÁCH ÁP DỤNG CHUNG TRÊN TOÀN QUỐC

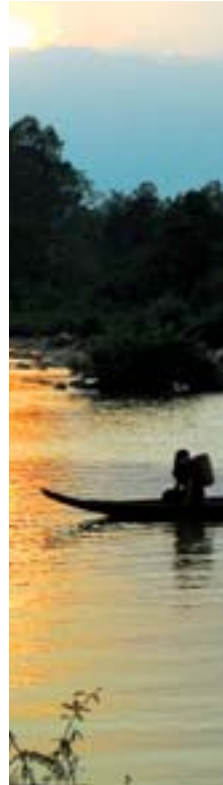
Lĩnh vực ưu đãi đầu tư và đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Nghị định 108/2006/NĐ-CP :

	Lĩnh vực ưu đãi đầu tư, đầu tư tại địa bàn TP.Buôn Ma Thuột	Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, đầu tư tại địa bàn TP.Buôn Ma Thuột	Đầu tư tại địa bàn các huyện	Lĩnh vực ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn các huyện	Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn các huyện
Thuế Nhập khẩu máy móc thiết bị	Miễn thuế	Miễn thuế	Miễn thuế	Miễn thuế	Miễn thuế
Tiền thuế đất theo hình thức thuê đất	Miễn 03 năm	Miễn 07 năm	Miễn 11 năm	Miễn 15 năm	Miễn suốt thời gian thực hiện dự án
Tiền sử dụng đất theo hình thức giao đất			Miễn tiền sử dụng đất	Miễn tiền sử dụng đất	Miễn tiền sử dụng đất
Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Dự án đầu tư mở rộng quy mô	- Miễn 01 năm; - Giảm 50% cho 04 năm tiếp theo	- Miễn 02 năm; - Giảm 50% cho 03 năm tiếp theo	- Miễn 02 năm; - Giảm 50% cho 03 năm tiếp theo	- Miễn 04 năm; - Giảm 50% cho 07 năm tiếp theo	- Miễn 04 năm; - Giảm 50% cho 07 năm tiếp theo
Thuế thu nhập Doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp thành lập mới theo dự án đầu tư	- Miễn thuế 02 năm; Giảm 50% cho 03 năm tiếp theo; - Thuế suất 20% trong 10 năm;	- Miễn thuế 04 năm; Giảm 50% cho 09 năm tiếp theo. - Thuế suất 10% trong 15 năm;	- Miễn thuế 04 năm; Giảm 50% cho 09 năm tiếp theo; - Thuế suất 10% trong 15 năm;	- Miễn thuế 04 năm; Giảm 50% cho 09 năm tiếp theo; - Thuế suất 10% trong 15 năm;	- Miễn thuế 04 năm; Giảm 50% cho 09 năm tiếp theo; - Thuế suất 10% trong 15 năm;

## II. CHÍNH SÁCH CỦA TỈNH ĐẮK LẮK

Với mục đích giảm chi phí thuê kết cấu hạ tầng cho nhà đầu tư trong các khu, cụm công nghiệp, tỉnh Đắk Lắk hỗ trợ các khoản sau:

- Đền bù, giải phóng mặt bằng;
- Xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung;
- Đối với các cụm công nghiệp: hỗ trợ xây dựng đường trục chính, hệ thống cống, tường rào bao quanh cụm công nghiệp;
- Hỗ trợ chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án thực hiện trong các cụm công nghiệp.



# CHƯƠNG 3

## HỒ SƠ - THỦ TỤC- TRÌNH TỰ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮC LẮK

### I. VỀ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

#### 1. Hồ sơ:

Văn bản đề nghị của Nhà đầu tư (nêu một số nội dung cơ bản về dự án đầu tư: mục tiêu, quy mô, dự kiến địa điểm, vốn đầu tư, tiến độ thực hiện, nhu cầu sử dụng đất, công nghệ);

Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: bản sao quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân đối với nhà đầu tư là cá nhân;

## 2. Cơ quan giải quyết:

### 2.1. Đối với đất trong Khu công nghiệp Hoà Phú:

Nhà đầu tư trực tiếp làm việc với Ban quản lý các Khu công nghiệp để được hướng dẫn và giải quyết. Thời gian giải quyết tối đa 06 ngày làm việc;

Địa chỉ liên hệ: số 07 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Điện thoại số 050.856339.

### 2.2. Đối với đất ngoài Khu công nghiệp:

Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Trung tâm xúc tiến Thương mại - Đầu tư là cơ quan tiếp nhận Hồ sơ của Nhà đầu tư lấy ý kiến của các Sở, Ngành, UBND cấp huyện có liên quan trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Thời gian giải quyết tối đa 30 ngày làm việc;

Riêng trường hợp đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Nhà đầu tư, khi đầu tư dự án phải phù hợp với quy hoạch ngành, lĩnh vực được phê duyệt;

(Địa chỉ liên hệ: Phòng Kinh tế đối ngoại - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk, 17 Lê Duẩn – TP. Buôn Ma Thuột, Điện thoại số 050.852702; 050.855936.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

### 1. Hồ sơ:

Đối với Dự án thuộc diện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:

- Dự án đầu tư (01 bản);
- Chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (01 bản);
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (11 bản);
- Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (01 bản);

### 2. Đối với Dự án thuộc diện xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường:

- Dự án đầu tư (01 bản);
- Chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (01 bản);
- Bản cam kết bảo vệ môi trường (03 bản);
- Văn bản đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường (01 bản).

*(Danh mục các dự án thuộc diện phải làm Báo cáo đánh giá tác động môi trường*

hoặc Cam kết bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ).

### **3. Cơ quan giải quyết:**

Dự án thuộc diện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: Sở Tài nguyên môi trường thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt. Thời gian giải quyết tối đa 20 ngày làm việc;

Dự án thuộc diện xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường: Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND cấp huyện giải quyết. Thời gian giải quyết tối đa 10 ngày làm việc;

*(Địa chỉ liên hệ: Phòng Quản lý Môi trường - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, Điện thoại số 050.812418; Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện).*

## **III. ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (KHÔNG CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ)**

### **1. Hồ sơ:**

- Chủ trương đầu tư;
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Văn bản đăng ký đầu tư (theo mẫu);
- Bản sao (chứng thực) Giấy chứng minh nhân dân của người đại diện theo pháp luật;
- Bản sao (chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

*(Tất cả hồ sơ trên lập thành 03 (ba) bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc).*

### **2. Cơ quan giải quyết:**

Đối với dự án đầu tư trong Khu công nghiệp: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk;

Đối với dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trao giấy biên nhận ngay cho Nhà đầu tư.

## IV. ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC CÓ QUY MÔ VỐN ĐẦU TƯ TỪ 15 TỶ ĐẾN 300 TỶ ĐỒNG VIỆT NAM

### 1. Hồ sơ:

- Chủ trương đầu tư;
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Dự án đầu tư;
- Văn bản đăng ký đầu tư (theo mẫu);
- Bản sao (chứng thực) Giấy chứng minh nhân dân của người đại diện theo pháp luật;
- Bản sao (chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh;

*(Bộ hồ sơ trên lập thành 8 (tám) bộ, trong đó có ít nhất 01 (một) bộ gốc).*

### 2. Cơ quan giải quyết:

Đối với dự án đầu tư trong Khu công nghiệp: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk;

Đối với dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp: Sở Kế hoạch và Đầu tư;  
Thời gian giải quyết tối đa 15 ngày làm việc.

## V. THẨM TRA ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ QUY MÔ TỪ 300 TỶ ĐỒNG VIỆT NAM TRỞ LÊN VÀ KHÔNG THUỘC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÓ ĐIỀU KIỆN

### 1. Hồ sơ:

- Chủ trương đầu tư;
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Dự án đầu tư;
- Văn bản đăng ký đầu tư (theo mẫu);
- Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: (i) Đối với nhà đầu tư là tổ chức thì nộp bản sao (công chứng) quyết định thành lập hoặc Giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; (ii) Đối với nhà đầu tư là cá nhân thì nộp bản sao (công chứng) hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng minh nhân dân;

- Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm);
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Hợp đồng liên doanh đối với hình thức thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài;

(Bộ hồ sơ trên lập thành 8 (tám) bộ, trong đó có ít nhất 01 (một) bộ gốc).

## **2. Cơ quan giải quyết:**

Đối với dự án đầu tư trong Khu công nghiệp: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk;

Đối với dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp: Sở Kế hoạch và Đầu tư. Thời gian giải quyết tối đa 25 ngày làm việc.

# **VI. THẨM TRA ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ QUY MÔ ĐẦU TƯ DƯỚI 300 TỶ ĐỒNG VIỆT NAM VÀ THUỘC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÓ ĐIỀU KIỆN**

## **1. Hồ sơ:**

- Chủ trương đầu tư;
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường;
- Dự án đầu tư;
- Văn bản đăng ký đầu tư (theo mẫu);
- Bản sao (công chứng) hộ chiếu còn hiệu lực, chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện;
- Bản sao (công chứng) Giấy phép đầu tư/ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức;
- Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm);
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài;
- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy

định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư;

*(Bộ hồ sơ trên lập thành 8 (tám) bộ, trong đó có ít nhất 01 (một) bộ gốc).*

## **2. Cơ quan giải quyết:**

Đối với dự án đầu tư trong Khu công nghiệp: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk;

Đối với dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp: Sở Kế hoạch và Đầu tư.  
Thời gian giải quyết tối đa 25 ngày làm việc.

## **VII. ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

### **1. Hồ sơ:**

- Chủ trương đầu tư;
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường;
- Dự án đầu tư;
- Văn bản đăng ký đầu tư (theo mẫu);
- Bản sao (công chứng) hộ chiếu còn hiệu lực, chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.
- Bản sao (công chứng) Giấy phép đầu tư/ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức;
- Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm).
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh;

*(Bộ hồ sơ trên lập thành 8 (tám) bộ, trong đó có ít nhất 01 (một) bộ gốc).*

### **2. Cơ quan giải quyết:**

Đối với dự án đầu tư trong Khu công nghiệp: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk;

Đối với dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp: Sở Kế hoạch và Đầu tư. Thời gian giải quyết tối đa 15 ngày làm việc;

*(Địa chỉ liên hệ: Phòng Kinh tế đối ngoại - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk, Điện thoại số 050.852702).*

## VIII. THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 1. Hồ sơ:

Dự án đầu tư, tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở của Nhà đầu tư, chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, thuyết minh dự án đầu tư, thuyết minh thiết kế cơ sở, các bản vẽ thiết kế cơ sở do đơn vị tư vấn lập, văn bản thoả thuận địa điểm xây dựng, diện tích thực hiện dự án, biên bản nghiệm thu thiết kế cơ sở, văn bản quy hoạch xây dựng, văn bản quyền sử dụng đất (thoả thuận vị trí xây dựng của UBND tỉnh), văn bản được thẩm định về phòng chống cháy nổ, văn bản được thẩm định về bảo vệ môi trường, kết quả thi tuyển kiến trúc (chỉ áp dụng với các công trình cấp I trở lên), hồ sơ năng lực của nhà thầu lập thiết kế (trong hồ sơ năng lực phải có giấy phép đăng ký kinh doanh và chứng chỉ hành nghề tư vấn của người đứng chức danh chủ nhiệm thiết kế công trình). Bộ hồ sơ trên gồm 03 bộ.

### 2. Cơ quan giải quyết:

Sở Xây Dựng tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư: Xây dựng công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, công nghiệp vật liệu xây dựng, các công trình trong khu công nghiệp và các công trình khác do Chủ tịch UBND tỉnh giao;

*(Địa chỉ liên hệ: Phòng Kỹ thuật - Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk, Điện thoại số 050.851083).*

Sở Công nghiệp tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư: Xây dựng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện (nhiệt điện, thuỷ điện và các nguồn năng lượng tái tạo, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành) trừ công trình công nghiệp vật liệu xây dựng;

*(Địa chỉ liên hệ: Phòng Kỹ thuật - Sở Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk, Điện thoại số 050.953689).*

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư: Xây dựng công trình thuỷ lợi, đê điều, nông lâm nghiệp, cấp nước sinh hoạt nông thôn;

*(Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Điện thoại số 050.956285).*

Sở Giao thông Vận tải tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư: Xây dựng công trình giao thông (trừ đường đô thị theo địa giới hành chính nội thành nội thị);

*(Địa chỉ liên hệ: Phòng Thẩm định - Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk, Điện thoại số 050.859330).*

- Đối với dự án bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở là Sở có chức năng quản lý loại công trình quyết định tính chất, mục tiêu của dự án. Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở quản lý chuyên ngành và cơ quan liên quan để thẩm định thiết kế cơ sở.

Thời gian thẩm định: Tối đa 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C và 15 ngày đối với dự án nhóm B.

(Lưu ý: Văn bản thẩm định thiết kế cơ sở của các cơ quan có chức năng là cơ sở để chủ đầu tư phê duyệt dự án đầu tư);

## IX. PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

### 1. Hồ sơ:

Đối với việc chấp thuận địa điểm xây dựng công trình:

- Văn bản của chủ đầu tư đề nghị chấp thuận địa điểm xây dựng, trong đó ghi rõ đặc điểm, quy mô, tính chất của công trình dự kiến xây dựng;
- Tài liệu hoặc bản vẽ thể hiện rõ địa điểm, hướng gió chủ đạo, các thông tin của lô đất về khí hậu, thủy văn khoảng cách từ công trình dự kiến xây dựng đến các cơ sở công trình xung quanh;

Đối với lập quy hoạch, dự án xây dựng hoặc thiết kế công trình:

- Văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư;
- Bản sao Giấy phép đầu tư và chứng chỉ quy hoạch, hay thoả thuận địa điểm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- Các bản vẽ thuyết minh thể hiện những nội dung yêu cầu về phòng cháy chữa cháy.

Thời gian giải quyết:

- Đối với việc chấp thuận địa điểm xây dựng công trình, không quá 10 ngày làm việc, cơ quan Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm xem xét và có văn bản trả lời chủ đầu tư về địa điểm xây dựng đó;
- Đối với dự án thiết kế công trình: không quá 20 ngày làm việc đối với dự án quy hoạch, dự án xây dựng; không quá 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm A và không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và C;
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm xem xét cấp “Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy”; Trường hợp không đủ điều

kiện về phòng cháy và chữa cháy để cấp Giấy chứng nhận thì cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy phải thông báo rõ lý do cho Nhà đầu tư biết;

## **2. Cơ quan giải quyết:**

Công an Phòng cháy và chữa cháy – Công an tỉnh Đắk Lắk.

(Địa chỉ liên hệ: Công an Phòng cháy chữa cháy – Công An tỉnh Đắk Lắk, Điện thoại số 050. 860790).

## **X. LẬP PHƯƠNG ÁN ĐỀ BÙ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG**

### **1. Lập, thẩm định và xét duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:**

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng (có sự tham gia của đại diện chủ đầu tư) lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên cơ sở số liệu, tài liệu hiện có do cơ quan Tài nguyên và Môi trường cung cấp gửi cho Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính để thẩm định;

Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án tổng thể, cơ quan Tài chính chủ trì phối hợp với cơ quan Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan có liên quan tiến hành thẩm định phương án và trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xét duyệt;

Trong thời hạn không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan Tài chính, Ủy ban nhân dân đã có chủ trương thu hồi đất hoặc chấp thuận về địa điểm đầu tư có trách nhiệm xem xét, ký quyết định xét duyệt phương án tổng thể;

### **2. Lập, thẩm định và xét duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:**

Sau khi có Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh ban hành về thu hồi chung đối với toàn bộ các thửa đất của khu đất và Quyết định thu hồi đất chi tiết của từng thửa đất của UBND các cấp;

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng (có sự tham gia của đại diện chủ đầu tư và đại diện của những hộ có đất bị thu hồi) có trách nhiệm lập và trình phương án cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi là phương

án bồi thường) theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và Nghị định số 17/2006/NĐ-CP và gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để thẩm định;

Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cơ quan tài chính chủ trì cùng cơ quan Tài nguyên nguyên và môi trường và các cơ quan liên quan khác thẩm định và trình UBND cùng cấp phê duyệt;

Trong thời hạn (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của cơ quan Tài chính, Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định phê duyệt phương án bồi thường.

### **3. Cơ quan giải quyết:**

Cơ quan lập phương án tổng thể và phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cấp huyện, hoặc Ban bồi thường giải phóng mặt bằng cấp huyện, Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh (đối với trường hợp đất được UBND tỉnh giao cho Trung tâm phát triển Quỹ đất quản lý).

*(Địa chỉ liên hệ: Văn phòng UBND các huyện, thành phố, Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh);*

## **XI. GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT**

### **1. Hồ sơ:**

- Đơn xin giao đất có thu tiền sử dụng đất, hoặc thuê đất, (theo mẫu số);
- Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính khu đất, do văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh lập, tùy theo loại đất có số lượng từ 20 đến 60 bản;
- Dự án đầu tư và Quyết định phê duyệt dự án của nhà đầu tư;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc Giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Phương án tổng thể về đền bù, giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Các văn bản: Chủ trương đầu tư, thoả thuận địa điểm đầu tư, Giấy đăng ký kinh doanh;
- Đối với Nhà đầu tư ngoài tỉnh phải có ý kiến của sở Tài nguyên và Môi trường nơi Nhà đầu tư đã đầu tư trước đây để xác định việc chấp hành pháp luật về đất đai của Nhà đầu tư;

*(Bộ hồ sơ trên lập thành 2 (hai) bộ.*

## **2. Cơ quan giải quyết:**

Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian giải quyết tối đa 20 ngày làm việc;

*(Địa chỉ liên hệ: Phòng Quy hoạch - Giao đất- sở Tài Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, Điện thoại số 050.854642).*

## **XII. CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Việc cấp giấy phép xây dựng được thực hiện theo Quyết định số 34/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

### **1. Hồ sơ:**

- Đơn xin cấp giấy phép xây dựng do chủ đầu tư đứng đơn (theo mẫu);
- Bản sao (có chứng thực) một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất, kèm theo trích lục từ bản đồ giải thửa hoặc sơ đồ kỹ thuật thửa đất theo quy định địa chính (nếu có);
- Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở;
- Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư;
- Giấy chứng nhận đầu tư;
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy xác nhận cam kết bảo vệ môi trường của cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Hồ sơ thiết kế (03 bộ);
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

### **2. Cơ quan hướng dẫn, giải quyết:**

Sở Xây dựng Đắk Lắk.

*(Địa chỉ liên hệ: Phòng quy hoạch - Sở xây dựng tỉnh Đắk Lắk, Điện thoại số 050.852354).*

Thời gian giải quyết: tối đa không quá 20 ngày làm việc.





# CHƯƠNG 4

## HƯỚNG DẪN VỀ MẪU BIỂU LIÊN QUAN TỚI THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, CHẤP CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

### I. DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC TỪ 15 TỶ ĐẾN DƯỚI 300 TỶ ĐỒNG, KHÔNG THUỘC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÓ ĐIỀU KIỆN, KHÔNG THUỘC DIỆN CHÍNH PHỦ CHẤP THUẬN:

*1. Đối với trường hợp chỉ đăng ký đầu tư, không cấp Giấy chứng nhận đầu tư: 03 bộ, trong đó có ít nhất 1 bộ gốc:*

- Bản đăng ký đầu tư: Mẫu I-11
- Cam kết bảo vệ môi trường, hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt (theo danh mục tại Nghị định số 21/2008/NĐ-CP).

## 2. Đối với trường hợp đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư: 08 bộ, trong đó có ít nhất 1 bộ gốc:

- a) Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư
  - Trường hợp không gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-1
  - Trường hợp dự án gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-2
  - Trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp: Mẫu I-3
- b) Chủ trương đầu tư (hoặc tương đương) của UBND tỉnh
- c) Dự án đầu tư
- d) Chứng minh nhân dân/chứng thực cá nhân hợp pháp khác
- e) Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức
- f) Các giấy tờ liên quan về đất đai, thẩm định thiết kế cơ sở... (nếu có)
- g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh
- h) Trường hợp dự án gắn với việc thành lập chi nhánh, nhà đầu tư nộp kèm theo Hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định 88/2006/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh
- i) Cam kết bảo vệ môi trường, hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt (theo danh mục tại Nghị định số 21/2008/NĐ-CP).

## II. DỰ ÁN CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI DƯỚI 300 TỶ ĐỒNG VÀ KHÔNG THUỘC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÓ ĐIỀU KIỆN:

Hồ sơ gồm 08 bộ, trong đó có ít nhất 1 bộ gốc

- a. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư
  - Trường hợp không gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-1
  - Trường hợp dự án gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-2
  - Trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp: Mẫu I-3
- b. Chủ trương đầu tư (hoặc tương đương) của UBND tỉnh
- c. Dự án đầu tư
- d. Chứng minh nhân dân/chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
- e. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức.
- f. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm)
- g. Các giấy tờ liên quan về đất đai, thẩm định thiết kế cơ sở... (nếu có)
- h. Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh
- i. Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh

giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài

- j. Trường hợp dự án gắn với việc thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, nhà đầu tư nộp kèm theo Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, theo quy định tại Nghị định 88/2006/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh.
- k. Cam kết bảo vệ môi trường, hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt (theo danh mục tại Nghị định số 21/2008/NĐ-CP).

### **III. DỰ ÁN CÓ VỐN ĐẦU TƯ TỪ 300 TỶ VND TRỞ LÊN VÀ KHÔNG THUỘC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÓ ĐIỀU KIỆN:**

Hồ sơ gồm 08 bộ, trong đó có ít nhất 1 bộ gốc:

- a. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư
  - Trường hợp không gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-1
  - Trường hợp dự án gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-2
  - Trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp: Mẫu I-3
- b. Chủ trương đầu tư (hoặc tương đương) của UBND tỉnh
- c. Dự án đầu tư
- d. Chứng minh nhân dân/chứng thực cá nhân hợp pháp khác
- e. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức
- f. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm)
- g. Các giấy tờ liên quan về đất đai, thẩm định thiết kế cơ sở... (nếu có)
- h. Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh
- i. Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài
- j. Trường hợp dự án gắn với việc thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, nhà đầu tư nộp kèm theo Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, theo quy định tại Nghị định 88/2006/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh
- k. Cam kết bảo vệ môi trường, hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt (theo danh mục tại Nghị định số 21/2008/NĐ-CP).

### **IV. DỰ ÁN CÓ QUY MÔ VỐN ĐẦU TƯ DƯỚI 300 TỶ VND THUỘC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÓ ĐIỀU KIỆN:**

Hồ sơ gồm 08 bộ, trong đó có ít nhất 1 bộ gốc:

- a. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư
  - Trường hợp không gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-1

- Trường hợp dự án gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-2
  - Trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp: Mẫu I-3
- b. Chủ trương đầu tư (hoặc tương đương) của UBND tỉnh
  - c. Dự án đầu tư
  - d. Chứng minh nhân dân/chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
  - e. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức.
  - f. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm)
  - g. Các giấy tờ liên quan về đất đai, thẩm định thiết kế cơ sở... (nếu có)
  - h. Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh
  - i. Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài
  - j. Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện
  - k. Trường hợp dự án gắn với việc thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, nhà đầu tư nộp kèm theo Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, theo quy định tại Nghị định 88/2006/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh.
  - l. Cam kết bảo vệ môi trường, hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt (theo danh mục tại Nghị định số 21/2008/NĐ-CP)

## V. DỰ ÁN CÓ VỐN ĐẦU TƯ TỪ 300 TỶ VND TRỞ LÊN VÀ THUỘC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÓ ĐIỀU KIỆN:

Hồ sơ gồm 08 bộ, trong đó có ít nhất 1 bộ gốc:

- a. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư
  - Trường hợp không gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-1
  - Trường hợp dự án gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-2
  - Trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp: Mẫu I-3
- b. Chủ trương đầu tư (hoặc tương đương) của UBND tỉnh
- c. Dự án đầu tư
- d. Chứng minh nhân dân/chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
- e. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức
- f. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm)
- g. Các giấy tờ liên quan về đất đai, thẩm định thiết kế cơ sở... (nếu có)
- h. Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh

- i. Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài
- j. Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện
- k. Trường hợp dự án gắn với việc thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, nhà đầu tư nộp kèm theo Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, theo quy định tại Nghị định 88/2006/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh
- l. Cam kết bảo vệ môi trường, hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt (theo danh mục tại Nghị định số 21/2008/NĐ-CP).

## **VI. DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC THẨM QUYỀN CHẤP THUẬN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*(bao gồm các lĩnh vực quy định tại điều 37 Nghị định 108/2006/NĐ-CP)*

Hồ sơ gồm 10 bộ, trong đó có ít nhất 1 bộ gốc

- a. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư
  - Trường hợp không gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-1
  - Trường hợp dự án gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-2
  - Trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp: Mẫu I-3
- b. Chủ trương đầu tư (hoặc tương đương) của UBND tỉnh
- c. Dự án đầu tư
- d. Chứng minh nhân dân/chứng thực cá nhân hợp pháp khác
- e. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức
- f. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm)
- g. Các giấy tờ liên quan về đất đai, thẩm định thiết kế cơ sở... (nếu có)
- h. Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh
- i. Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài
- j. Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện
- k. Trường hợp dự án gắn với việc thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, nhà đầu tư nộp kèm theo Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, theo quy định tại Nghị định 88/2006/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh
- l. Cam kết bảo vệ môi trường, hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt (theo danh mục tại Nghị định số 21/2008/NĐ-CP).

## VII. ĐĂNG KÝ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ (danh mục các dự án quy định tại Điều 52.1 Nghị định 108/2006/NĐ-CP):

Hồ sơ gồm 04 bộ, trong đó có ít nhất 1 bộ gốc:

- a. Bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư
  - Trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư không gắn với thành lập doanh nghiệp/chi nhánh: Mẫu I-4
  - Trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập chi nhánh: Mẫu I-5
  - Trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp: Mẫu I-6
- b. Trường hợp chỉ điều chỉnh nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư: Mẫu I-7
- c. Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư trong nước không cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh: Mẫu I-12
- d. Trường hợp đăng ký lại của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01/7/2006: Mẫu I-13
- e. Trường hợp đổi Giấy chứng nhận đầu tư của các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01/7/2006: Mẫu I-14
- f. Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01/7/2006: Mẫu I-15
- g. Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được cấp Giấy phép đầu tư trước ngày 01/7/2006 chưa đăng ký lại và không đăng ký lại: Mẫu I-16
- h. Giấy chứng nhận đầu tư
- i. Các giấy tờ khác liên quan đến nội dung điều chỉnh

## VIII. THẨM TRA ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ (danh mục các dự án quy định tại Điều 52.2 Nghị định 108/2006/NĐ-CP):

Hồ sơ gồm 08 bộ, trong đó có ít nhất 1 bộ gốc

- a. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư, giải trình lý do điều chỉnh; những thay đổi so với nội dung đã thẩm tra khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- b. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án
- c. Giấy chứng nhận đầu tư
- d. Các giấy tờ khác liên quan đến nội dung điều chỉnh

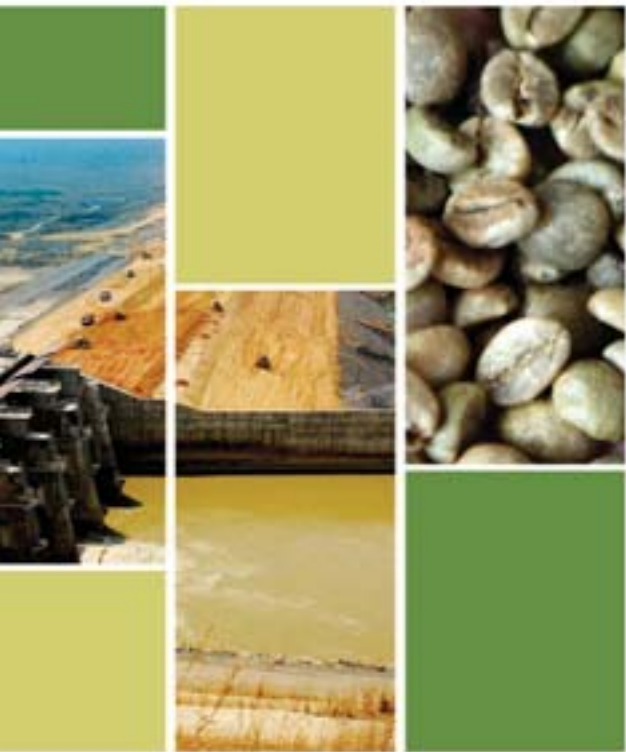


# CHƯƠNG 5

## CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2008-2010

STT	Dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô
1	Trung tâm thương mại, siêu thị	Thị trấn các huyện Krông Buk, Ea Kar, Krông Păk, Cư M'gar, Krông Ana	
2	Khu du lịch hồ Lắk	Thị trấn Liên Sơn - Huyện Lắk	47 ha
3	Khu du lịch thác Krông Kmar	Thị trấn Krông Kmar - Huyện Krông Bông	11 ha
4	Khu du lịch thác Dray Sap Thượng	Xã Dray Sap - Huyện Krông Ana	105 ha
5	Khu du lịch thác Thủy Tiên	Xã Tam Giang - Huyện Krông Năng	30 ha
6	Nhà máy chế biến cà phê nhân bằng công nghệ chế biến ướt	Tại các huyện Krông Ana, Krông Năng, Cư M'gar, Krông Buk, Ea Kar, Ea H'leo, Cư Kuin	20.000T/Năm
7	Nhà máy chế biến cà phê bột	Tại KCN Hòa Phú, CCN Buôn Hồ, huyện Cư Kuin	5.000T/năm
8	Nhà máy chế biến cà phê hoà tan	TP. Buôn Ma Thuột và tất cả các huyện	5.000T/năm
9	Nhà máy chế tạo sản phẩm từ cao su	KCN Hòa Phú, CCN Buôn Hồ	3.000 T/năm
10	Nhà máy chế biến mũ cao su LaTeX	Các huyện: Ea H'leo, Cư M'gar	3.000T/năm
11	Nhà máy chế biến tinh bột ngô	TP. Buôn Ma Thuột và các huyện: Ea Kar, Krông Păk, Ea H'leo, Krông Bông	20.000T/năm
12	Nhà máy chế biến ca cao	Các huyện: Krông Ana, Lắk, Krông Păk, M'drăk, Ea Kar	3.000T/năm
13	Nhà máy chế biến sữa đậu nành	Các huyện Cư M'gar, Buôn Đôn	3.500lít/giờ
14	Nhà máy chế biến bánh kẹo	Các huyện Cư M'gar, Buôn Đôn, Ea Kar	8T/ngày
15	Nhà máy sản xuất đồ gỗ xuất khẩu	Huyện Krông Păk	2.000m <sup>3</sup> /năm
16	Nhà máy gỗ, ván nhân tạo	Huyện M'drăk	20.000m <sup>2</sup> /năm
17	Nhà máy chế biến đồ gỗ dân dụng từ ván nhân tạo	Huyện M'drăk	10.000m <sup>2</sup> /năm
18	Nhà máy sản xuất đồ gỗ xuất khẩu	TP. Buôn Ma Thuột và các huyện	5.000m <sup>3</sup> /năm
19	Xưởng mộc mỹ nghệ	TP. Buôn Ma Thuột	1.500m <sup>3</sup> /năm
20	Nhà máy sản xuất bột giấy	Các huyện Lắk, M'drăk	12.500m <sup>3</sup> /năm

STT	Dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô
21	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu	Huyện Krông Búk	1.000m <sup>3</sup> /năm
22	Nhà máy ép dầu từ vỏ điều	Huyện Ea Súp	10.000T/năm
23	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc	KCN Hòa Phú và các huyện M'drăk, Ea H'leo	15.000T/năm
24	Nhà máy giết mổ và chế biến súc sản	Huyện M'drăk	10.000T/năm
25	Chăn nuôi bò, heo và chế biến thịt	Huyện M'drăk, Ea Kar	
26	Nhà máy thuộc da	Huyện M'drăk	5000T/năm
27	Nhà máy sản xuất gạch không nung	TP. Buôn Ma Thuột và các huyện: Ea H'leo, Cư M'gar.	10tr viên/năm
28	Nhà máy sản xuất tấm lợp	KCN Hòa Phú	500.000m <sup>2</sup> /năm
29	Nhà máy sản xuất đá ốp lát	Huyện Krông Bông, Ea Kar, Ea H'leo	150.000m <sup>2</sup> /năm 2tr viên/năm
30	Nhà máy sản xuất gạch Ceramic	CCN Ea Đar	
31	Nhà máy sản xuất phân vi sinh	Các huyện	10.000T/năm
32	Nhà máy sản xuất bao bì	KCN Hòa Phú, CCN Buôn Hồ, huyện M'drăk	7tr bao/năm
33	Nhà máy sản xuất giày thể thao	TP. Buôn Ma Thuột	1tr SP/năm
34	Nhà máy may mặc	KCN Hòa Phú và các cụm công nghiệp	2tr SP/năm
35	Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú	TP. Buôn Ma Thuột	181,73ha
36	Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp Ea Đar	Huyện Ea Kar	51,5ha
37	Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp Buôn Hồ	Huyện Krông Buk	69,32ha
38	Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp Krông Bông	Huyện Krông Bông	50ha
39	Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp Thành Nhất	TP. Buôn Ma Thuột	38,18ha
40	Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp Krông Ana	Huyện Krông Ana	30ha
41	Các dự án thủy điện	Tại danh mục kèm theo Quyết định 444/QĐ-UB ngày 15/3/2005 của UBND tỉnh v/v phê duyệt Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Đắk Lắk, mỗi nhà máy có công suất không quá 30MW	



Deutsche Gesellschaft für  
Technische Zusammenarbeit (GTZ) GmbH  
- Hợp tác Kỹ thuật Đức -

**Chương trình Phát triển Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa**

Tầng 2, Khách sạn Ngọc Khánh  
84 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

T +84 4 77 10 073/4/5

F +84 4 77 10 076

E [office.sme@gtz-vietnam.com.vn](mailto:office.sme@gtz-vietnam.com.vn)

I [www.sme-gtz.org.vn](http://www.sme-gtz.org.vn)

[www.sme.com.vn](http://www.sme.com.vn)

**gtz** **MPI**

